VIÊN TÀI HÀ TẤN PHÁT

Chữ Bát Trong Kinh Dịch

Bát Trạch Chánh Tông

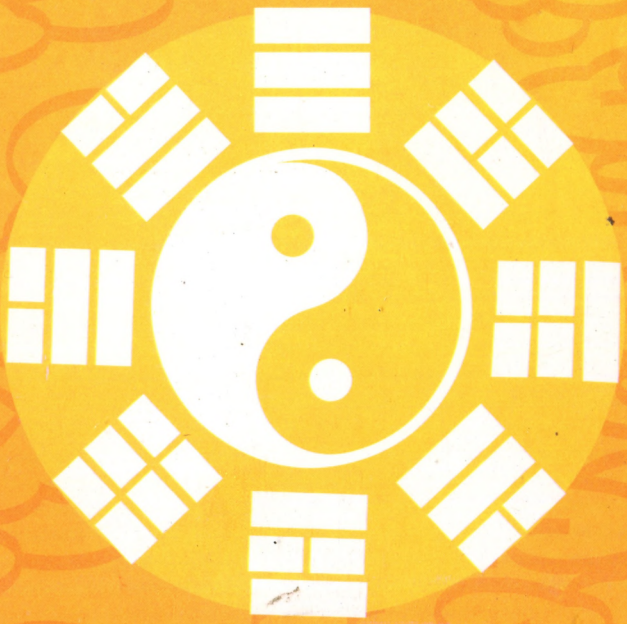

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Viên Tài - Hà Tấn Phát
(Biên soạn)

BÁT TRẠCH CHÁNH TÔNG

(CHỮ BÁT TRONG KINH DỊCH)

Loại sách khảo cứu tỷ mỷ nhiều năm đúng theo sách cổ truyền Á Đông là Quyển Bát Trạch Minh Cảnh để xem phương hướng, cất nhà, trổ cửa, xây mả mồ.

正宗 入宅

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Kính thưa quý vị độc giả

Bổn sách mà tôi soạn ra và trình bày dưới mắt quý ngài đây, nguyên gốc chữ Nho tựa là ***"BÁT TRẠCH MINH CẢNH"*** chuyên xem phương hướng để cất nhà mà xưa nay người Việt Nam ta thường gọi là "Địa lý".

Nói về địa lý, phần đông ai có học chữ Nho và có đọc ***Kinh Dịch*** thì mới hiểu ***Bát Trạch*** là quý báu vì sách ***Bát Trạch*** là rút một phần trong muôn phần của bộ ***Kinh Dịch*** mà làm ra.

Dịch có nghĩa là thay đổi biến chuyển theo hai thể Âm và Dương (tối và sáng), do đó mà truy nguyên sự biến hóa vô cùng của vũ trụ gồm cả muôn sự vật trong đời.

Bổn sách này, tôi lựa sẵn tuổi, tuổi nào hạp về phương hướng nào để cất nhà, theo số của ***Hà Đồ*** và ***Lạc Thơ*** trong Kinh Dịch.

Nhà làm sách ***Bát Trạch*** quán thông thiên văn, rành Địa lý, am hiểu vũ trụ biến hóa, phải hiểu cả Âm Dương thuộc Ngũ Hành sanh và khắc mới làm ra được.

Có lắm người cũng biết chữ Nho và cũng có sách ***Bát Trạch*** nhưng không ai chỉ dẫn thì cũng không làm sao mà phân tách tuổi nào biết cung nào tốt hay xấu.

Tôi, nay đem ra trình bày bộ sách này được là vì trong gia đình tôi có bổn cũ từ xưa và lập thành sẵn. Do đó, tôi đem ra áp dụng thấy có kết quả rất hoàn toàn, cho nên mới dám đem ra trình bày hầu giúp quý vị nào có cần đến cũng khỏi phải thắc mắc khi muốn gây dựng một

ngôi nhà đúng Phương hướng theo Địa lý, và hiện nay ở chốn thôn quê cũng còn yêu chuộng về khoa xem hướng cất nhà mà không có thầy địa lý, và cũng có người không rành mà lợi dụng khoa này thái quá, cho nên tôi sắp đặt rành rẽ từ tuổi ***Giáp Tý*** cho đến ***Quý Hợi*** là 60 tuổi mà trong sách gọi là ***Lục Giáp***.

Quý vị có bổn sách này thì cứ xem tuổi của quý vị rồi đặt địa bàn (tức phương hướng) thì biết liền một cách dễ dàng.

Bổn sách này dịch lại với sách cổ và rất đúng theo căn nguyên của nó, nên tôi đề tựa là ***"Bát Trạch Chánh Tông"***.

Trước khi trình bày bổn ***Bát Trạch*** này, tôi cúi đầu tạ ơn các bậc tiền nhân đã dày công nghiên cứu, để cho hậu thế hưởng nhờ, và tôi xin giữ đúng lương tâm chức nghiệp mà cáo thành bộ sách ***Bát Trạch Chánh Tông*** này, tôi chẳng dám bịa một lời theo ý riêng của tôi.

Bái bút

Tác giả: Viên Tài - Hà Tấn Phát

"SỐNG CÓ NHÀ THÁC CÓ MỒ"

(Cổ Ngữ)

"Khắp nơi chúng ta lúc nào cũng bị nhuần thấm trong luồng tạm gọi là Vũ trụ tuyển kết hợp bằng hàng triệu vi phân tử khác nhau xuyên qua ta hằng ngày, trong suốt đời chúng ta".

Trích trong bài tựa của Maurice de Boglie - Quyển "Les Rayons Cosmique" tác giả Le Prince Ringnet, chương 7.

"Nous sommes en tout moment et en tout liêu baignés pour ainsi dies, dans le rayonnement cosmiquet et traverrés chaque jour, pendant toute notre vie, par plusieurs millions de corpuscules divers qui li composent. Perface de Maurice de Boglie dans Les Rayons Cosmiques par Le Prince Ringne page 7".

"Câu này trích trong quyển Tử Vi Đẩu Số của Ông Nguyễn Mạnh Bảo".

Chúng ta nên khám phá ra những sự huyền vi của tạo vật có ảnh hưởng đến đời sống của chúng ta thì chúng ta rất thích chí, chẳng khác nào vị thuyền trưởng khi ra biển mà trong tay đã có sẵn chiếc Địa bàn.

Viên Tài HÀ TẤN PHÁT

... Đây là bìa quyển "Bát Trạch Minh Cảnh" mà tôi dịch về phần phương hướng nhà cửa và mả mồ bằng chữ Việt rất rành rẽ: xin trưng ra để làm bằng.

Hình thể của quả Địa cầu

Theo lịch Số học Á Đông

mà cũng gọi là "TIÊN THIÊN BÁT QUÁI"

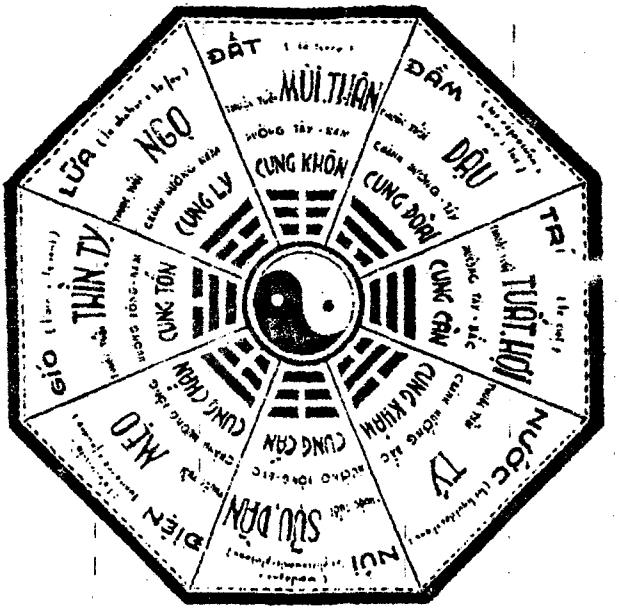

Nguyên văn của Bát quái thuộc Ngũ Hành như vầy:

Càn, tam liên, Tây Bắc, Tuất, Hợi

Khảm, trung mãn, chánh Bắc, đương Tý

Cấn, phúc huyễn, Đông Bắc, Sửu Dần

Chấn, ngưỡng bồn, chánh Đông, đương Mẹo

Tốn, hạ đoạn, Đông Nam, Thìn Tỵ

Ly, trung hư, chánh Nam, đương Ngọ

Khôn, lục đoạn, Tây Nam, Mùi Thân

Đoài, thượng khuyết, chánh Tây, đương Dậu

CHƯƠNG I

Hình thể của quả Địa cầu

Theo lịch Số học Á Đông (là hình Bát quái)

Cung Càn, hướng Tây Bắc, thuộc tuổi Tuất, Hợi
Cung Khảm, chánh hướng Bắc, thuộc tuổi Tý
Cung Cấn, hướng Đông Bắc, thuộc tuổi Sửu, Dần
Cung Chấn, chánh hướng Đông, thuộc tuổi Mẹo
Cung Tốn, hướng Đông Nam, thuộc tuổi Thìn, Tỵ
Cung Ly, chánh hướng Nam, thuộc tuổi Ngọ
Cung Khôn, hướng Tây Nam, thuộc tuổi Mùi, Thân
Cung Đoài, chánh hướng Tây, thuộc tuổi Dậu

Trên đây giải nghĩa tám cung của Hình thể quả Địa cầu theo lịch Số học Á Đông (tức là hình Bát quái). Mỗi cung thuộc về hướng nào và hướng ấy thuộc về tuổi nào (là Địa Chi nào).

Càn : Trời (le ciel)
Khảm : Núi (les liquidé, l'eau)
Cấn : Núi (les plissemnts Plateau, montagens)
Chấn : Điện (l' electricité: tonnerre, tonnerrem foudre)
Tốn : Gió (l' ai: le vent)
Ly : Lửa (la cheleur: le feu)
Khôn : Đất (la terre)
Đoài : Đầm (les depressions: Mare et lacs)

Hình thể của quả Địa cầu

THUỘC NGŨ HÀNH[1]

Cung Càn, Đoài	thuộc	hành Kim
Cung Khảm	–	hành Thủy
Cung Khôn, Cấn	–	hành Thổ
Cung Ly	–	hành Hỏa
Cung Chấn, Tốn	–	hành Mộc

Trên đây giải nghĩa đủ tám cung, cung nào thuộc về mạng nào.

MƯỜI THIÊN CAN HIỆP NHAU
THUỘC VỀ NGŨ HÀNH

Giáp hiệp Ất	thuộc	về Mộc
Bính hiệp Đinh	–	về Hỏa
Mậu hiệp Kỷ	–	về Thổ
Canh hiệp Tân	–	về Kim
Nhâm hiệp Quý	–	về Thủy

MƯỜI HAI ĐỊA CHI XUNG NHAU
THUỘC VỀ NGŨ HÀNH

Dần, Mẹo	thuộc	Mộc
Tỵ, Ngọ	–	Hỏa
Thân, Dậu	–	Kim
Tý Hợi	–	Thủy
Thìn, Tuất, Sửu, Mùi	–	thổ

---

(1) Bát Quái (8 cung) nghĩa là cũng như hình thể quả Địa cầu là trái đất mà chúng ta đứng ở đây. Nơi tròng giữa có hai thể Âm và Dương giao nhau mà sinh tồn cũng như điện lực phải có dây Âm và dây Dương (dây nóng và dây nguội) điều hòa mới phát ra điện lực đặng (Négatif et Positif).

THIÊN VĂN LẬP THÀNH

THIÊN CAN(1) VÀ ĐỊA CHI(2)

THIÊN CAN: Giáp, Ất, Bính Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý là 10 Thiên Can.

ĐỊA CHI: Tý, Sửu, Dần, Mẹo, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi là 12 Địa Chi.

CAN, CHI THUỘC ÂM DƯƠNG(3)

THIÊN CAN: Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm thuộc Dương. Ất, Đinh, Tân, Quý, Kỷ thuộc Âm.

ĐỊA CHI: Tý, Dần, Thìn, Ngọ, Thân, Tuất thuộc Dương. Sửu, Mẹo, Tỵ, Mùi, Dậu, Hợi thuộc Âm.

---

(1) Can: tức là Cán hay là Gốc, Thiên Can tức là gốc tự trời.

(2) Chi: tức là Chi, là nhánh, Địa Chi tức là nhánh mọc ở đất.

(3) Hành: theo luật sinh hóa của năm thế giao nhau mà sanh tồn gọi là Ngũ Hành, thì Thái Âm chịu ảnh hưởng của Thái Dương gọi là Âm-Dương. Để sanh ra vạn vật gồm cả loài người, cũng như điện lực cần phải có dây nóng và dây nguội mới phát điện được. Trong thân thể ta cũng có đủ Ngũ Hành là: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Nếu thiếu một thế nào gì ta phát bịnh hay là chết mà khoa học hiện tại vẫn chứng minh như thế. Như điện lực thì phải có dây âm và dây dương (dây nóng và dây nguội - negatif et positif) mới sanh ra lửa được. (La raison de ceci - Nombre to est que les nombres I et o ingdiquent lé Forces pri-maires, positives et négatives de Lão' Univers. Cesforces peuvent égalenment Sappelles mâle et Femelles - I: positiff, o: négatif) (Lý số học).

CAN, CHI THUỘC NĂM HÀNH VÀ BỐN PHƯƠNG

BỐN MÙA

THIÊN CAN: Giáp, Ất thuộc hành Mộc là phương Đông. Bính, Đinh thuộc hành Hỏa là phương Nam. Mậu, Kỷ thuộc hành Thổ là Trung ương (luồng giữa). Canh, Tân thuộc hành Kim là phương Tây. Nhâm, Quý thuộc hành Thủy là phương Bắc.

ĐỊA CHI: Dần, Mẹo, Thìn thuộc hành Mộc, giữa mùa xuân là phương Đông. Tý, Ngọ, Mùi thuộc hành Hỏa, giữa mùa hạ là phương Nam. Thân, Dậu, Tuất thuộc hành Kim, giữa mùa Thu là phương Tây. Hợi, Tý, Sửu thuộc hành Thủy, giữa mùa đông là phương Bắc.

BỐN CHI: Thìn, Mùi, Tuất, Sửu nói về vị đơn thuộc hành Thổ là bốn tháng quý (bốn tháng cuối mùa là tháng 3, tháng 6, tháng 9, tháng 12). Bốn phương duy (bốn phương giáp: Đông Bắc, Tây Bắc, Đông Nam, Tây Nam).

MƯỜI HAI THÁNG DỰNG ĐỊA CHI

Nước Trung Hoa, từ đời vua Phục Huy mới làm lịch, phân vòng trời đất ra làm 12 phía, lấy 12 Địa Chi phối với 10 Thiên Can mà đặt tên phía, định một năm 12 tháng: cứ theo cán sao Bắc Đẩu chuyển về hễ dựng vô mỗi phía là một tháng. Bắt đầu từ phía Dần như vầy:

Tháng Giêng	dựng phía	Dần (là tháng Dần)
– Hai	–	Mẹo (là tháng mẹo)
– Ba	–	Thìn (là tháng Thìn)
– Tư	–	Tỵ (là tháng Tỵ)
– Năm	–	Ngọ (là tháng Ngọ)
– Sáu	–	Mùi (là tháng Mùi)
– Bảy	–	Thân (là tháng Thân)

– Tám	–	Dậu (là tháng Dậu)
– Chín	–	Tuất (là tháng Tuất)
– Mười	–	Hợi (là tháng Hợi)
– Mười một	–	Tý (là tháng Tý)
– Chạp	–	Sửu (là tháng Sửu)

Còn phối với 10 Thiên Can thì bắt đầu từ tháng Giáp Dần, rồi chuyển lần lần đi tới tháng 11 là Giáp Tý tháng 12 là Ất Sửu, qua tháng Giêng năm sau là Bính Dần...

Năm thì lấy hai chữ đầu Can, Chi mà đặt, khởi từ năm Giáp Tý rồi chuyển lần đi cứ 10 Can là một Giáp, nghĩa là trải suốt 10 Can, qua năm thứ 11 là Giáp Tuất, trải qua 6 Giáp tới năm 60 là Quý Hợi thì qua năm 61 trở lại là Giáp Tý (Lịch Trung Hoa và lịch Việt Nam ta ngày nay đều theo như thế).

HAI MƯƠI BỐN TIẾT KHÍ

Bảng So đối chiếu về Chiêm Tinh Đẩu Số cùng Lịch Số học Á Đông

24 Tiết khí theo âm lịch	Thuộc cung nào của Hoàng đạo theo Chiêm tinh Đẩu Số	Ngày, tháng Âm lịch	Ngày, tháng Dương lịch phỏng chừng xê xích một vài ngày
Lập Xuân	Độ thứ 15, Bảo bình cung (Vaseau)	Đầu tháng Giêng	4 Fé vrier
Vũ Thủy	Độ thứ nhứt, Song ngư cung (Poissons)	Giữa tháng Giêng	19 Fév...
Kinh Trập	Độ thứ 15, Song ngư cung	Đầu tháng Hai	5 Mars
Xuân phân	Độ thứ nhứt, Bạch dương cung (Bélier)	Giữa tháng Hai	21 Mars
Thanh minh	Độ thứ 15, Bạch dương cung	Đầu tháng Ba	5 Avril

24 Tiết khí theo âm lịch	Thuộc cung nào của Hoàng đạo theo Chiêm tinh Đẩu Số	Ngày, tháng Âm lịch	Ngày, tháng Dương lịch phỏng chừng xê xích một vài ngày
Cốc vũ	Độ thứ nhứt, Kim ngưu cung (Taureau)	Giữa tháng Ba	20 Avril
Lập hạ	Độ thứ 15, Kim ngưu cung	Đầu tháng Tư	6 Mai
Tiểu mãn	Độ thứ nhứt, Song nữ cung (Gémeaux)	Giữa tháng Tư	21 Mai
Mang chưởng	Độ thứ 15, Song nữ cung	Đầu tháng Năm	6 Juin
Hạ chí	Độ thứ nhứt, Cự giải cung (Caneer)	Giữa tháng Năm	21 Juin
Tiểu thử	Độ thứ 15, Cự giải cung	Đầu tháng Sáu	7 Juiller
Đại thử	Độ thứ nhứt, Sư tử cung (Lion)	Giữa tháng Sáu	23 Juiller
Lập thu	Độ thứ 15, Sư tử cung	Đầu tháng Bảy	8 Août
Xử thử	Độ thứ nhứt, Trinh nữ cung (Vierye)	Giữa tháng Bảy	23 Août
Bạch lộ	Độ thứ 15, Trinh nữ cung	Đầu tháng Tám	8 Sept.
Thu phân	Độ thứ nhứt, Thiên xứng cung (Balance)	Giữa tháng Tám	23 Sept
Hàn lộ	Độ thứ 15, Thiên xứng cung	Đầu tháng Chín	7 Oct.
Sương giáng	Độ thứ nhứt, Thiên yết cung (Seorpion)	Giữa tháng Chín	23 Oct.
Lập đông	Độ thứ 15, Thiên yết cung	Đầu tháng Mười	7 Nov.
Tiểu tiết	Độ thứ nhứt, Nhân mã cung (Sagitlaire)	Giữa tháng Mười	22 Nov.
Đại tuyết	Độ thứ 15, Nhân mã cung	Đầu tháng 11	7 Déc.
Đông chí	Độ thứ nhứt, Ma-yết cung (Capricorne)	Giữa tháng 11	22 Déc
Tiểu Hàn	Độ thứ 15, Ma-yết cung	Đầu tháng Chạp	6 Janvier
Đại hàn	Độ thứ nhứt, Bảo bình cung	Giữa tháng Chạp	21 Janv..

ĐÔNG, TÂY GẶP NHAU VỀ THUYẾT DỊCH – LÝ – HỌC

Thái cực, Lưỡng nghi, Tứ tượng, Bát quái và Ngũ Hành.

Người ta không lẽ sống u minh trong cõi thời gian không cùng không tận này mà chẳng hay rằng mình đã trường cửu được bao lâu.

Vũ trụ có hai cái không cùng là Không gian và Thời gian (L' esspace et le Temps). Đã biết dùng thước để đo Không gian, tất phải nghĩ ra cách gì để đo Thời gian. Bởi thế bao nhiêu thế hệ học giả nối nhau mà tìm cách đặt lịch (calendrier), nhưng lấy gì làm bản vị (Unité)? đó là then chốt của phép đo thời gian: biết được điều ấy tức là tìm ra cách làm lịch.

Xét nghiệm những hiện tượng của mặt trăng, mặt trời và Địa cầu đều khiến người xưa phải để ý trước nhất là sự thay đổi của bốn mùa luân lưu trong một khoảng thời gian gần như nhất định.

Sự thay đổi của bốn mùa có ảnh hưởng trực tiếp đến bản thân, nên dù người sáng ý đến đâu, người tối dạ đến đâu cũng nhận thấy.

Tiếp theo những ngày rét thấu xương vừa hết, một bầu trời nhuần ấm hình như thấm vào thân thể là một khí vị êm đềm nhẹ nhàng dễ chịu.

Rồi ngày qua thấm thoát lại đến độ nóng thiêu người... chỉ ít lâu mặt trời bớt nóng, người ta đã trút được cái khí nồng nực nặng nề mà sống thư thái những ngày tháng nắng dịu khi buồn và những đêm gió mát trăng trong. Những cái vẻ buồn ngày một tăng lên thêm mà thành ra hãm cái hơi mát ngày một dịu dần mà thành ra lạnh.

Người ta bước sang một mùa rét được ít lâu, rồi lại đến ngày sáng tươi đầm ấm.

Bốn mùa cứ thế thay đổi như thế không ngừng, ảnh hưởng thiết

thực trực tiếp ngay đến thân thể con người, khiến người xưa về trước nhất và nhận ra sự luân chuyển rất đều đặn của thời tiết hình như đã hạn định trong một khoảng bao nhiêu ngày đó.

Tất cả các then chốt trong việc làm lịch là biết được đích xác có bao nhiêu ngày trong bốn mùa đó.

Điều thứ hai đã làm chú ý người xưa là sự luân chuyển của bốn mùa có ảnh hưởng thiết thực đến đời sống hàng ngày của con người và hoa quả cây cối. Đã đến khi không thể sống nhàn nhã tự nhiên hái hoa quả trong rừng, mà đủ ăn được nữa thì bây giờ lại thấy sự cần thiết làm lịch để biết được thời tiết mà trồng trọt, chăn nuôi.

Những hiện tượng trong trời đất và cảnh vật chung quanh ta đều theo bốn mùa trở đi trở lại có thường độ người xưa đếm ngày ra, cảm nhận thấy thường độ ấy vào khoảng trên dưới 360 ngày chi đó.

Nhưng làm lịch không thể nói phỏng chừng như thế được, phải biết đích xác bao nhiêu ngày là trọn hết một vòng luân chuyển của bốn mùa.

Một sự nhận xét nông nổi tính ra vòng luân chuyển ấy ở trong khoảng 12 lần trăng tròn. Lại đếm xem bao nhiêu ngày là một lần trăng tròn, người ta thấy đúng 29 ngày rưỡi.

Vậy 12 lần trăng tròn là 29, 5 x 12 = 354 ngày. Người ta liền lấy cái khoảng 12 lần trăng tròn là 354 ngày làm một bộ lịch gọi là một năm. Mỗi lần trăng tròn là một tháng, người Tàu gọi Trăng là Nguyệt, nên cũng gọi tên tháng là Nguyệt.

Vì mỗi tuần trăng tròn là 29 ngày rưỡi lẻ loi, nên nhà làm lịch xê xích lại cho chẵn, cứ một tháng thiếu là 29 ngày, lại một tháng thừa là 30 ngày.

Âm lịch 345 ngày dùng được ít lâu, người ta thấy nó ngắn quá, năm tháng chóng hết quá, mà thời tiết cứ càng ngày càng lùi chậm lại. Theo lịch thì đã giữa mùa Hè rồi mà trời chưa bức, đã sang Đông rồi mà trời chưa rét.

Quyển lịch năm tháng thiếu ấy rất hại cho sự canh nông, trồng trọt trái thời tiết sẽ làm giảm sút số huê lợi, cuộc sinh hoạt vì thế sẽ thiếu thốn khó khăn. Cho nên ở những nơi dân cư trù mật việc canh nông rất hệ trọng, người ta đã phải cố gắng xem xét hiện tượng của vũ trụ và các vầng tinh tú để tìm thấy một quyển lịch đúng thời tiết...

Từ thời đại rất sớm, người Trung Hoa, người Chaldeén đã rất giỏi về Thiên văn học. Âm lịch 354 ngày ngắn quá, người ta thí nghiệm thêm lần ngày khi tới số 365 ngày thì thấy thời tiết vừa sát đúng.

Sử ký Tàu chép vua Thuấn sai họ Hy, họ Hòa xét tượng số các vùng nhật nguyệt và tinh tú để làm lịch cho dân biết thời tiết mà chăn nuôi trồng trọt.

Một quyển số học tối cổ của Trung Hoa là Kinh Dịch nói về nguyên lý của vũ trụ và thế giới, kể lại rằng:

"Vua Phục Hy lên đỉnh núi, xét sự lai vãng của tinh tú suy về lý do của vũ trụ, rồi lập thành một bản đồ 64 quẻ nói về sự biến hóa và sự luân hồi của thế giới vạn vật".

Hiền triết đời sau cắt nghĩa thêm cho dễ hiểu: "Dịch hữu Thái cực nhị sanh Lưỡng nghi, Lưỡng nghi sanh Tứ tượng, Tứ tượng sanh Bát quái". (Chu Tử).

Dịch nghĩa: Nguyên lý của mọi sự hóa sinh trong vũ trụ là cái lý độc nhất, tuyệt đối, tư hữu, hằng hữu, vô thủy, vô chung, mà tạm gọi là Thái cực (l' Ètre suprême, absolu en soi et éternel: Dieu) do Lý thái cực ấy sinh ra hai thể tương phản mà ta tạm gọi là Âm và Dương (deux forces opposées: le Positif et le Négatif).

Hai thể tương phản giao nhau thành ra bốn hiện tượng của thế giới là:

Lão Dương (Vieux soleil).

Lão Âm (Vieille lune).

Thiếu dương (Astres mineures).

Thiếu Âm (L' Atmosphère: làn không khí bao bọc Địa cầu).

bốn hiện tượng ấy lại giao nhau mà sinh ra tám thể:

1. Càn: Trời(le ciel).

2. Khôn: Đất (la terre).

3. Khảm: Nước (lé liquides: l' eau).

4. Ly: Lửa (la chaleus: le feu).

5. Chấn: Điện (l' électricité: tonnere, foude).

6. Tốn: Gió (l' ai: le vent).

7. Cấn: Núi (les plissements: plateaus montagnes).

8. Đoài: Đầm (des dépressions: mares, lacs).

Những thể ấy giao nhau mà hóa sinh ra vạn vật.

Về lý Số học nói đến đây là đủ hiểu đại khái. Nhưng về Số học gười ta còn tính thêm nhiều.

Tám quái giao nhau thành ra 64 quẻ, mỗi quẻ lại nhân làm 6 hào ành ra:

6 hao x 64 = 384 hào.

Quái khí khởi từ quẻ trung phu, trừ quẻ Chấn, quẻ Ly, quẻ Đoài à quẻ Khảm là bốn quẻ chánh, có 24 hào làm chủ 24 khí, còn thừa:

64 quẻ – 4 quẻ = 60 quẻ.

Mỗi quẻ là 6 ngày, 7 phân, nhân ra:

6, 7 x 60 = 360 ngày 420 phân.

Mỗi ngày có 80 phân, vậy 420 phân tức là 5 ngày 20 phân hay là ăm ngày và một phần tư ngày.

Biết được, con số này, người ta nhận thấy rằng âm lịch ngắn mất:

$$365 \text{ ngày } \frac{1}{4} - 354 = 11 \text{ ngày } \frac{1}{4}$$

Như thế theo âm lịch cứ một năm 12 tháng thiếu mất một ngày 25. Vậy trong 2 năm 7 tháng rưỡi tức là 31 tháng rưỡi thì thiếu vừa vặn 29 ngày 50.

$$\frac{12 \text{ tháng x } 29 \text{ ngày } 50}{11 \text{ ngày } 25} = 31 \text{ tháng rưỡi}$$

Trong 31 tháng rưỡi thiếu vừa đúng 29 ngày rưỡi, tức là vừa đúng 1 lần trăng tròn. Cho nên muốn bù vào chỗ thiếu ấy để thời tiết khỏi sai lẫn, nhà làm lịch cứ hai năm tám tháng lại có 1 tháng nhuận nữa.

Như thế tức là những năm nhuận kia dài gấp 13 lần trăng tròn.

Nhà làm lịch Tàu lại lại tính sẵn đủ 1 pho lịch 60 năm một vòng, đời sau cứ thế mà in ra cho dân dùng.

THÁI CỰC, LƯỠNG NGHI, TỨ TƯỢNG

Trụ Dịch có Thái cực, Lưỡng nghi, Tứ tượng, Bát quái theo Ngũ Hành(1) là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ năm thể giao nhau mà điều hòa vạn vật.

Kinh Dịch do vua Phục Hy làm ra, lấy hình thể con quy (rùa) mà tượng trưng cho Ngũ Hành (con quy từ đầu chí đuôi có 5 vảy, vòng tròn con quy có 28 cái vảy tượng trưng cho 28 vì sao).

Theo sự nhận định của soạn giả Kinh Dịch, Thái cực là một khối tròn bằng khí (hơi) lúc vũ trụ chưa hình thành. Thái cực tức là điện khí mà các khoa học gia ngày nay thừa nhận là đúng. Trong Kinh Dịch quan niệm ấy đã được chứng minh bằng số, nếu lấy số mà nói thì Thái cực là toàn thể của bầu vũ trụ chưa thành hình, hỗn độn Càn, Khôn sơ vị phân. Cho nên người xưa lấy vòng tròn trống không mà biểu tượng Thái cực (Tiền tiền vô thủy, hậu hậu vô chung). Thị chi bất kiến, thinh chi bất văn, đoàn chi bất đắc. nghĩa là: xem chẳng thấy, nghe không có tiếng, nắm bắt không được.

Trong bầu không khí có động tịnh, động thì nóng và sáng sanh ra ra khí dương, tịnh thì lạnh và tối sanh ra khí âm. Âm Dương tương phản biến ra Bát quái (8 cung). Ngày nay khoa học vẫn chứng minh điện khí đã cấu thành trời đất, vạn vật, cổ nhân gọi là Lưỡng nghi hay là Âm Dương, nghĩa là hai thể lạnh và nóng xao động biến thành hơi gió, luồng gió nóng gặp đám mây lạnh sanh ra mưa.

Trong loài sinh vật, do sự giao cảm của 2 giống khác nhau nê cuộc sanh hóa vô cùng: Noãn, Thai, Thấp, Hóa(2). Theo đây thì thuyê Lưỡng nghi đã được chứng minh bằng vật lý học (điện khí) bằng kh tượng học (gió, mưa), bằng sinh vật học (tức là sự giao cảm hóa san của 2 giống đực và cái). Chu Liêm Khê giải: "Thái cực động nhi san dương tịnh nhi sanh âm, tịch cực phục động".

Đức Thích Ca đã tu thiền định mà nhận rằng trong bốn loài cũn chỉ lăn lộn trong vòng sanh tử, có khi loài này sanh vào loài khác cũn đồng thể (thể tánh chân như) (lý thuyết phật giáo).

Đây tôi giải sơ lược để dẫn giải một phần trong muôn triệu phầ của Dịch lý để chứng minh thuyết ứng biến của Ngũ Hành rất quan h mật thiết với con người, cho nên cổ nhân xét sự ứng biến tài chế m làm sách thiên văn, Địa lý chớ không phải dị đoan đâu. Chữ ứng biế có nghĩa âm sanh dương, dương sanh âm, cũng tức là nói hai cá thể trá nghịch nhau, lại điều hòa nhau mà sanh sôi nảy nở, rồi lại đi đến cuộ tổng hợp (điều hòa vạn vật).

Nói: "Dịch cùng tắc biến" cũng như nói thể này biến ra thể khá (hóa nhi tài chi vị biến). Nhân sự biến hóa của tự nhiên mà tài chế ch phải, như thế gọi rằng "biến".

Đây tôi sơ lược giảng giải vài lời mà thôi, vì quyển sách nói vể phương hướng nhà cửa, tôi không đi sâu vào phần triết lý của Kinh Dịch, xin quý vị hiểu giùm.

---

(1) Ngũ Hành là 5 thể chất: Kinh khí, Đạm khí, Dưỡng khí, Thân khí, Không khí.

(2) Noãn sanh là loài đẻ trứng. Thai sanh là loài đẻ con. Thấp sanh là loài đẻ ở dưới đất hay là đẻ ở nơi ẩm ướt. Hóa sanh là loài này hóa ra loại nọ, nhu sâu hóa bướm, chuột hóa dơi...

VŨ TRỤ LÀ GÌ?

Trong sách Ngữ loại của Chu Hy có giải rằng: Tứ phương thượng hạ viết "Vũ", cổ vãng kim lai viết "Trụ". Nghĩa là: Bốn phương trên dưới gọi là "Vũ", xưa qua nay gọi là "Trụ". Giải rộng ra nữa là: cái quãng không gian vô hạn lượng, vô biên giới gọi là "Vũ", cái thời gian vô thủy vô chung gọi là "Trụ". Vậy vũ trụ nghĩa là hết thảy cái gì có ở trong không gian và thời gian, tức vũ trụ là không gian và thời gian.

Bổn hữu của vũ trụ – vũ trụ là cái gì có thực tại chớ không phải là một sự tưởng tượng suông của trí nghĩ người ta, hay là một cái danh từ trừu tượng trong triết học.

Phái duy tâm cho rằng: vạn vật có là tại tâm ta, ngoài tâm ta thì không có gì cả. Tôi không muốn biện luận dài dòng về sự phi lý của cái duy tâm chủ nghĩa ở đây: tôi chỉ nói tắt rằng đó là một sự phi lý: sự vật có là tự nó chứ không phải tự ta nhận biết rằng nó có mà nó mới có, nó có đó là một sự hiện thực không cần phải làm chứng.

Có người nói rằng: Vũ trụ bởi hư không mà trở nên có, có kẻ nói rằng: đấng tạo hóa phán mỗi lời thì bởi cứ không mà hóa ra có vũ trụ. Hai thuyết đó đều phi lý cả. Nói vậy thì ra: đi đôi với "sự có" lại có một "sự không". Ông Chu Hy nói rằng: "Chu tử thiển võng hữu hữu vô", "chi phản chi cùng lý chi học dã", những người nông nổi cho rằng "cái có" và có "cái không" đứng biệt nhau, thì là không biết triết học vậy. Ông Parménide, nhà triết học trứ danh Hy Lạp nói câu này có tiếng

lắm, ông nói: "Cái có" thì là có, "Cái không có" thì là không có, ta đừng có ra khỏi cái ý nghĩ ấy. Tôi nói tóm lại rằng: "Vũ trụ là tự hữu và tự hữu một cách tuyệt đối".

Bổn thể của vũ trụ – vũ trụ, hoặc mỗi một phần tư của vũ trụ đều thành bởi hai cái nguyên lý có đời đời, khác nhau mà không lìa nhau được: hai cái nguyên lý ấy là "Lý" và "Khí". Ông Chu Hy nói rằng: "Thiên hạ vị hữu vô lý chi khí, diệc vi hữu vô khí chi lý".

Trong vũ trụ không hề có cái khí mà không có cái lý, cũng không hề có cái lý mà không có cái khí, nghĩa là trong trời đất chỉ có cái "lý" với cái "khí" thế thôi. Dẫu sự vật có thiên hình vạn trạng, rốt lại, bổn thể của nó chỉ có lý và khí mà thôi.

"Lý" là cái nguyên nhân hoạt động, nguyên nhân trật tự trong vũ trụ. Lý tức là cái mà những nhà tiến hóa luận như Tư Tàn Tắc (Spencer), Đạt Nhĩ Văn (Darwin) Her-Kin (Hoeckel) gọi là "Cái sức nảy nở cố hữu của vật chất".

"Lý" là vô hình, chí thiện, cực hảo, sáng suốt thuần túy và đơn nhất.

"Khí" là vật chất bình thường định, làm ỷ xứ cho "lý". "Khí" khi tan thì vô hình, khi tựu thì hữu hình.

"Khí" lại có bốn tánh cách này là: "chánh", "thiên", "thông" và "sắc". Chánh, Thông là những tư cách tốt: Thiên, sắc là những tư cách xấu.

Sách "Tinh lý tinh nghĩa" nói rằng: "Lý nhất bản nhi khí vạn thù", nghĩa là "Lý thì vốn có một, mà khí thì có thiên hình vạn trạng khác nhau".

"Lý" tức như hồn, mà "khí" như xác, "khí sắc vì kim mộc thủy hỏa, lý sắc vì nhân nghĩa lễ trí".

Âm Dương – Sự nóng và lạnh là căn cơ sanh sản ra và biến đổi các vật. Nóng thì bởi động mà lạnh thì do tĩnh.

"Khí" là một làn vô giới hạn, bị động bởi "lý" là cái nguyên nhân hoạt động. Động thì lần lần phân lìa hành hỏa và hành thủy ra khỏi nhau, hai hành ấy trước còn pha lộn trong thời hỗn độn. Từ đó, những phần tử của khí chất làm nên ở trong không gian (bầu không khí) hai đàng khác nhau là Âm và Dương.

Âm và Dương gọi là Lưỡng nghi, Âm Dương có những tánh cách khác nhau, tùy theo những phân trình nhiều ít của nó ở trong vật chất, thì gây nên sự đầy đủ hay kém khuyết, sự tốt đẹp hay xấu xa tương đối, cả về hình thức và cả về luân lý.

SỰ LUÂN CHUYỂN VÀ SỰ TỒN TẠI CỦA VŨ TRỤ

Các nhà triết học Tống Nho, hay nói rộng hơn, cả triết học giới Trung Quốc từ xưa đến nay không nói cái thuyết sáng tạo, nghĩa là bởi hư không dựng nên cho có, như bên Âu Tây.

Cái nguyên chất của vũ trụ (là khí) vốn hằng có và sẽ có mãi mãi vô cùng tận, hằng liên tiếp luân chuyển theo cơ hội nhứt định. Vạn vật ở trong vũ trụ luân chuyển theo cơ hội nhứt định. Vạn vật trong vũ trụ luân chuyển từ bực hỗn độn mà sanh sôi nảy nở ra, biến hóa, sanh tử, trở về bực hỗn độn rồi lại sanh sôi nảy nở mãi mãi vô cùng. Khi khí chất còn ở trong hư không hỗn độn thì nó là tối tăm, lộn xộn, rải rác không thành hình gì cả. Nhưng khi vì lý là cái nguyên nhân hoạt động thì vật chất lần lần trụ lại và phân rõ ra Ngũ Hành làm thành trời đất.

Ông Thiệu-Khang-Tiết đã là suy nghiệm và khám phá ra được những điều huyền bí ở Hà Đồ và Lạc Thơ mà làm ra bộ sách "Hoàng Cực kinh thế thư". Trong đó, ông ấn định mỗi một vòng luân chuyển

của vũ trụ là 129.600 năm, gọi là một cuộc "Đại khai tịch", một "Thái tuế" hay là một "Nguyên".

Sau mỗi Thái tuế đó thì cả thảy vạn vật trong trời đất lại trở về bực hỗn độn, nhưng nguyên chất vẫn còn, để sanh sôi nảy nở lại. Trước cái Thái tuế 129.000 năm đó đã có một cái Thái tuế, một cái Đại khai tịch khác, mà trước cái Đại khai tịch khác nữa. Cứ thế, động tĩnh không có bắt đầu, Âm Dương không có khởi thủy.

Mỗi nguyên 129.600 năm ấy phân ra làm 12 hồi (Tý, Sửu, Dần, Mẹo, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi), mỗi hồi là 10.800 năm.

Sự sanh sản – Kinh Dịch có nói rằng: " Thiên địa chi đại đức viết sinh" cái nhiệm vụ trọng đại của trời đất là sanh hóa, nhờ sức của Âm Dương, Ngũ Hành hòa hợp với nhau mà làm nên hình chất của vạn vật, vạn vật cứ tùy tánh chất của mình mà theo thiên mệnh tức là lý đã có ở trong mình mà sanh sản ra.

Sự sanh sản như thế gọi là "khí hóa", bây giờ ta cũng còn thấy ở loài động vật như: chí, rận, v. v... và ở loài thực vật như: mốc, rêu, nấm, v. v...

Về sau các vật cùng một nòi giống sanh sản ra giống mình gọi là "hình hóa".

Ta xem đó thì thấy rõ triết học Tống Nho hay triết học Trung Quốc là triết học duy vật, không nhận cái thuyết, có một cái nguyên nhân khác ngoài vũ trụ, dựng nên và chỉ huy mọi sự trong vũ trụ.

Đây tôi chỉ kể sơ lược cái quan niệm về vũ trụ theo triết học Tống Nho. Nếu giải kỹ thì một pho sách cũng không hết. Xin quý vị hiểu cho.

CHƯƠNG II

TRƯỚC KHI MUỐN LỰA PHƯƠNG HƯỚNG QUÝ VỊ NÊN ĐỌC BÀI NÀY

Sách Địa lý có dạy rằng:

"Dĩ sơn thủy vi định cuộc. Tả tắc phục, nhi hữu tắc hành. Tiền giả hô hậu giả ứng, khí tượng vạn thiên".

Nghĩa là:

Nếu như nhà ở gần lộ thì nên trở cửa ra cái lộ, còn ở gần sông thì trổ cửa ra cái m[illegible]ng, như gần núi thì lấy mé sau nhà dựa vào vách núi.

Nhà ở phía hậu rộng lớn thì tốt, đường đi vào nhà thì luôn luôn để phía bên tay mặt của chủ nhà mà làm đường đi. Bên trái nên trồng bông hoa, hay là để trống trải sạch sẽ. Cho nên có câu: "Thanh Long Bạch Hổ, Thanh Long nghi tịnh, Bạch Hổ nghi động" là vậy.

Còn nhà bếp thì cái miệng lò cũng trở theo cửa cái.

Còn những tám cung về hướng nhà của mỗi tuổi, tôi có vẽ mũi tên chỉ mặt trời mọc và mặt trời lặn phân Đông, Tây. Như quý vị muốn xem cho biết nhà của quý vị tốt hay xấu thế nào thì buổi sáng mặt trời mọc lên cao đem cái Địa bàn đặt thử thì biết phương hướng tốt xấu.

Mỗi một cái Địa bàn trong quyển sách này có phân 8 hướng cho mỗi tuổi, có năm Dương lịch và Âm lịch đối chiếu. Mỗi cái Địa bàn của mỗi tuổi đều có 4 hướng tốt và 4 hướng xấu.

Bốn hướng tốt là: Phục vị, Sanh khí, Thiên y và Duyên niên.

Bốn hướng xấu là: Lục sát, Ngũ quỷ, Họa hại và Tuyệt thể (là tuyệt mạng).

Trong bốn hướng tốt thì trổ cửa về hướng nào cũng được, nhưng thuận hơn hết là được hướng Phục vị.

Còn bốn hướng xấu thì hoặc làm cầu tiêu, nhà tắm hay chuồng nuôi súc vật, v. v...

Nếu như cái nhà đã làm rồi mà không biết phương hướng thì bây giờ quý vị cũng lựa tuổi của người nào làm chủ ngôi nhà, rồi đem Địa bàn ra đặt thử mà có lỡ làm cầu tiêu hoặc chuồng súc vật nhằm phương hướng tốt mà vẫn cứ giữ đường đi vô nhà bên tay mặt của chủ nhà (nghĩa là chủ nhà đứng trước cửa cái ngó ra về phía tay mặt của chủ nhà mà làm đường đi là đúng).

Theo sách Địa lý cũng có nói rằng: "Nhứt gia vi trưởng, nhứt thành vi chủ". Chỉ có chủ nhà mới chịu ảnh hưởng của các phương hướng cái nhà đang ở. Về Địa lý thì người vợ không có ảnh hưởng gì. Nhưng khi người đàn bà ở độc thân (nghĩa là không có chồng) mới lấy phương hướng riêng cho tuổi của người đàn bà.

XEM PHƯƠNG HƯỚNG

Sáng ra, mặt trời mọc, quý ngài đem cái Địa bàn đặt thử, như quý vị thấy mấy cung tốt xấu như là Phục vị, Sanh khí, Thiên y và Duyên niên, nếu như mấy hướng tốt mà đã lỡ làm cầu tiêu hay là chuồng heo thì phải sửa chữa lại. Nghĩa là: bốn cung tốt không nên làm những gì có thể gọi là dơ dáy được.

ĐÒN TAY VÀ ĐÒN DÔNG KHI DỰNG NHÀ

Theo bên số Tử Vi có phép An 12 vì sao là:	*Nó hợp với 12 Trực theo 1 Địa chi là:*
Trường sanh	Kiên
Mộc dục	Trừ
Quan đái	Mãn
Lâm quan	Bình
Đế vương	Định
Suy	Chấp
Bính	Phá
Tử	Nguy
Mộ	Thành
Tuyệt	Thâu
Thai	Khai
Dưỡng	Bế

Tại sao làm nhà phải chín cây đòn tay? Cây đòn dông là tượng trưng cho ngôi Thái cực hay là vị chủ trong ngôi nhà ấy. Theo như sách Bát Trạch Minh Cảnh đem cái đạo của Lạc Thơ áp dụng nhơn sự theo 9 con số vô cùng (infini) nhịp nhàng liên đới và có hệ như vầy:

Chánh trị có cửu trù(1)

Địa lý có cửu châu

Đạo giáo có cửu phẩm

Toán pháp có cửu cung.

(1) Cửu trù: Ngũ Hành, Bát chính, Ngũ kỷ, Hoàng cực, Tam đức, Kê nghi, Thứ trưng, Phúc cực. Con số 9 là một con số phù hợp với đạo trời và đạo người, cho nên cổ nhơn rất tin tưởng vào đó. Còn tính theo Trực thì Trực thành luôn luôn đi cặp với các vì sao tốt trong mỗi người, nên người xưa quen dùng để khởi sự hay là xuất hành đi xa.

Cho nên gác đòn tay thì khởi từ cột hàng nhì trở lên chí đòn dông là 10 cây và đòn dông là 11, hay làm 9 cây đòn tay cũng được. (2)

Nếu nghèo làm nhà ở một căn gác thì gác 4 cây đòn tay, một cây đòn dông mà thôi.

Trong bổn Bát Trạch Chánh Tông này, tôi lập thành phương hướng cho mỗi tuần rồi cho nên tôi không chép ra phép tính An 12 vì sao và 12 Trực theo Ngũ Hành Bát quái hợp với tuổi nào làm sao, v. v... vì nếu chép ra cho hết thì phải cả trăm trang giấy mà không có người chỉ cũng không làm sao quý vị hiểu rõ đặng.

PHÁ NGŨ TRUNG THEO SỐ CỦA HÀ ĐỒ

Tại sao làm nhà người ta cữ những năm tuổi nhập cung trung là cung giữa?

Có câu: "Kim Lâu bàn khởi tại Khôn cung, thường phi ngũ nhập tại cung Trung ".

Cung trung là cung giữa thuộc con số 5, số 5 là tượng trưng cho Trời Đất nên bậc thường nhân phải trọng kính. Bên Âu Tây, người Tây cữ con số 13 và hệ trọng nhất là ngày thứ sáu (13) vì Chúa chết vào ngày thứ sáu, có 12 vị tông đồ). Ngày mùng 5, ngày 14 (1 với 4 là 5), 23 (2 với 3 là 5), cũng là cung trung. Trời 3 đất 2 gọi là "Tam thiên lưỡng địa" (tam cường). Hà Đồ lấy số sanh làm chủ cho nên phải đặt con số 5 ở giữa (cung trung).

---

(2) Như nhà lớn mà có hàng tư ở trước thì cũng khởi đầu từ cột hàng tư trở lên mà gác đòn tay và đòn dông.
Còn cái lá bùa Thượng lương không có ý nghĩa gì, có cũng tốt mà không cũng được.

CON SỐ HÀ ĐỒ

4	9	2
3	5	7
8	1	6

CON SỐ TRUNG TÂM CỦA HÀ ĐỒ

Tứ hải tam sơn hội bát tiên (15)
Cửu long ngũ hổ độc nhất thiên (15)
Nhị vương thất tướng phò lục quốc (15)

Cộng xiên hay là ngang dọc cũng ra số 15, và lúc nào con số cũng ở ra chính giữa như tôi đã giải ở trên. Cho nên tính về Kim Lâu thì hễ 5 là cung trung, thì phải hơn, nhưng từ xưa nay đã quen gọi "ngũ thập nhập cung trung", tôi e có phần sai. (Về điểm này tôi xin nhờ bậc cao minh xem xét lại).

Trong quyển "Ngọc Hạp Chánh Tông" của tôi soạn về "Bàn tay Kim lâu", tôi cũng để y như sách cổ.

Như trên đã nói, con số cung trung là số 5 tượng trưng cho Trời Đất rất quan trọng, cho nên bài thơ cộng đủ 15 thì vua, tiên và tướng, sơn hà cũng ở vòng ngoài, con số 5 ở chính giữa. Vì thế mà cữ 5, 14, 23 cũng có lý trọng kính trời đất chớ không phải dị đoan phi lý.

Trên đây do nơi sự khảo sát mà tôi trình bày sơ lược chớ nếu giải ra thì cả một quyển sách cũng chưa đủ. Nói về con số từ 1 đến 9 có liên hệ với sự vật thì nhà triết gia Pythagore cũng có khảo sát và thừa nhận.

BÀN TAY HOANG ÔC
KỴ CẤT NHÀ

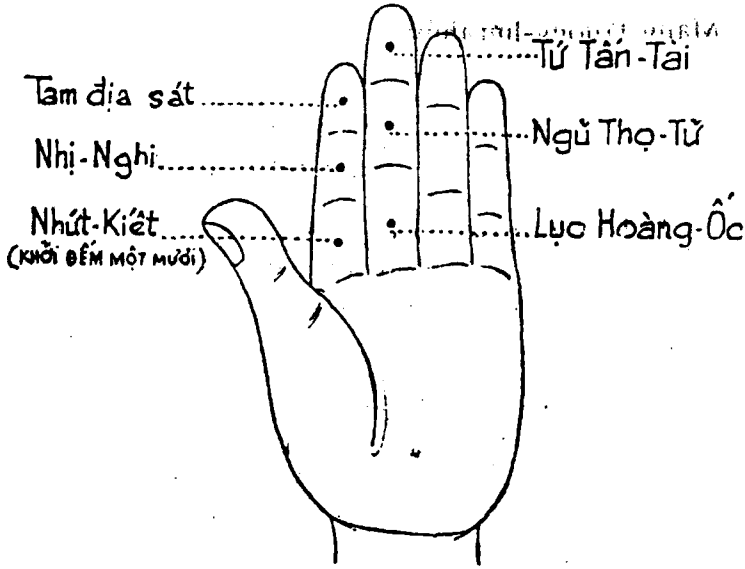

Phàm muốn tính thì phải khởi đến "một mươi" tại chữ "Nhứt Kiết" rồi cứ đếm thuận qua "Nhị nghi" đếm hết tuổi chẵn rồi đến tuổi lẻ.

– "Đại tiểu số liên tiết châu nhi phục thì" nghĩa là "Đếm số tuổi chẵn và tuổi lẻ phải đếm liền theo lóng tay nhau" không tới tuổi mình thì trụ tại nơi ấy.

THÍ DỤ: Người được 31 tuổi thì khởi đếm tại "Nhứt Kiết" 20 tại "Nhị Nghi", 30 tại "Tam Địa Sát", 31 trúng nhằm tại "Tứ Tấn Tài" (là tốt).

Như 32 tuổi nhằm "Ngũ Thọ Tử" hay 33 tuổi thì nhằm "Lục Hoang Ốc" (là xấu không nên dùng), còn 34 tuổi thì nhằm "Nhứt Kiết" và 35 tuổi trúng chữ "Nhị Nghi" (đều tốt cả).

Tính như thế nếu trúng những chữ "Nhứt Kiết", "Nhị Nghi", "Tứ Tấn Tài" là tốt (nên dùng).

Còn trúng nhằm "Tam Địa Sát", "Ngũ Thọ Tử", và "Lục Hoang Ốc " là xấu (không nên dùng).

BÀN TAY KIM LÂU
KỴ CẤT NHÀ

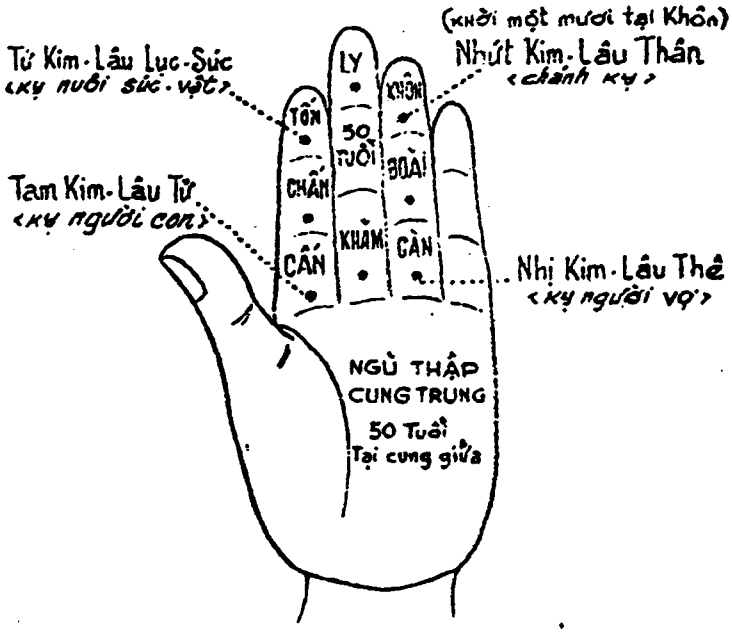

Phàm khởi tính một mươi tại Khôn, 20 tại Đoài, 30 tại Càn, 40 tại Khảm, 50 tại cung giữa (nơi có số 50 tuổi), 60 tại Cấn, 70 tại Chấn, 80 tại Tốn và 90 tại Ly. Cũng vẫn tính hết tuổi chẵn rồi tới tuổi lẻ liên tiếp theo từng lóng tay nhau, đến khi trúng ngay tuổi của mình thì trụ tại lóng tay ấy, rồi dò xem hình vẽ bàn tay trên đây coi nhằm chữ gì, tốt hay xấu.

THÍ DỤ: Người 41 tuổi thì khởi điểm 10 tại Khôn, 20 tại Đoài, 30 tại Càn, 40 tại Khảm, 41 tại Cấn trúng nhằm chữ Kim Lâu Tử (kỵ người con) là không nên dùng.

Như 42 tuổi tại Chấn là tốt nên dùng, nếu 43 tuổi tại Tốn. Nhằm chữ Kim Lâu Lục Súc (trung) là không nên dùng, 44 tuổi tại Ly thì nên dùng, 45 tuổi tại Khôn nhằm chữ Kim Lâu Thân (trung) là chánh kỵ.

Nhằm bốn cung: Đoài, Khảm, Chấn và Ly là tốt nên dùng. Cò nhằm 4 chữ không nên dùng dưới đây:

Kim Lâu Thân (cung Khôn) là chánh kỵ cho chính mình.

Kim Lâu Thê (cung Càn) là kỵ cho người vợ.

Kim Lâu Tử (cung Cấn) là kỵ cho người con.

Kim Lâu Lục Sát (cung Tốn) là kỵ không nuôi được súc vật nh như: heo, gà, vịt, v. v...

KÍNH THƯA CÙNG CÁC VỊ ĐỘC GIẢ

Tôi rút một đoạn trong Ngọc Hạp Chánh Tông về bàn tay Kim âu và Hoang Ốc mà xưa nay người ta thường truyền khẩu cữ làm nhà, hư theo sách Địa lý khi đã biết phương hướng thì không cần phải coi àn tay Kim Lâu và Hoàng Ốc.

Những người rành về Địa lý, Bát môn và Dịch lý không cần lắm, ıo nên có câu "Mạng do ngã lập, phước tự kỹ cầu", nghĩa là "mạng ta ı lập mà phước ta tự ta cầu". Nhưng tôi cũng làm y theo sách cổ điển, ıy ý quý ngài độc giả liệu biện và tôi tin rằng năm Tam tai nên cữ cất hà.

HẠN TAM TAI

NAM NỮ CHUNG

Tuổi: Thân, Tý, Thìn, gặp năm Dần, Mẹo, Thìn (năm Tam tai).

Tuổi Dần, Ngọ, Tuất gặp năm Thân, Dậu, Tuất (năm Tam tai).

Tuổi: Tỵ, Dậu, Sửu gặp năm Hợi, Tý, Sửu. (năm Tam tai).

Tuổi Hợi, Mẹo, Mùi gặp năm Tỵ, Ngọ, Mùi (năm Tam tai).

Năm Tam tai thì thường gặp những chuyện chẳng may, mang tiếng thị phi (mang lời ăn tiếng nói), hay đau ốm, làm ăn thất bại, có tang sự, gặp sự kiện thưa, v. v...

Chúng ta nêu ra những tuổi nào gặp năm Tam tai trên đây hầu quý vị tránh những năm kỵ, để khỏi phải bị thất bại trong những việc lớn lao như: cưới gả, cất nhà, mở hiệu buôn bán, hùn vốn đi buôn to, v. v...

Chẳng phải gặp năm Tam tai mà không làm gì được. Thưa không phải thế, những nền tảng của quý vị đã sẵn có thì cứ tự nhiên làm, còn những việc gì mà xưa nay chưa có, nay mới khởi sự làm nên thì nên tránh năm Tam tai là hơn.

Biết mình, biết người và cũng nên biết chút ít vận mạng tuy chưa chắc trăm trận trăm thắng như người ta thường nói như cũng đỡ được đôi phần.

Đức Khổng Tử có nói: "Người có chí khí quân tử không làm việc cầu may" là thế.

NÓI VỀ:

PHƯƠNG HƯỚNG MẢ MỒ

Về hướng nhà, tôi có giải nghĩa phần trước đây tôi nói về mả mồ.

Phong tục và tập quán của mỗi dân tộc có những nghi lễ bất đồng về hiếu đạo đối với ông bà cha mẹ, hay là những người thân yêu của chúng ta đã chết mà nhứt là nước Việt Nam ta chuộng lễ văn theo đạo Khổng – Mạnh, cho nên tấm lòng của mọi người đối với người quá cố lại có phần thận trọng nhiều. Vì thế nên có câu rằng: "Sống có nhà, thác có mồ".

Các vị cựu học ở nước ta có lắm người rành về Địa lý, người ta chọn lựa phương hướng mồ mả cho ông bà cha mẹ mà dòng dòng họ phát quan nhiều đời... như cụ Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm(1) ở nước ta, cụ quê quán ở làng Cổ Am, như khi cụ sắp lìa trần, cụ dặn các môn đệ đem chôn cụ nơi khác vì cụ tiên đoán làng Cổ Am không được trường cửu. Quả thực sau làng ấy bị triệt hạ và cày tất cả mồ mả do lịnh của toàn quyền Pasquier.

Sách có câu: "Mạng do ngã lập, phước tự kỷ cầu", là người nào trên thì hiểu Thiên văn, dưới thông Địa lý, giữa đạt nhân sự (thượng thông thiên văn, hạ đạt Địa lý, trung quán nhơn sự) (lời của Khổng Minh)(2).

---

(1) Ông sanh năm 1491, mất năm 1585 (Nam Sử)

(2) Một nhân vật đời Tam Quốc khoảng 221 Tây Lịch (Trung Hoa Sử Cương)

Là người biết rành về môn học này mới dám nói thế.

Sách cũng có câu rằng: "Sanh hà ký, tử hà qui?" (sống ở đâu, ch chôn đâu?). Đó là câu ám chỉ sống ở cái nhà để cho đúng phươ hướng, còn chết cũng lựa mồ mả thế nào cho được yên ổn mới an ng ngàn thu.

Vì vậy cho nên ta thường sợ chết nhằm những năm gặp cung x mà con cháu làm ăn không khá, nếu rủi chết trong những năm cu xấu mà mồ mả để đúng theo phương hướng thì cũng đỡ một đôi phầ

Trong sách Địa lý về mồ mả có nói rằng: "Tiền phần hậu trạ giả tăng tăng quan, hậu phần tiền trạch táng gia bại sản". Nghĩa là c mả trước nhà thì có thể tốt cho con cháu phát đạt, còn như cái mả s nhà đang ở thì xấu.

Nên lựa đất mà làm mả, như mình có đất riêng thì cũng lựa tu trong sách này, như người mấy mươi tuổi, tuổi gì rồi cũng đặt cái hì Địa bàn phân Đông, Tây, Nam, Bắc. Nên lựa bên hướng có chữ Sa khí mà day hầu như có thành mộ và có đường đi vô thì cũng cứ giữ b tay mặt mà làm đường đi, phía hậu như gần núi thì trở đầu về phía n gần sông thì trở chân về phía mé sông, lại nữa gần chùa thì trở đầu phía chùa, không nên trở đầu về hướng có đình miếu, nếu có đất rộ rãi thì để phía đầu được rộng và cao tốt lắm.

ĐÂY NÓI VỀ:

CHẾT NHẰM CUNG NÀO TỐT HAY XẤU

Trong 8 cung của người chết có 4 cung thật tốt, 2 cung trung bình à 2 cung xấu như dưới đây:

Cung Càn, phạm hung thần xấu

Cung Khảm, con cháu gặp may mắn

Cung Cấn, trong gia quyến hên may

Cung Chấn, trong gia quyến thăng quan chức

Cung Tốn, động trong dòng họ

Cung Ly, con cháu nghèo nàn

Cung Khôn, gia quyến thăng quan vinh hiển

Cung Đoài, nếu nhằm ngày hung thần thì xấu lắm.

BÀI THƠ NÓI VỀ TÁM CUNG CHẾT

Càn chiêu hung thần liên tử nguy
Khảm phùng vạn sự đắc giai kỳ
Cấn cung an ổn tầm thường sự
Chấn tích kim ngân lợi khả tri
Tốn ngộ quan tài tam mạng một,
Ly phùng khẩu biệt tử tôn suy
Khôn ngộ quới nhơn quan chức trọng
Đoài qui đảng tộc hữu trùng bi.

BÀN TAY TÍNH CUNG CHẾT

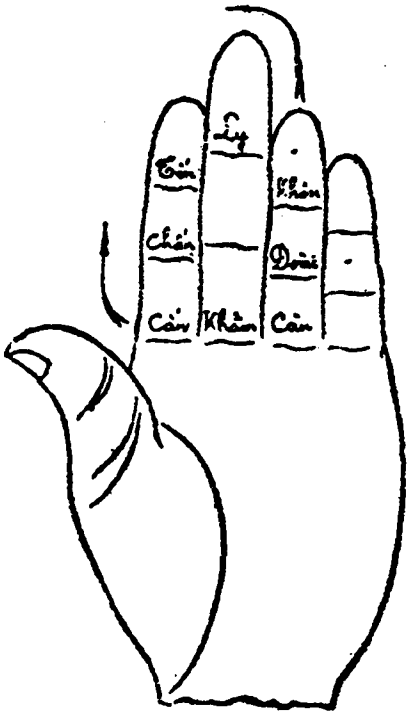

Phàm tính về cung chết thì đàn ông phải khởi tại cung Cấn, còn đàn bà thì khởi tại cung Khôn (Xem hình bàn tay trên đây có mũi tên chỉ). Cách tính thì cũng đếm hết tuổi chẵn rồi đến tuổi lẻ, trúng ngay tuổi của người chết thì trụ tại chữ ấy rồi xem Bài thơ Chết nhằm cung nào tốt hay xấu.

Thí dụ: Người đàn ông chết lúc 41 tuổi trước hết khởi đếm tại 10 tại Cấn, 20 tại Chấn, 30 tại tốn, 40 tại Ly, đó là hết tuổi chẵn, bây giờ đến tuổi lẻ, nghĩa là 41 tuổi tại chữ Khôn. Rồi xem bài thơ trên đây thì chết nhằm cung Khôn thật tốt (cung Khôn trong gia quyến thăng quan vinh hiển), (Khôn ngộ quới nhơn quan chức trọng).

Thêm một thí dụ: Người đàn bà chết nhằm năm 34 tuổi. Vậy khởi 10 tại Khôn, 20 tại Ly, 30 tại Tốn, 31 tại Chấn, 32 tại Cấn, 33 tại Khảm, 34 tại chữ Càn, như thế người chết ấy nhằm cung Càn rất xấu. Cung Càn phạm hung thần xấu (Càn chiều hung thần liên tử nguy).

Quý vị nên nhớ: Người chết được 90 tuổi hay 100 tuổi thì cũng tính như thế, cứ tính hết tuổi chẵn rồi đến tuổi lẻ. Khi trúng ngay tuổi người ấy mới trụ lại đó.

Cũng có lắm người tính cung người chết theo hình con rồng (gọi là *Thập Nhị Hình Long*). Nhưng đó là hậu thế bày chuyện, như Lưu Bá Ôn và Trương Giác đời Tam Quốc có tánh cách mê hoặc, chớ theo sách cổ thì không có.

Còn về tấm "*Triệu*" của người chết thì trong lòng đỏ chữ trắng là tượng trưng cho nghĩa "*Phụ tình mẫu huyết*"

Đàn ông thì chữ chót là chữ "Linh". Đàn bà thì chữ chót là chữ "Thính". Nghĩa là đàn ông thì lẻ 3, còn đàn bà lẻ 4. Đó là người đàn ông thì trọn "*Tam Cang*", người đàn bà thì đủ "*Tứ Đức*": Công, Dung, Ngôn, Hạnh vậy.

Và không ở một nơi nào có người chết mà có các cụ nhà ta thường cho thêm một hai tuổi, đó là người ta biết người chết ấy nhằm cung xấu, vì muốn tránh tiếng cho người chết nên các cụ bày cho thêm tuổi bằng cách kín đáo như vậy, rồi những người không biết chữ và cũng không biết tính cung người chết tốt hay xấu thế nào, sau rồi có bà con chết cũng bắt chước cho thêm tuổi, v. v...

Tôi xin ai không biết thì chớ làm càn "Tri chi [illegible] tri chi, Bất tri vi, bất tri, như thị tri". Chỉ có Đức Thượng Đế mới có quyền thêm bớt tuổi của ta. Chúng ta tùy phương tiện vậy thôi. Quyền giả nhứt thời chi dụng.

BẢNG KÊ TÍNH TUỔI

Lập thành từ 1 tuổi đến 60 tuổi. Đối chiếu tuổi Âm lịch với Dương lịch. Bản tính tuổi này lập ra vào năm 1969 – Âm lịch năm Kỷ Dậu.

CHI CAN	GIÁP	ẤT	BÍNH	ĐINH	MẬU	KỶ	CANH	TÂN	NHÂM	QUÝ
Sanh năm Tuổi → tuổi Tý	1924 45t 46t	→ →	1936 33t 34t		1948 21t 22t		1960 9t 10t		1912 57t 58t	
Sanh năm Tuổi → tuổi Sửu	→ →	1925 44t 45t		1937 32t 33t		1949 20t 21t		1961 8t 9t		1913 56t 57t
Sanh năm Tuổi → tuổi Dần	1914 55t 56t	→ →	1926 43t 44t		1938 31t 32t		1950 19t 20t		1962 7t 8t	
Sanh năm Tuổi → tuổi Mẹo	→ →	1915 54t 55t		1927 42t 43t		1939 30t 31t		1951 18t 19t		1963 6t 7t
Sanh năm Tuổi → tuổi Thìn	1964 5t 8t	→ →	1916 53t 54t		1928 41t 42t		1940 29t 30t		1952 17t 18t	
Sanh năm Tuổi → tuổi Tỵ	→ →	1965 4t 5t		1917 52t 53t		1929 40t 41t		1941 28t 29t		1953 16t 17t
Sanh năm Tuổi → tuổi Ngọ	1954 15t 15t	→ →	1966 3t 4t		1918 51t 52t		1930 39t 40t		1942 27t 28t	
Sanh năm Tuổi → tuổi Mùi	→ →	1955 14t 15t		1967 2t 3t		1919 50t 51t		1931 38t 39t		1943 26t 27t
Sanh năm Tuổi → tuổi Thân	1944 25t 25t	→ →	1956 13t 14t		1968 1t 2t		1920 49t 50t		1932 37t 38t	
Sanh năm Tuổi → tuổi Dậu	→ →	1945 24t 25t		1957 12t 13t		1909 60t 61t		1921 48t 49t		1933 36t 37t
Sanh năm Tuổi → tuổi Tuất	1934 35t 36t	→ →	1946 23t 24t		1958 11t 12t		1910 59t 60t		1922 47t 48t	
Sanh năm Tuổi → tuổi Hợi	→ →	1935 34t 35t		1947 22t 23t		1959 10t 11t		1911 58t 59t		1923 46t 47t

BẢNG KÊ TÍNH TUỔI

Lập thành từ 61 tuổi đến 121 tuổi. Đối chiếu tuổi Âm lịch với Dương lịch. Bảng tính tuổi này lập ra vào năm 1969 – Âm lịch năm Kỷ Dậu.

CHI CAN	GIÁP	ẤT	BÍNH	ĐINH	MẬU	KỶ	CANH	TÂN	NHÂM	QUÝ
Sanh năm Tuổi → tuổi Tý	1864 105t 106t	→ →	1876 93t 94t		1882 81t 82t		1900 69t 70t		1852 117t 118t	
Sanh năm Tuổi → tuổi Sửu	→ →	1865 104t 105t		1877 92t 93t		1889 80t 81t		1901 68t 69t		1853 116t 117t
Sanh năm Tuổi → tuổi Dần	1854 115t 116t	→ →	1866 103t 104t		1878 91t 92t		1890 79t 80t		1902 67t 68t	
Sanh năm Tuổi → tuổi Mẹo	→ →	1855 114t 115t		1867 102t 103t		1879 90t 91t		1891 78t 79t		1903 66t 67t
Sanh năm Tuổi → tuổi Thìn	1904 65t 66t	→ →	1856 113t 114t		1868 101t 102t		1880 89t 90t		1892 77t 78t	
Sanh năm Tuổi → tuổi Tỵ	→ →	1905 64t 65t		1857 112t 113t		1869 100t 101t		1881 88t 89t		1893 76t 77t
Sanh năm Tuổi → tuổi Ngọ	1894 75t 76t	→ →	1906 63t 64t		1858 111t 112t		1870 99t 100t		1882 87t 88t	
Sanh năm Tuổi → tuổi Mùi	→ →	1895 74t 75t		1907 62t 63t		1859 110t 111t		1871 98t 99t		1883 86t 87t
Sanh năm Tuổi → tuổi Thân	1884 85t 86t	→ →	1896 73t 74t		1908 61t 62t		1860 109t 110t		1872 97t 98t	
Sanh năm Tuổi → tuổi Dậu	→ →	1885 84t 85t		1897 72t 73t		1849 120t 121t		1861 108t 109t		1873 96t 97t
Sanh năm Tuổi → tuổi Tuất	1874 95t 96t	→ →	1886 83t 84t		1898 71t 72t		1850 119t 120t		1862 107t 108t	
Sanh năm Tuổi → tuổi Hợi	→ →	1875 94t 95t		1887 82t 83t		1899 70t 71t		1851 118t 119t		1863 106t 107t

SANH NĂM 1957 LÀ TUỔI ĐINH DẬU

Nhỏ: 13 tuổi – Lớn: 73 tuổi

Cung Chấn ☳ "Thượng ngươn"

Mạng Sơn-hạ-hỏa

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung TỐN

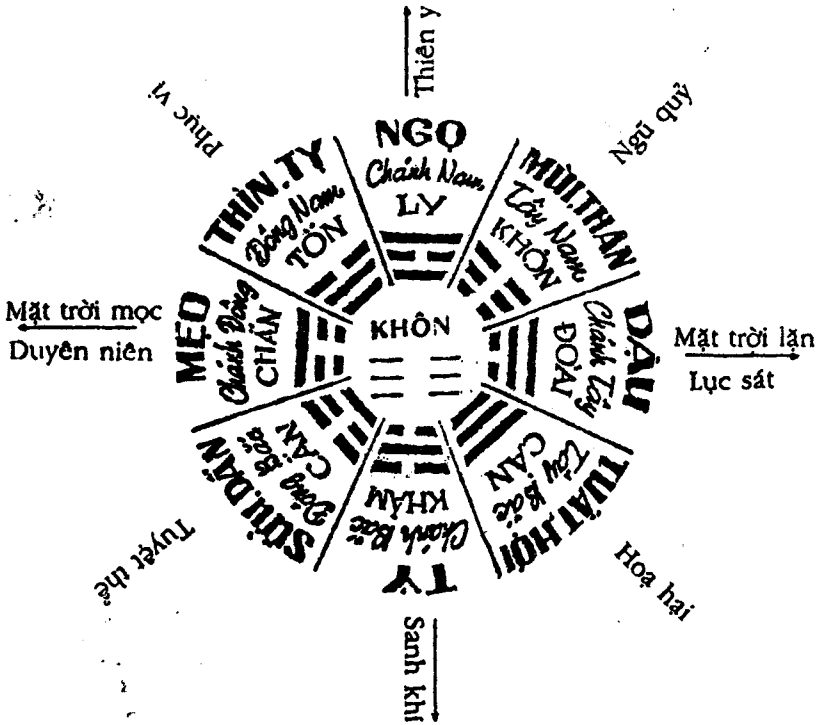

Về phương hướng cái nhà trổ cửa tốt hơn hết là: cung Phục-vị, Duyên-niên, Sanh-khí, Thiên-y, chỉ tốt vừa mà thôi.

Có mấy hướng Tuyệt-thể, Họa-hại, Lục-sát, Ngũ-quỷ là xấu.

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1957 LÀ TUỔI ĐINH DẬU

Nhỏ: 13 tuổi – Lớn: 73 tuổi

Cung Chấn ☳ "Thượng ngươn"

Mạng Sơn-hạ-hỏa

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung KHÔN

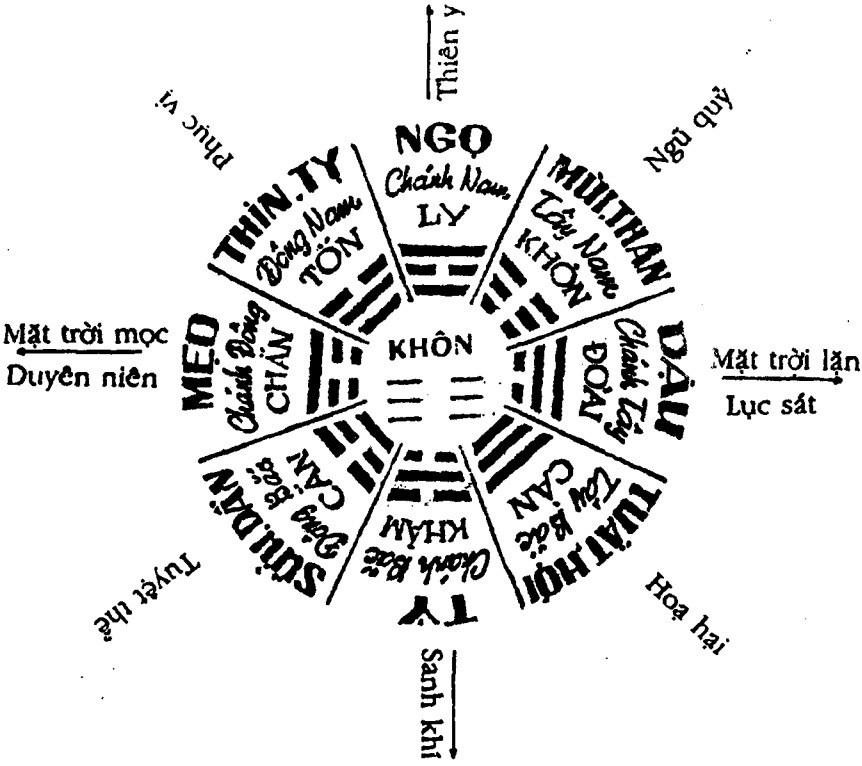

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1956 LÀ TUỔI BÍNH THÂN

Nhỏ: 14 tuổi – Lớn: 74 tuổi

Cung Khôn ☷ "Thượng ngươn"

Mạng Sơn-hạ-hỏa

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung KHÔN

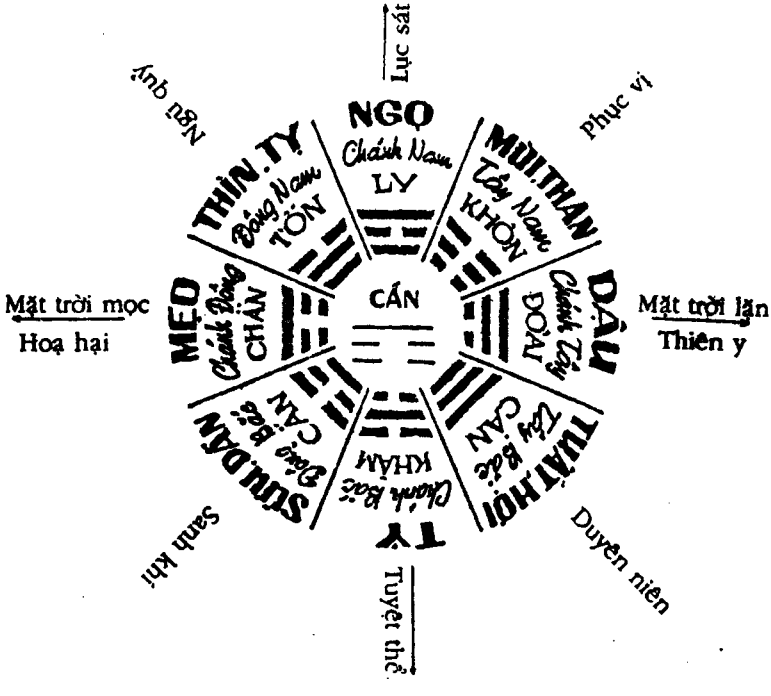

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1956 LÀ TUỔI BÍNH THÂN

Nhỏ: 14 tuổi – Lớn: 74 tuổi

Cung Khôn ☷ "Thương-ngươn"

Mạng Sơn-hạ-hỏa

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung KHẢM

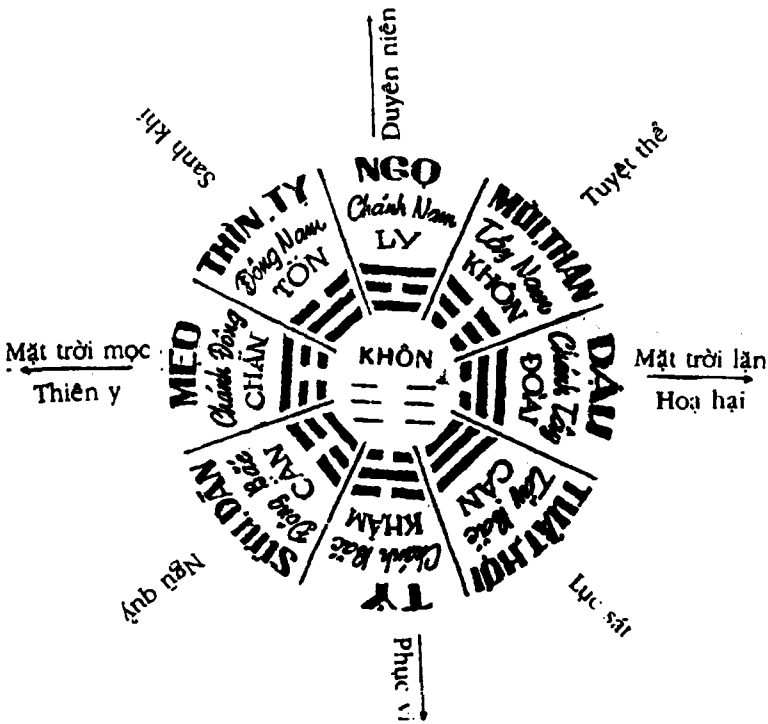

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1955 LÀ TUỔI ẤT MÙI

Nhỏ: 15 tuổi – Lớn: 75 tuổi

Cung Khảm ☵ "Thượng ngươn"

Mạng Sa-trung-kim

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung CÀN

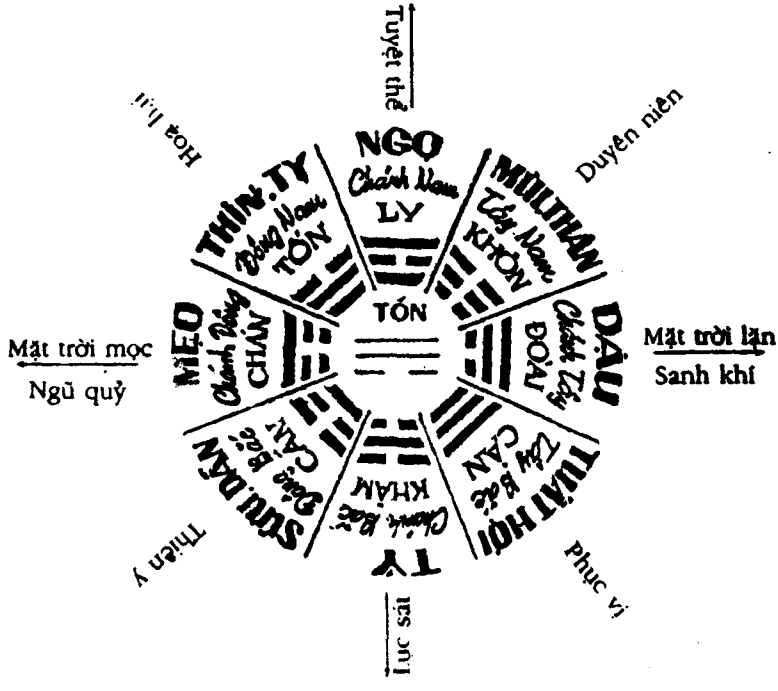

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1955 LÀ TUỔI ẤT MÙI

Nhỏ: 15 tuổi – Lớn: 75 tuổi

Cung Khảm ☵ "Thượng ngươn"

Mạng Sa-trung-kim

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung LY

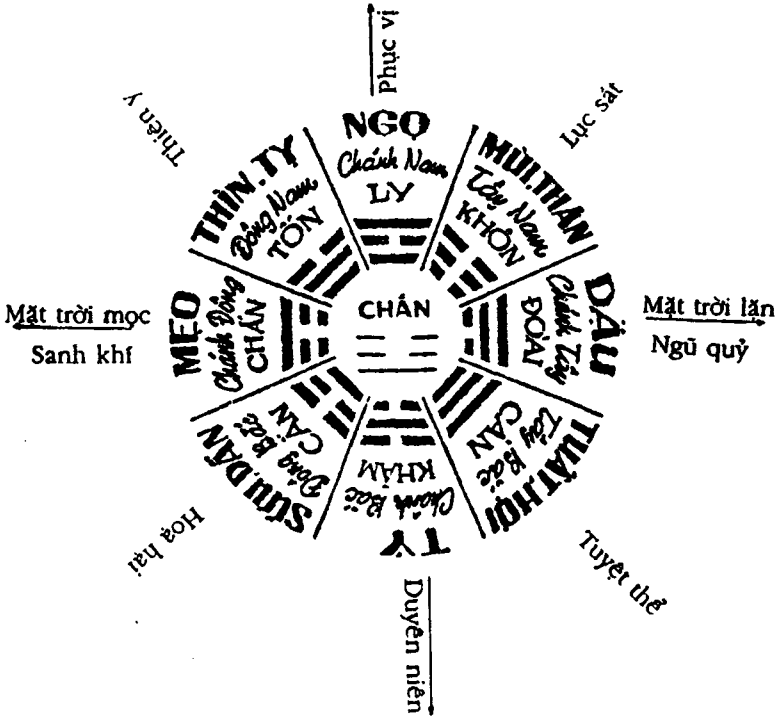

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1954 LÀ TUỔI GIÁP NGỌ

Nhỏ: 16 tuổi – Lớn: 76 tuổi

Cung Ly ☲ "Hạ ngươn"

Mạng Sa-trung-kim

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung TỐN

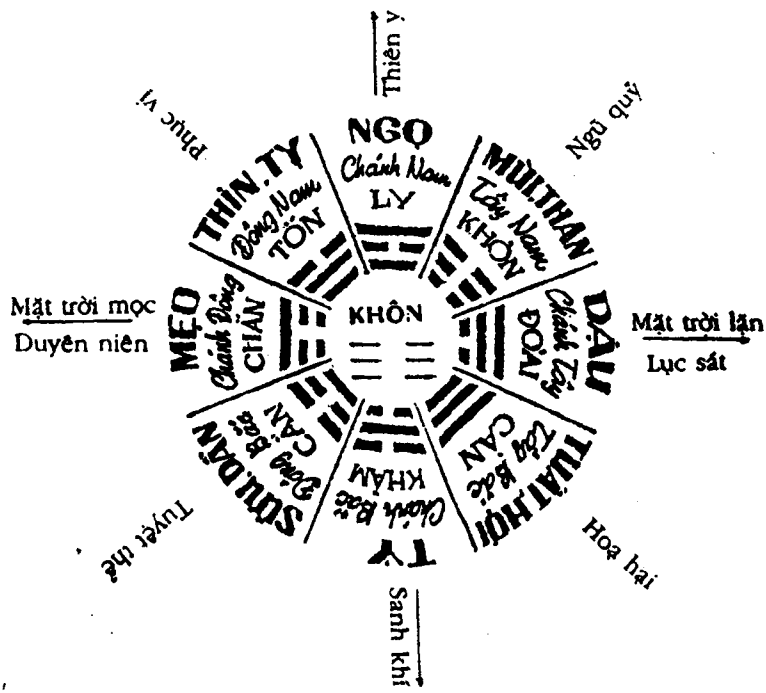

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1954 LÀ TUỔI GIÁP NGỌ

Nhỏ: 16 tuổi – Lớn: 76 tuổi

Cung Ly ☲ "Hạ ngươn"

Mạng Sa-trung-kim

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung KHÔN

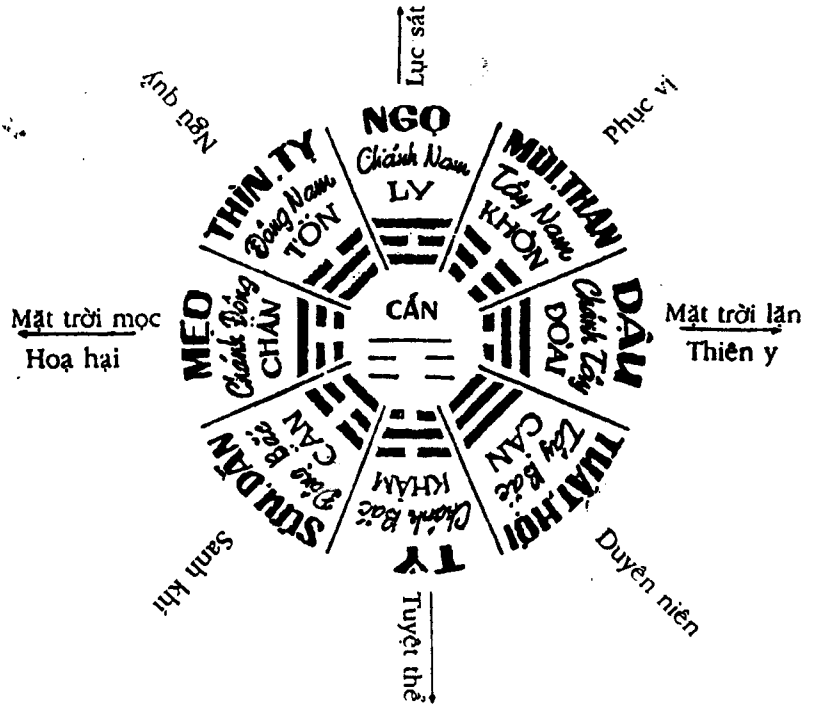

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1953 LÀ TUỔI QUÝ TỴ

Nhỏ: 17 tuổi – Lớn: 77 tuổi

Cung Khôn ☷ "Thượng ngươn"

Mạng Trường-lưu-thủy

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung CẤN

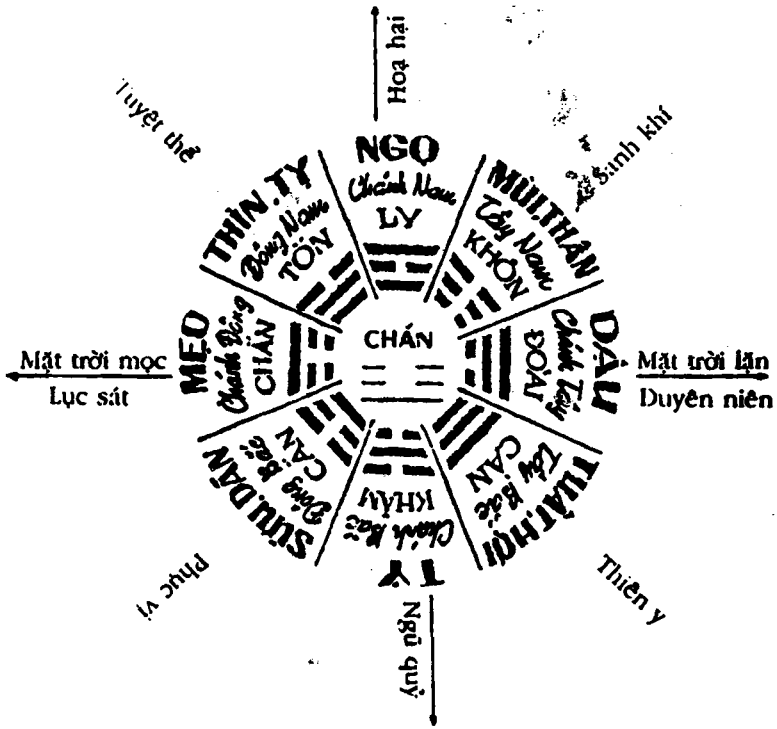

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1953 LÀ TUỔI QUÝ TỴ

Nhỏ: 17 tuổi – Lớn: 77 tuổi

Cung Khôn ☷ "Thượng ngươn"

Mạng Trường-lưu-thủy

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung ĐOÀI

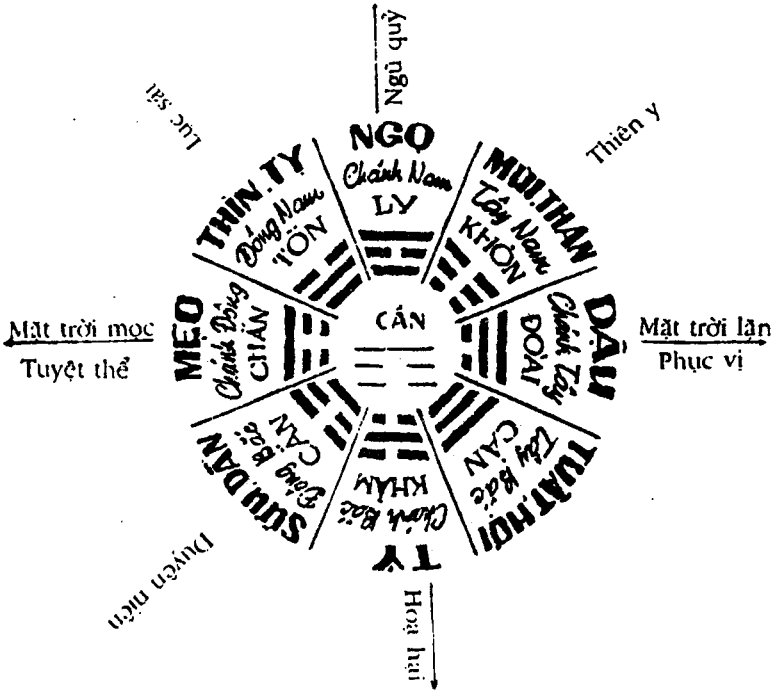

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1952 LÀ TUỔI NHÂM THÌN

Nhỏ: 18 tuổi – Lớn: 78 tuổi

Cung Khảm ☵ "Thượng ngươn"

Mạng Trường-lưu-thủy

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung LY

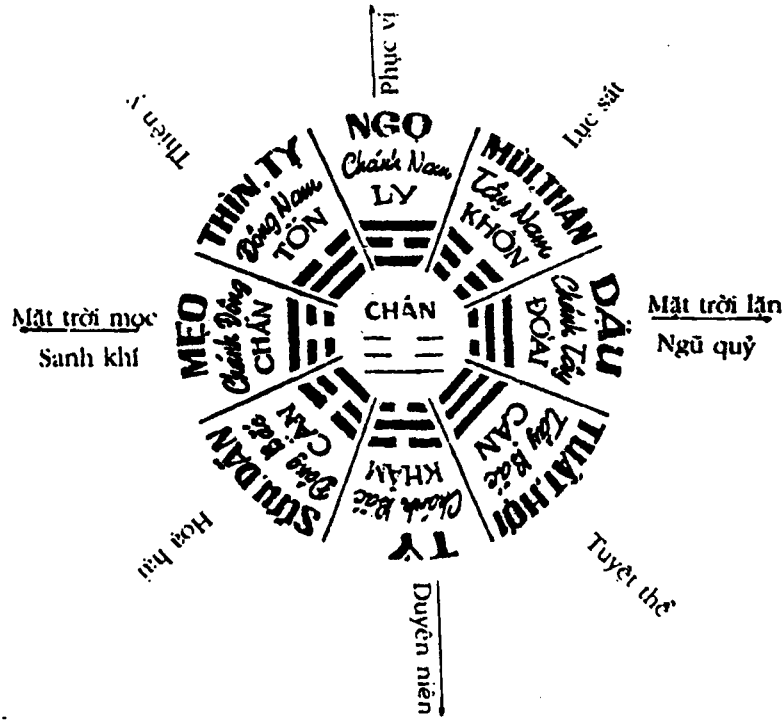

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1952 LÀ TUỔI NHÂM THÌN

Nhỏ: 18 tuổi – Lớn: 78 tuổi

Cung Khảm ☵ "Thượng ngươn"

Mạng Trường-lưu-thủy

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CÀN

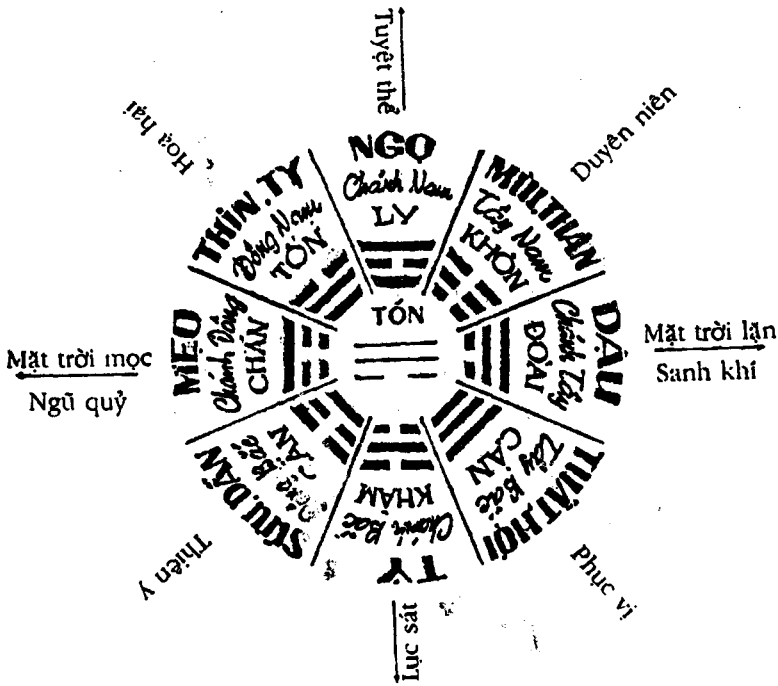

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1951 LÀ TUỔI TÂN MẸO

Nhỏ: 19 tuổi – Lớn: 79 tuổi

Cung Ly ☲ "Hạ ngươn"

Mạng Tòng-bá-mộc

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung ĐOÀI

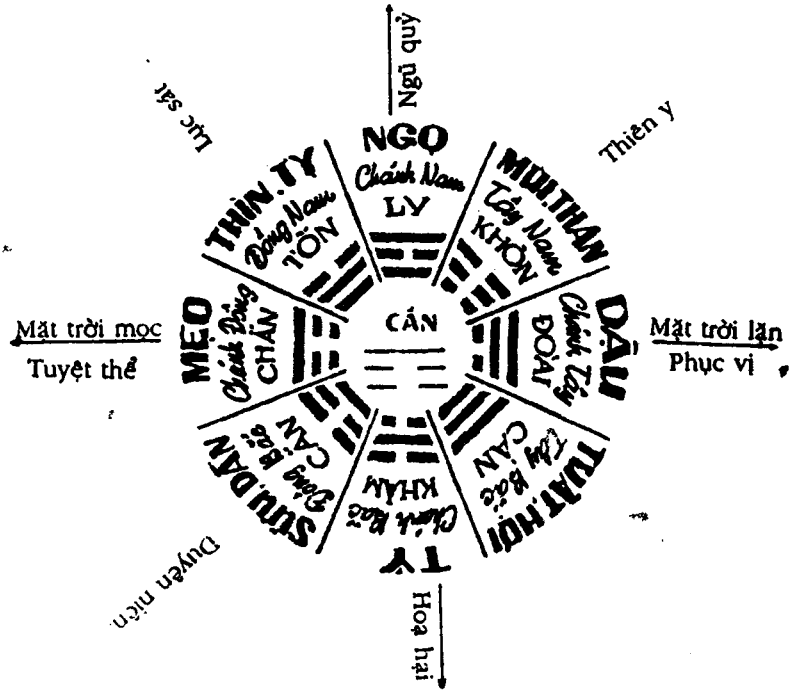

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1951 LÀ TUỔI TÂN MẸO

Nhỏ: 19 tuổi – Lớn: 79 tuổi

Cung Ly ☲ "Hạ ngươn"

Mạng Tòng-bá-mộc

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CẤN

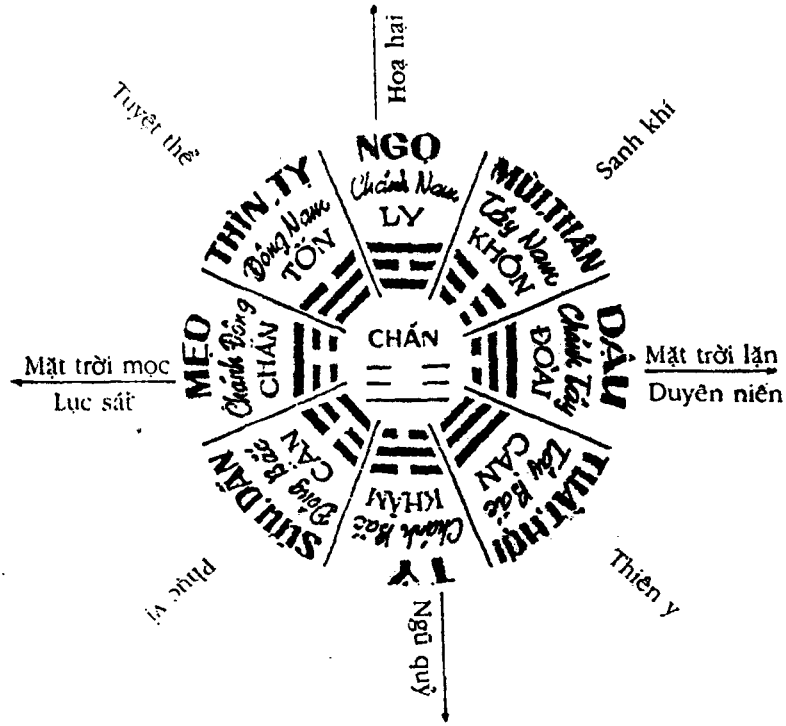

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1950 LÀ TUỔI CANH DẦN

Nhỏ: 20 tuổi – Lớn: 80 tuổi

Cung Cấn ☶ "Hạ ngươn"

Mạng Tòng-bá-mộc

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung CẤN

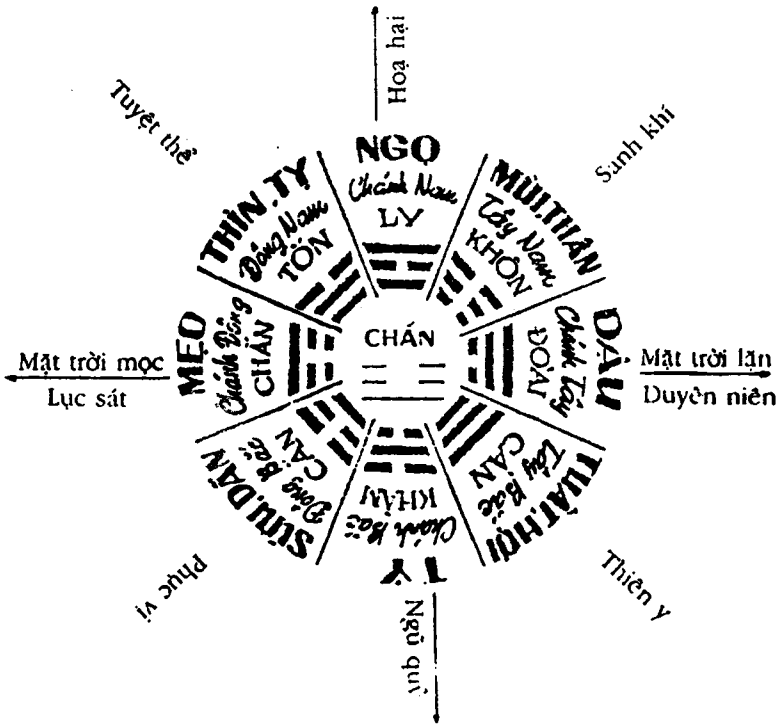

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1950 LÀ TUỔI CANH DẦN

Nhỏ: 20 tuổi – Lớn: 80 tuổi

Cung Cấn ☶ "Hạ ngươn"

Mạng Tòng-bá-mộc

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung ĐOÀI

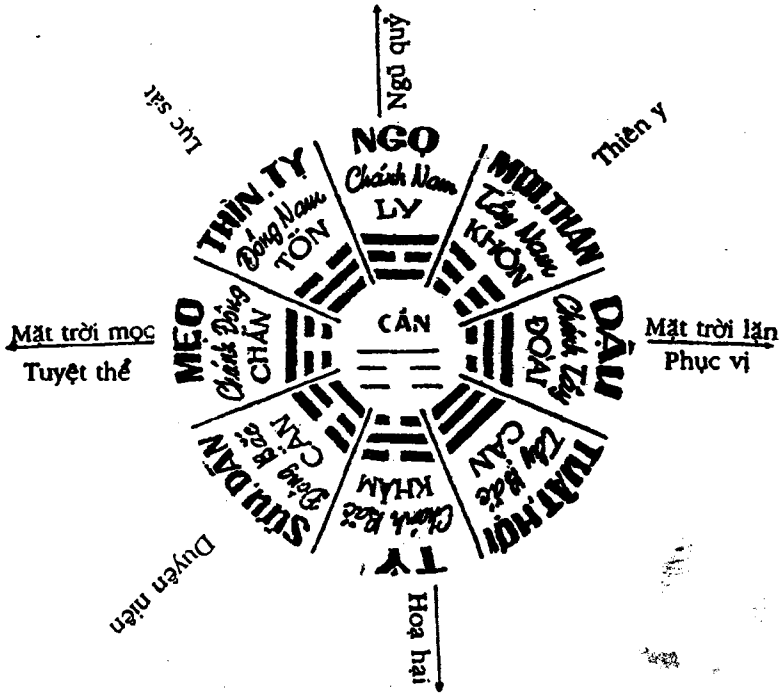

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1949 LÀ TUỔI KỶ SỬU

Nhỏ: 21 tuổi – Lớn: 81 tuổi

Cung Đoài ☱ "Hạ ngươn"

Mạng Thích-lịch-hỏa

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung LY

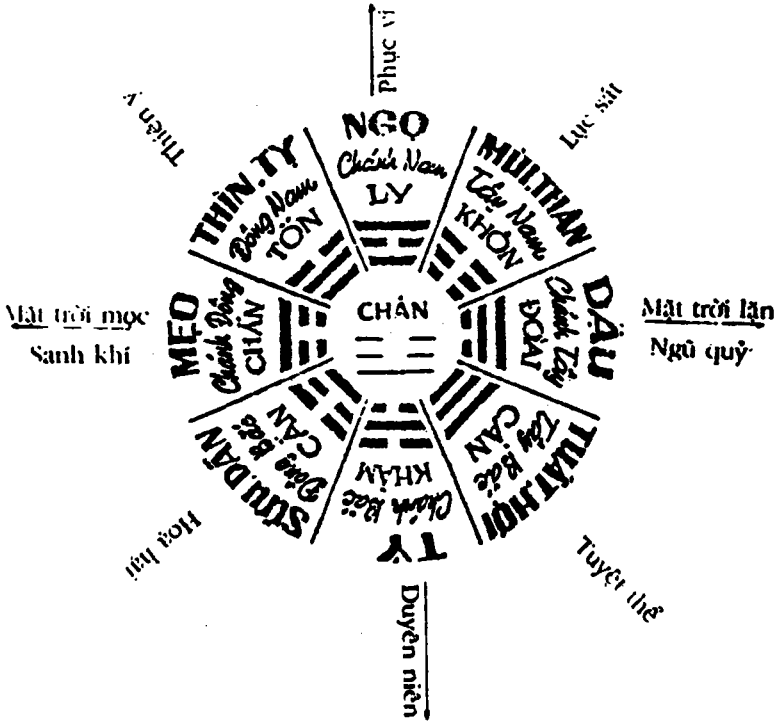

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1949 LÀ TUỔI KỶ SỬU

Nhỏ: 21 tuổi – Lớn: 81 tuổi

Cung Đoài ☱ "Hạ ngươn"

Mạng Tòng-bá-mộc

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung ĐOÀI

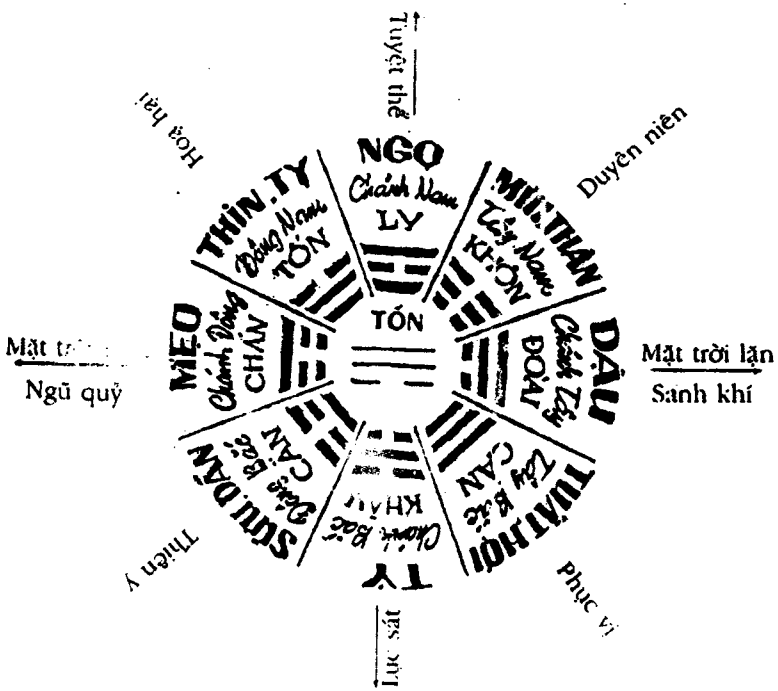

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tu
Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phụ
vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như
độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1948 LÀ TUỔI MẬU TÝ

Nhỏ: 22 tuổi – Lớn: 82 tuổi

Cung Càn ☰ "Trung ngươn"

Mạng Thích-lịch-hỏa

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung CẤN

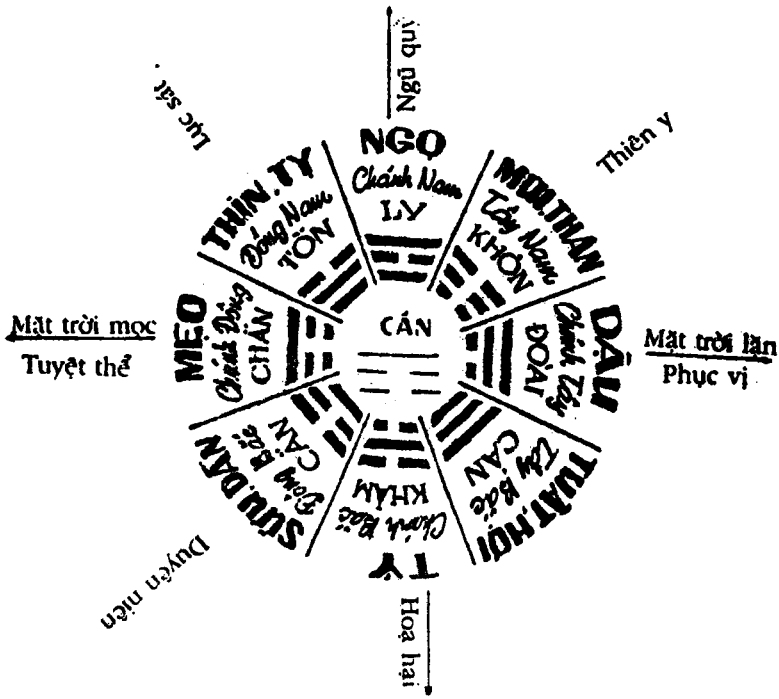

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về hương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1948 LÀ TUỔI MẬU TÝ

Nhỏ: 22 tuổi – Lớn: 82 tuổi

Cung Càn ☰ "Trung ngươn"

Mạng Thích-lịch-hỏa

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CẤN

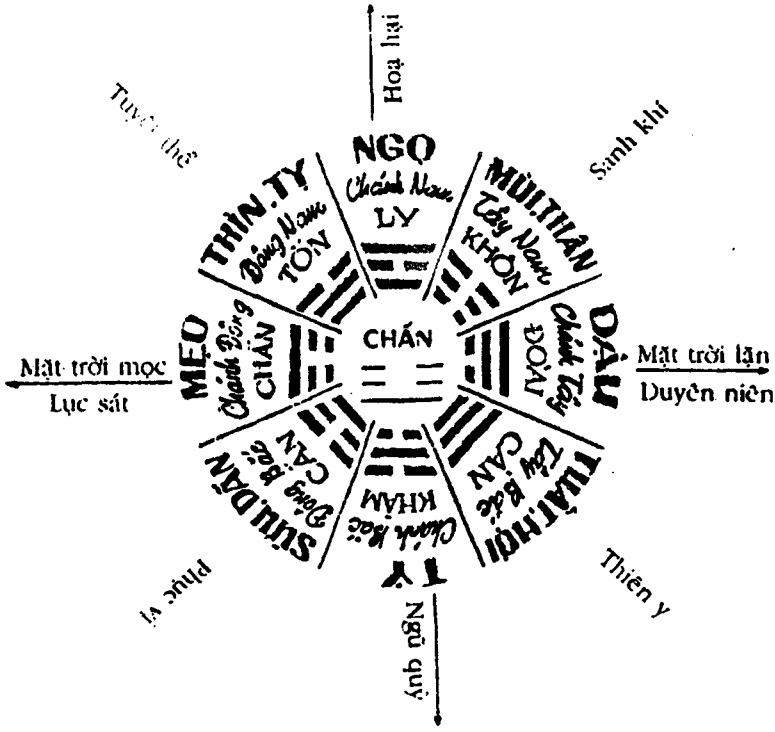

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1947 LÀ TUỔI ĐINH HỢI

Nhỏ: 23 tuổi – Lớn: 83 tuổi

Cung Cấn ☶ "Thượng ngươn"

Mạng Ốc thượng thổ

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung KHÔN

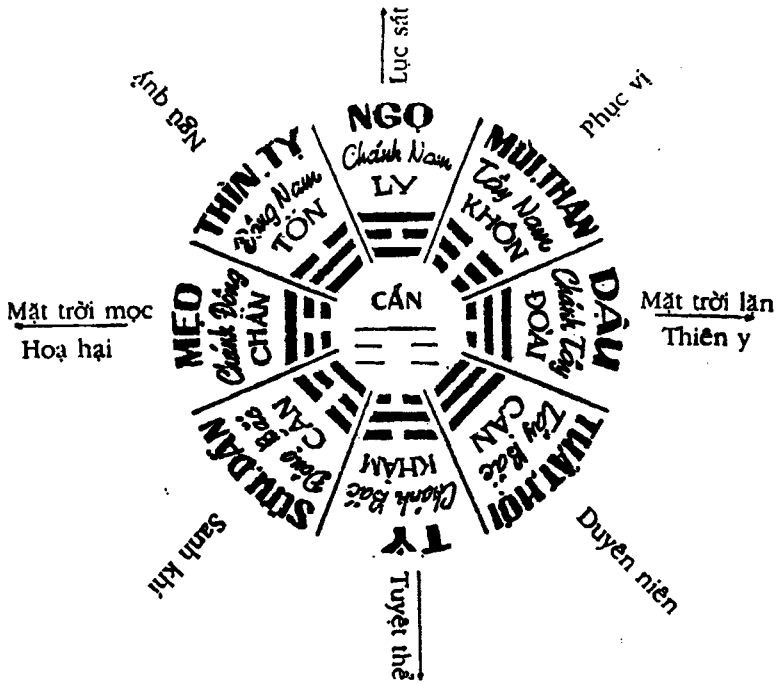

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi nặm qua quý vị tính hêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về hương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi ăm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1947 LÀ TUỔI ĐINH HỢI

Nhỏ: 23 tuổi – Lớn: 83 tuổi

Cung Cấn ☶ "Hạ ngươn"

Mạng Thích-lịch-hỏa

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung KHẢM

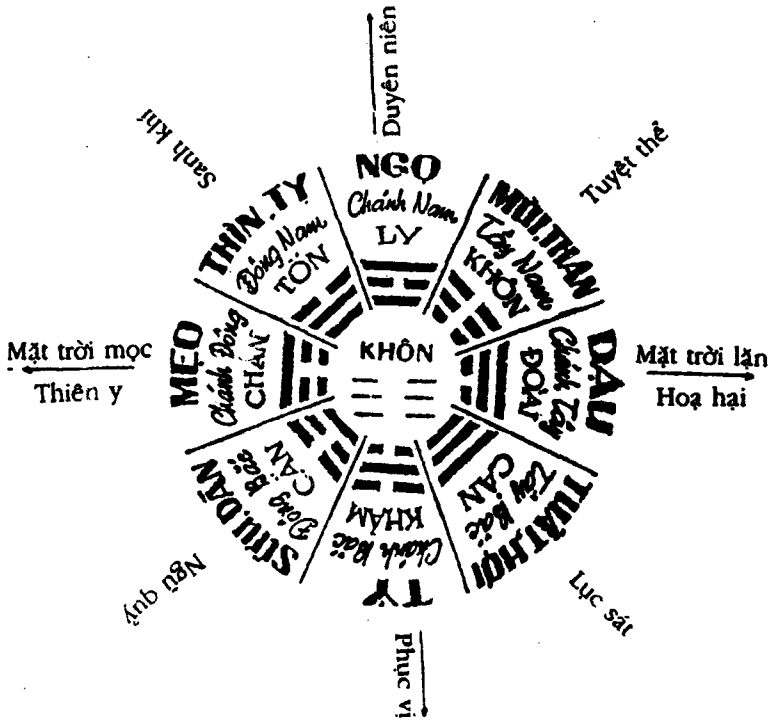

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1946 LÀ TUỔI BÍNH TUẤT

Nhỏ: 24 tuổi – Lớn: 84 tuổi

Cung Tốn ☴ "Trung ngươn"

Mạng Ốc thượng thổ

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung LY

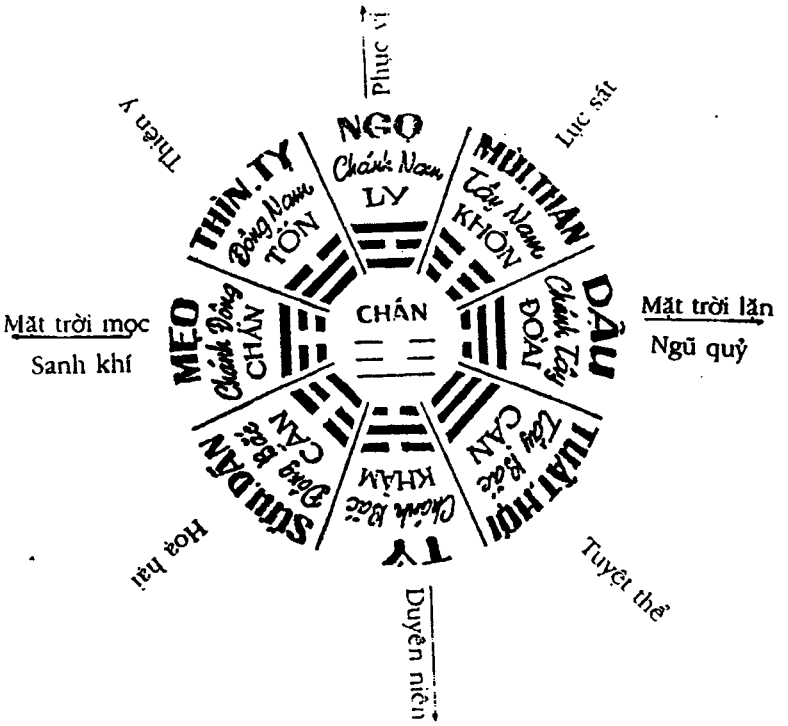

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1946 LÀ TUỔI BÍNH TUẤT

Nhỏ: 24 tuổi – Lớn: 84 tuổi

Cung Tốn ☴ "Trung ngươn"

Mạng Ốc thượng thổ

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CÀN

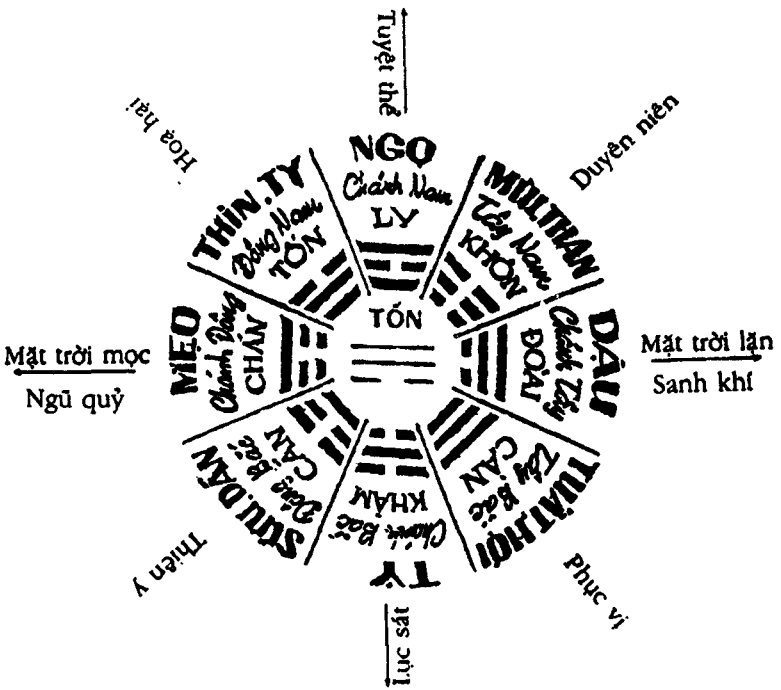

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổ Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1945 LÀ TUỔI ẤT DẬU

Nhỏ: 25 tuổi – Lớn: 85 tuổi

Cung Chấn ☳ "Thượng ngươn"

Mạng Tuyền trung thủy

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung ĐOÀI

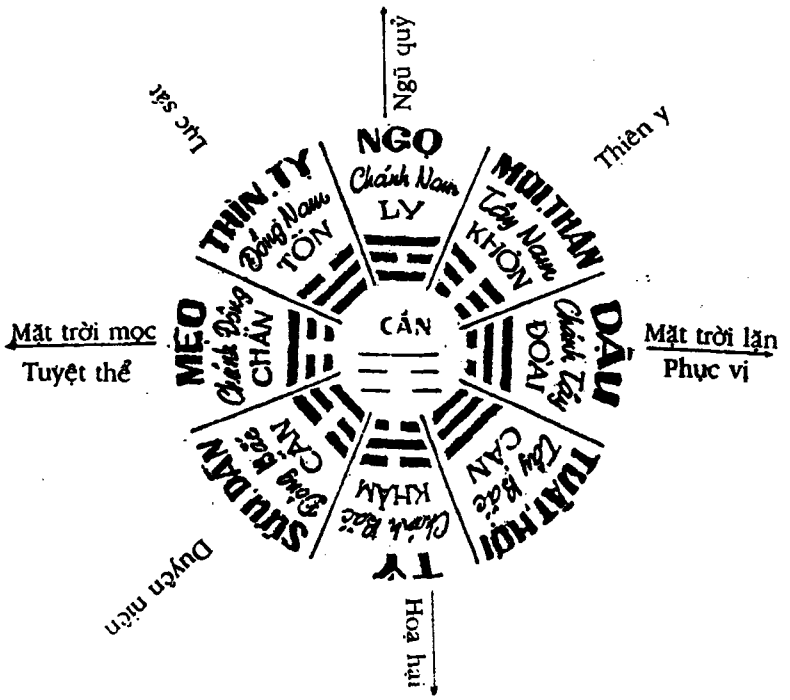

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 ương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính êm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về ương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi ím 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1945 LÀ TUỔI ẤT DẬU

Nhỏ: 25 tuổi – Lớn: 85 tuổi

Cung Chấn ☳ "Thượng ngươn"

Mạng Tuyền trung thủy

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CẤN

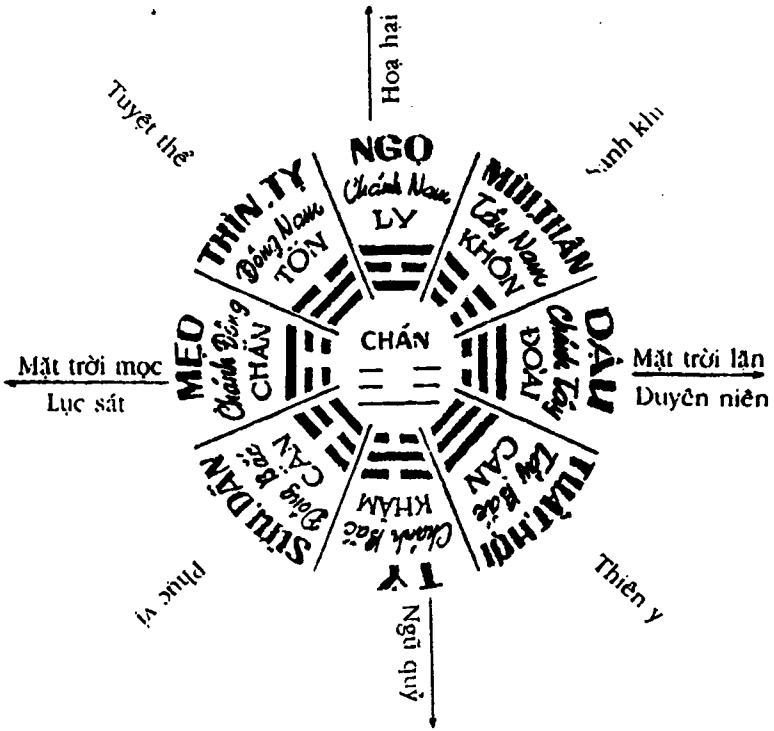

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1944 LÀ TUỔI GIÁP THÂN

Nhỏ: 26 tuổi – Lớn: 86 tuổi

Cung Khôn ☷ "Thượng ngươn"

Mạng Tuyền trung thủy

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung CẤN

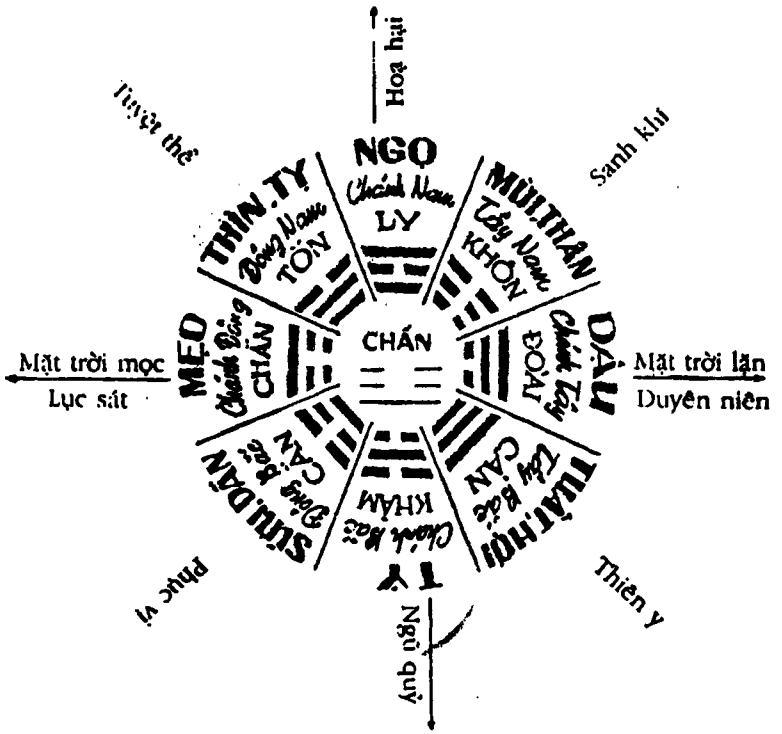

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 196 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tín thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm m năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1944 LÀ TUỔI GIÁP THÂN

Nhỏ: 26 tuổi – Lớn: 86 tuổi

Cung Khôn ☷ "Thượng ngươn"

Mạng Tuyền trung thủy

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung ĐOÀI

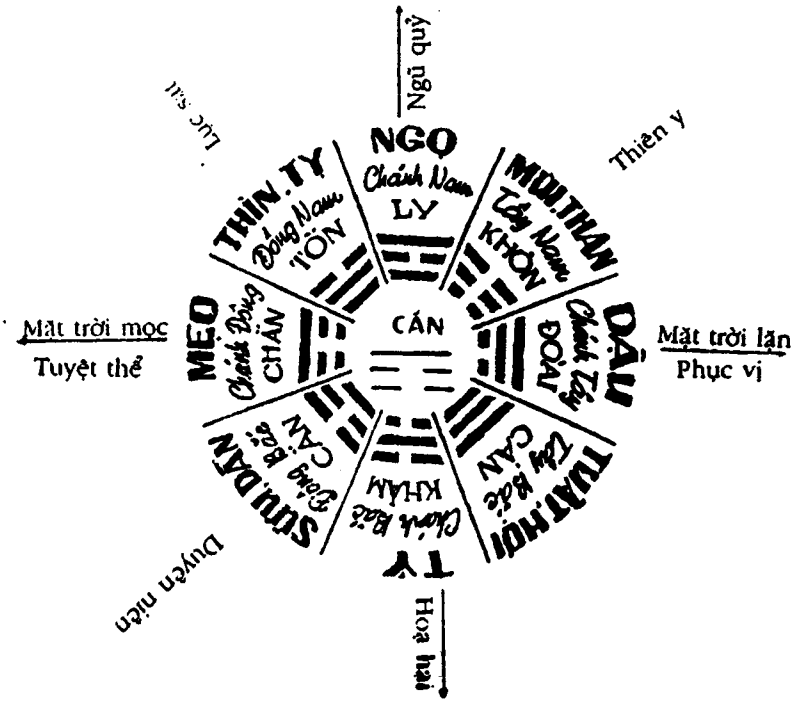

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1943 LÀ TUỔI QUÝ MÙI

Nhỏ: 27 tuổi – Lớn: 87 tuổi

Cung Càn ☰ "Trung ngươn"

Mạng Tuyền trung thủy

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung CHẤN

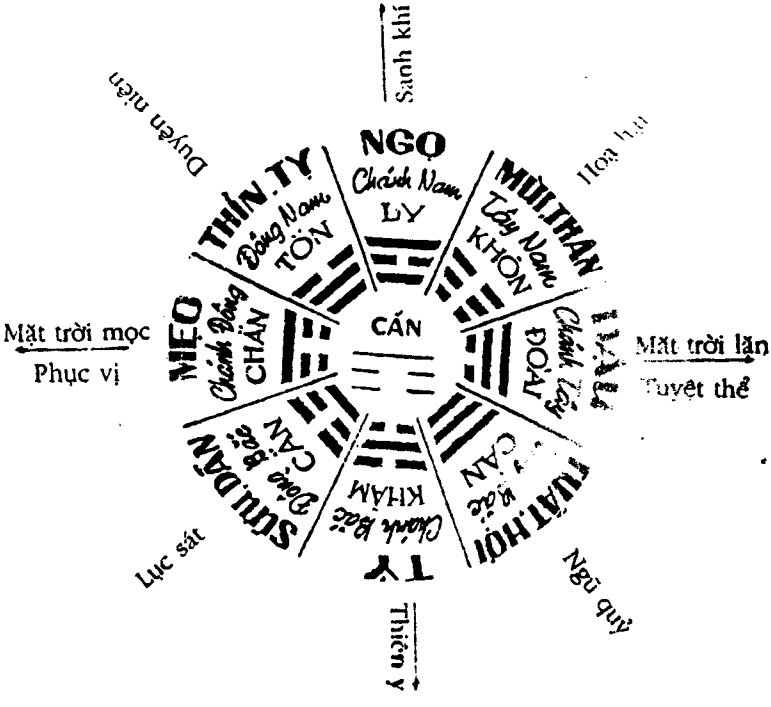

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1943 LÀ TUỔI QUÝ MÙI

Nhỏ: 27 tuổi – Lớn: 87 tuổi

Cung Càn ☰ "Thượng ngươn"

Mạng Dương-liễu-mộc

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CHẤN

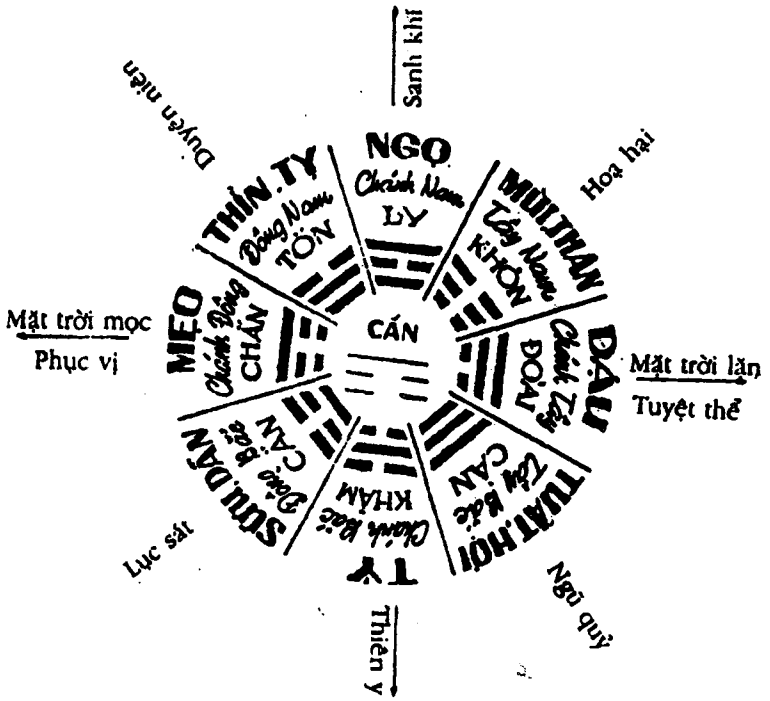

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổ Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1942 LÀ TUỔI NHÂM NGỌ

Nhỏ: 28 tuổi – Lớn: 88 tuổi

Cung Ly ☲ "Thượng ngươn"

Mạng Dương-liễu-mộc

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung KHẢM

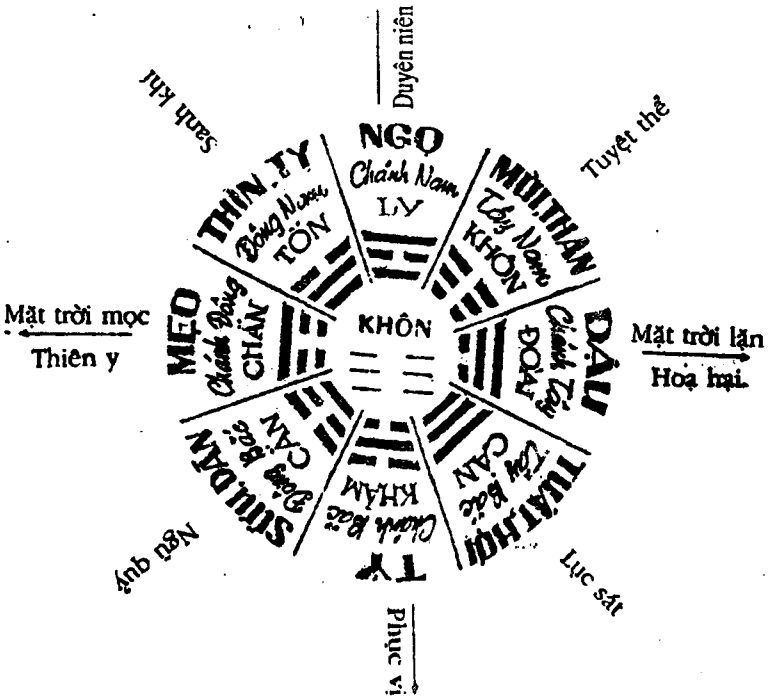

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 ương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính iêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về hương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi ăm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1942 LÀ TUỔI NHÂM NGỌ

Nhỏ: 28 tuổi – Lớn: 88 tuổi

Cung Ly ☲ "Thượng ngươn"

Mạng Dương-liễu-mộc

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CẤN

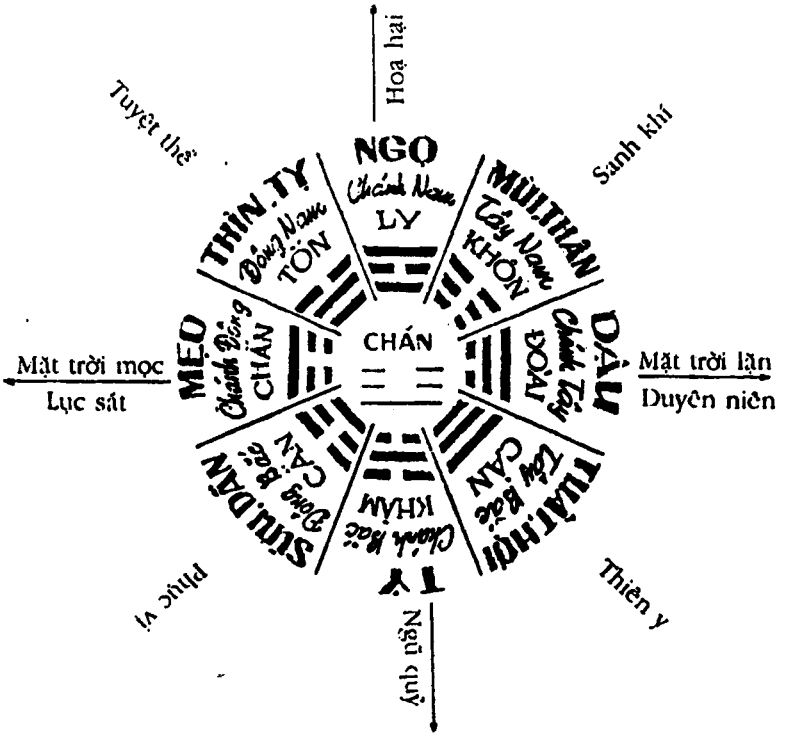

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niện, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1941 LÀ TUỔI TÂN TỴ

Nhỏ: 29 tuổi – Lớn: 89 tuổi

Cung Tốn ☴ "Trung ngươn"

Mạng Bạch-lạp-kim

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung KHÔN

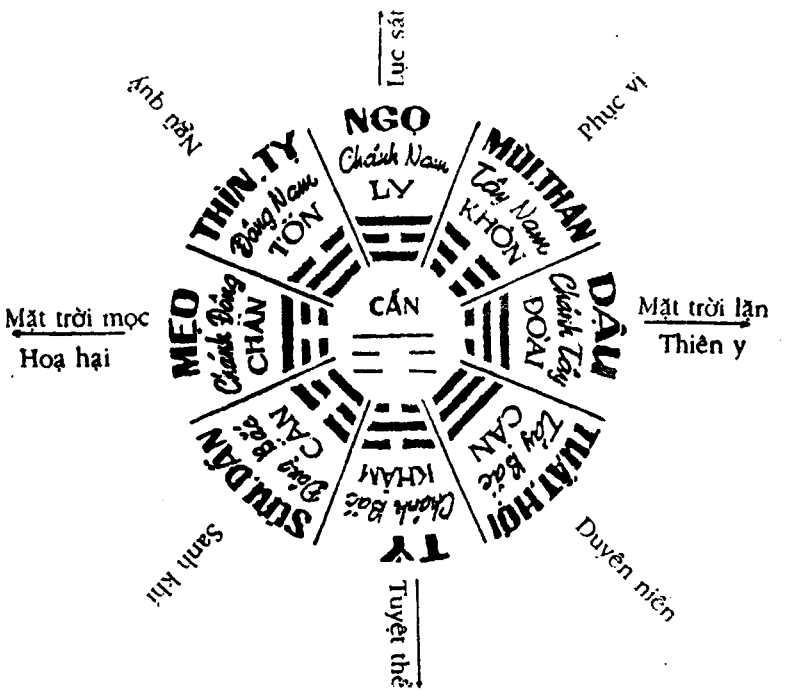

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1941 LÀ TUỔI TÂN TỴ

Nhỏ: 29 tuổi – Lớn: 89 tuổi

Cung Tốn ☴ "Trung ngươn"

Mạng Bạch-lạp-kim

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung KHẢM

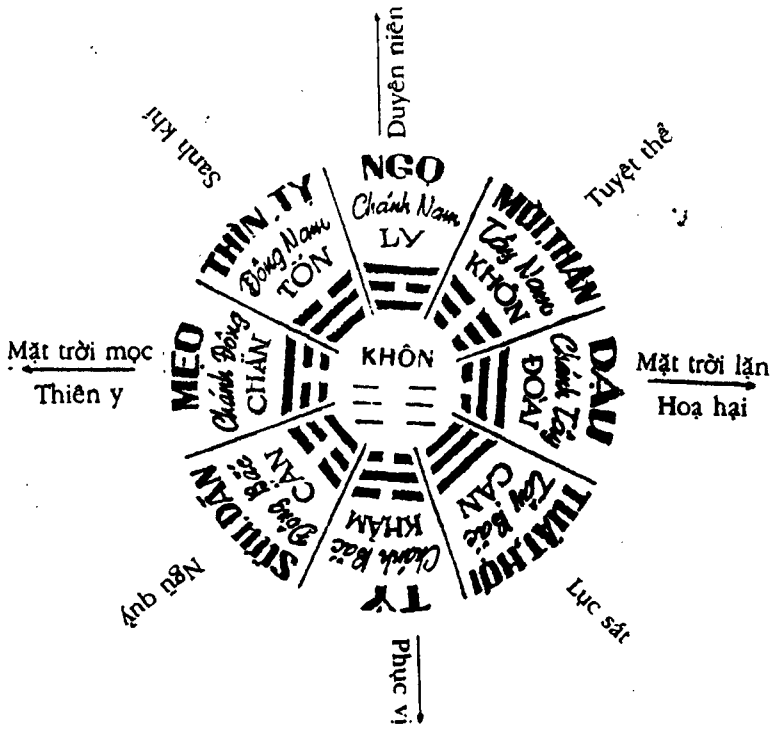

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1940 LÀ TUỔI CANH THÌN

Nhỏ: 30 tuổi – Lớn: 90 tuổi

Cung Chấn ☳ "Thượng ngươn"

Mạng Bạch-lạp-kim

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung CHẤN

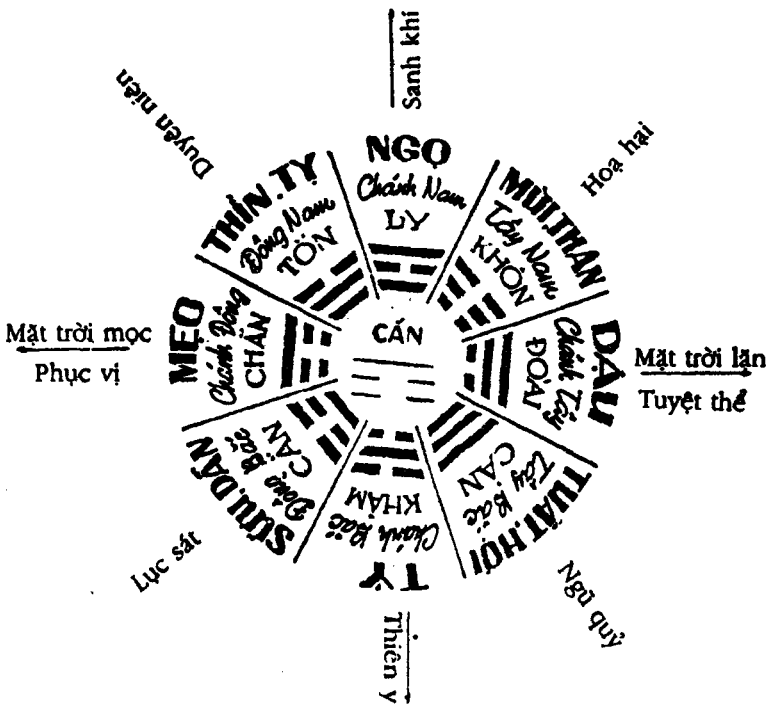

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1940 LÀ TUỔI CANH THÌN

Nhỏ: 30 tuổi – Lớn: 90 tuổi

Cung Chấn ☳ "Thượng ngươn"

Mạng Bạch-lạp-kim

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CHẤN

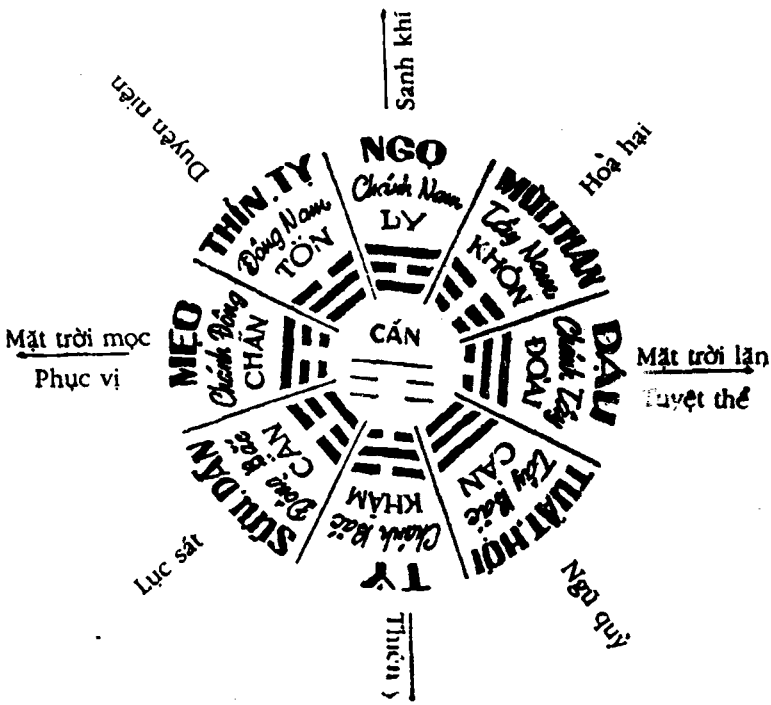

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1939 LÀ TUỔI KỶ MẸO

Nhỏ: 31 tuổi – Lớn: 91 tuổi

Cung Khôn ☷ "Thượng ngươn"

Mạng Thành-đầu-thổ

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung TỐN

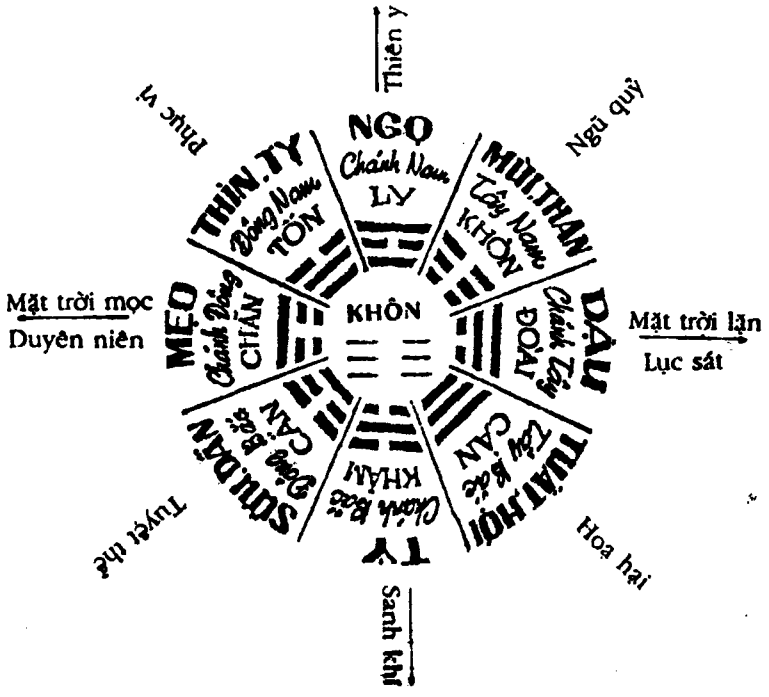

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1939 LÀ TUỔI KỶ MẸO

Nhỏ: 31 tuổi – Lớn: 91 tuổi

Cung Khôn ☷ "Thượng ngươn"

Mạng Thành-đầu-thổ

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung KHÔN

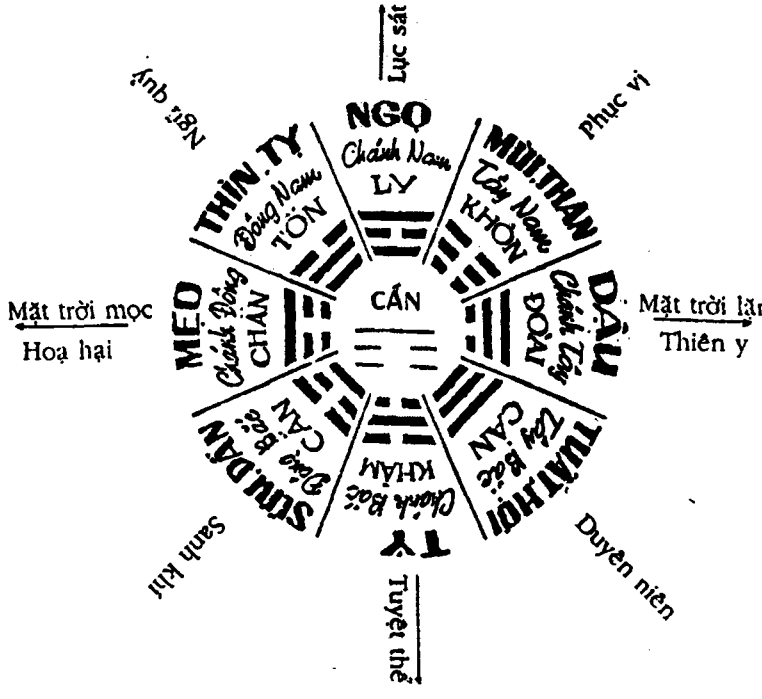

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1938 LÀ TUỔI MẬU DẦN

Nhỏ: 32 tuổi – Lớn: 92 tuổi

Cung Khảm ☵ "Thượng ngươn"

Mạng Thành-đầu-thổ

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung KHÔN

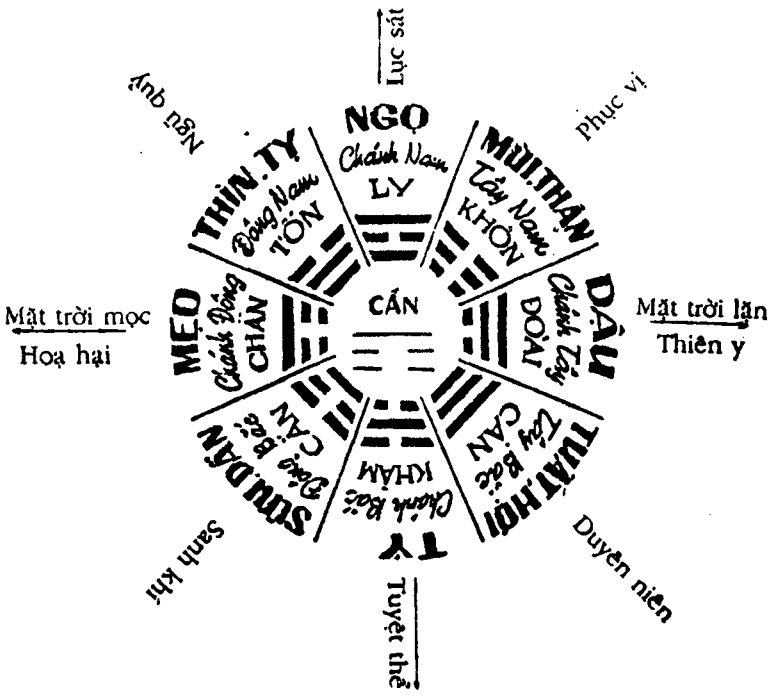

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1938 LÀ TUỔI MẬU DẦN

Nhỏ: 32 tuổi – Lớn: 92 tuổi

Cung Khảm ☵ "Thượng ngươn"

Mạng Thành-đầu-thổ

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung KHẢM

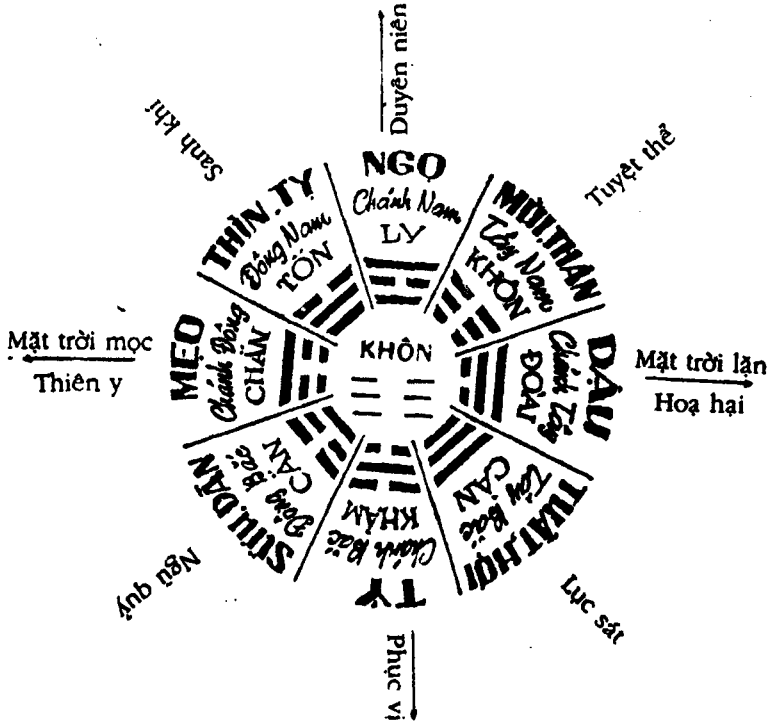

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1937 LÀ TUỔI ĐINH SỬU

Nhỏ: 33 tuổi – Lớn: 93 tuổi

Cung Ly ☲ "Hạ ngươn"

Mạng Giáng-hạ-thủy

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung CHẤN

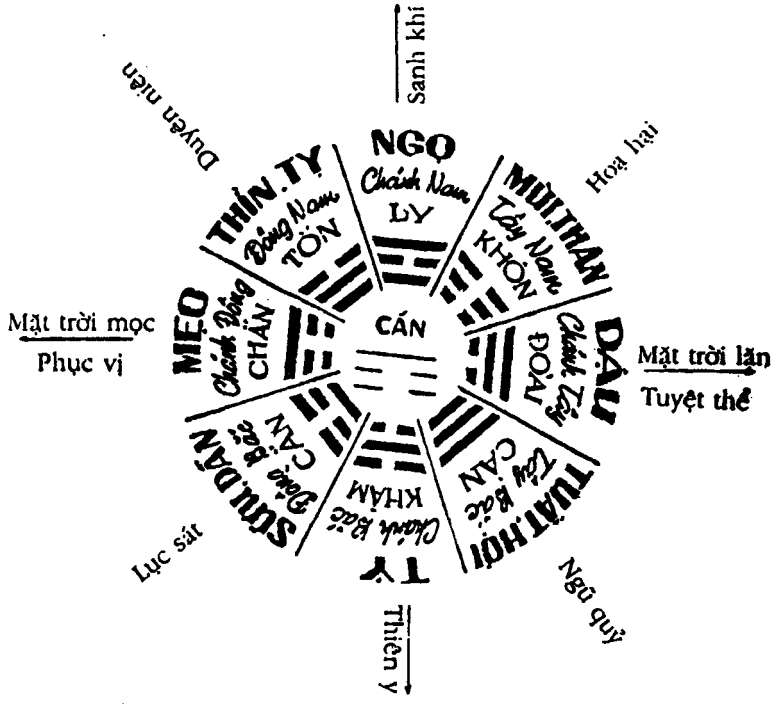

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1937 LÀ TUỔI ĐINH SỬU

Nhỏ: 33 tuổi – Lớn: 93 tuổi

Cung Ly ☲ "Hạ ngươn"

Mạng Giáng-hạ-thủy

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CHẤN

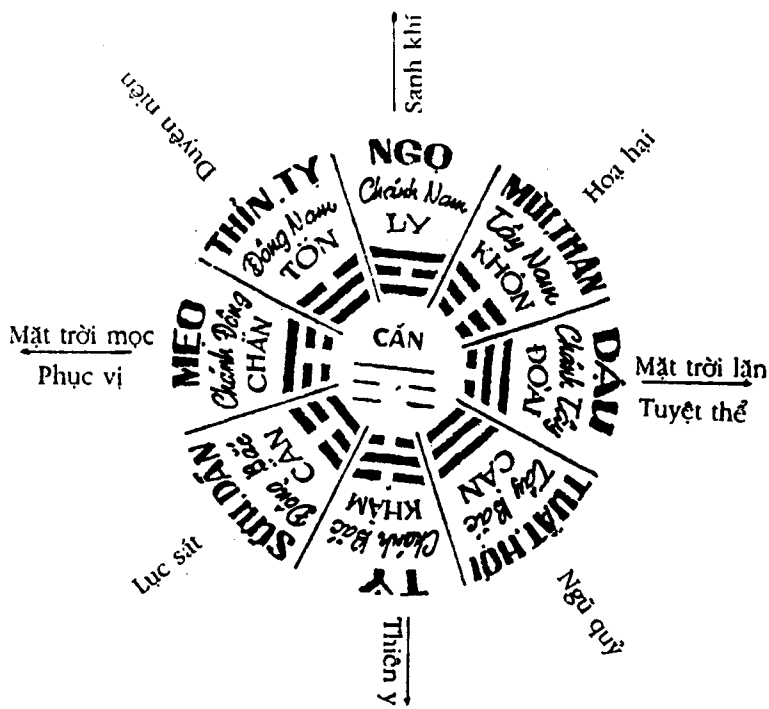

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1936 LÀ TUỔI BÍNH TÝ

Nhỏ: 34 tuổi – Lớn: 94 tuổi

Cung Cấn ☶ "Hạ ngươn"

Mạng Giáng-hạ-thủy

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung TỐN

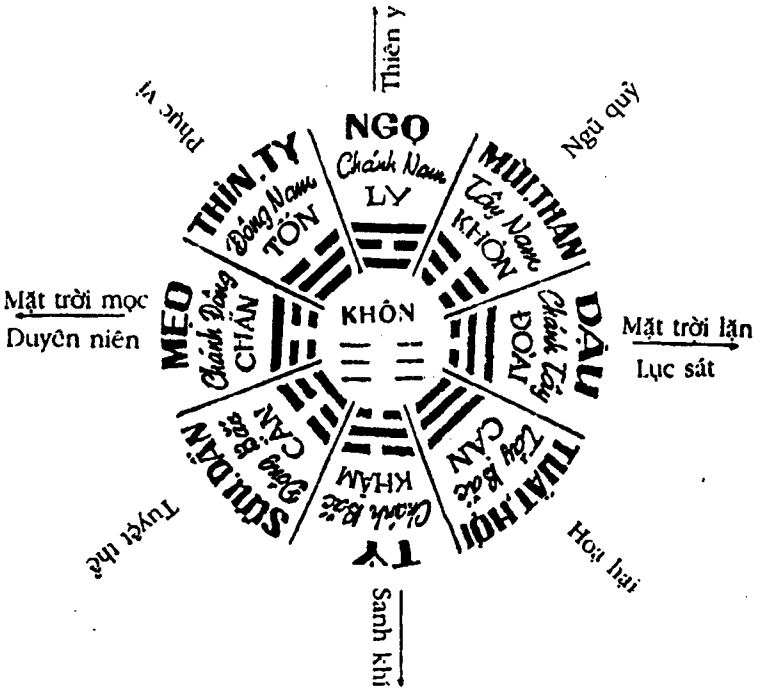

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1936 LÀ TUỔI BÍNH TÝ

Nhỏ: 34 tuổi – Lớn: 94 tuổi

Cung Cấn ☶ "Hạ ngươn"

Mạng Giáng-hạ-thủy

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung KHÔN

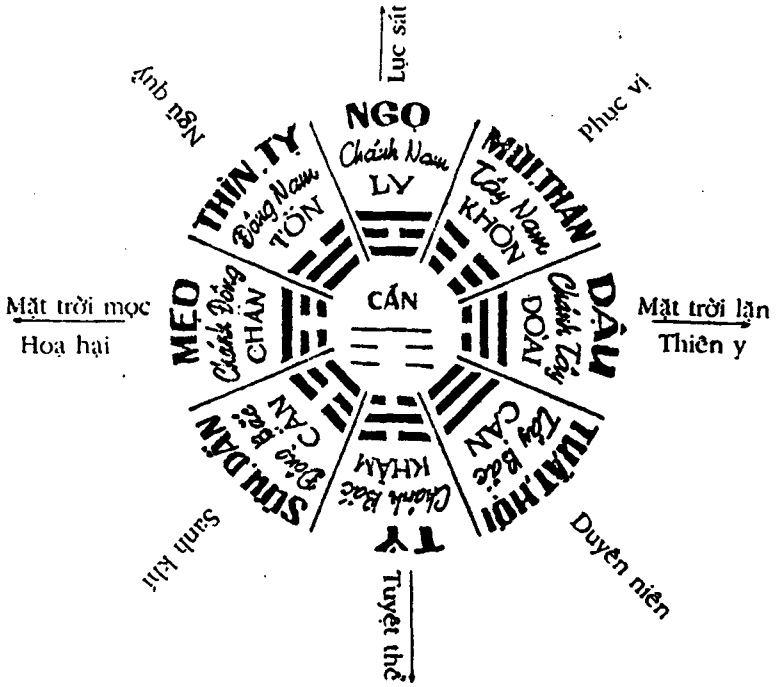

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1935 LÀ TUỔI ẤT HỢI

Nhỏ: 35 tuổi – Lớn: 95 tuổi

Cung Đoài ☱ "Hạ ngươn"

Mạng Sơn-đầu-hỏa

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung KHÔN

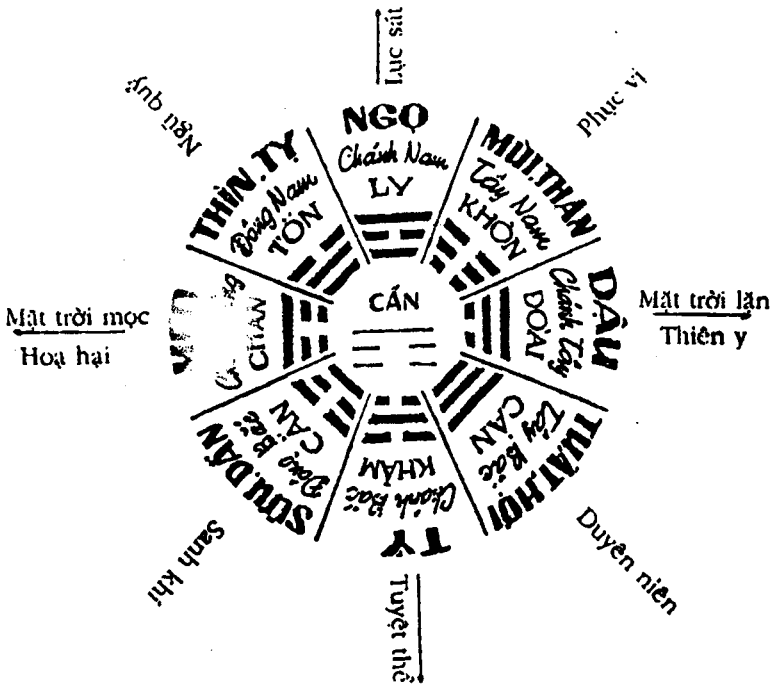

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1935 LÀ TUỔI ẤT HỢI

Nhỏ: 35 tuổi – Lớn: 95 tuổi

Cung Đoài ☱ "Hạ ngươn"

Mạng Sơn-đầu-hỏa

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung KHẢM

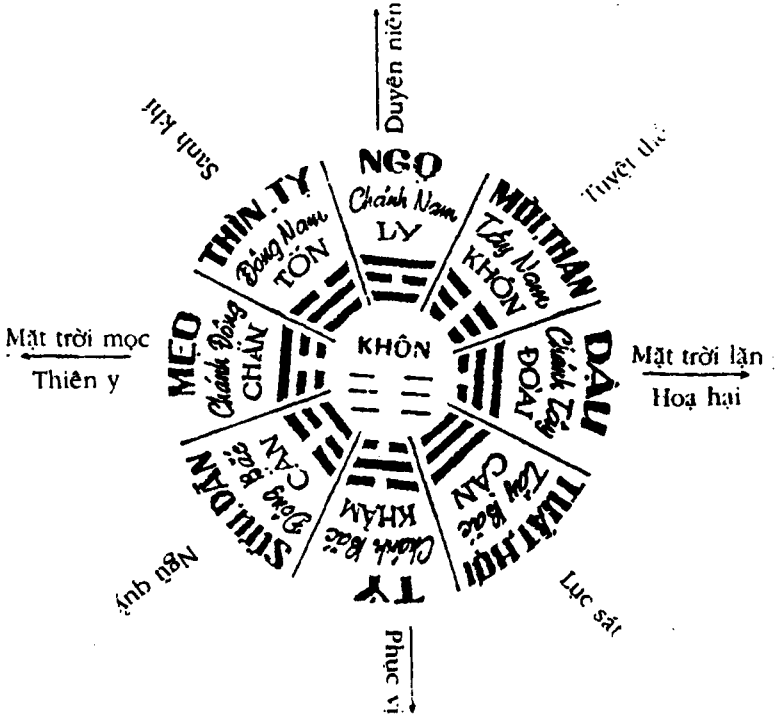

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1934 LÀ TUỔI GIÁP TUẤT

Nhỏ: 36 tuổi – Lớn: 96 tuổi

Cung Càn ☰ "Trung-ngươn"

Mạng Sơn-đầu-hỏa

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung CHẤN

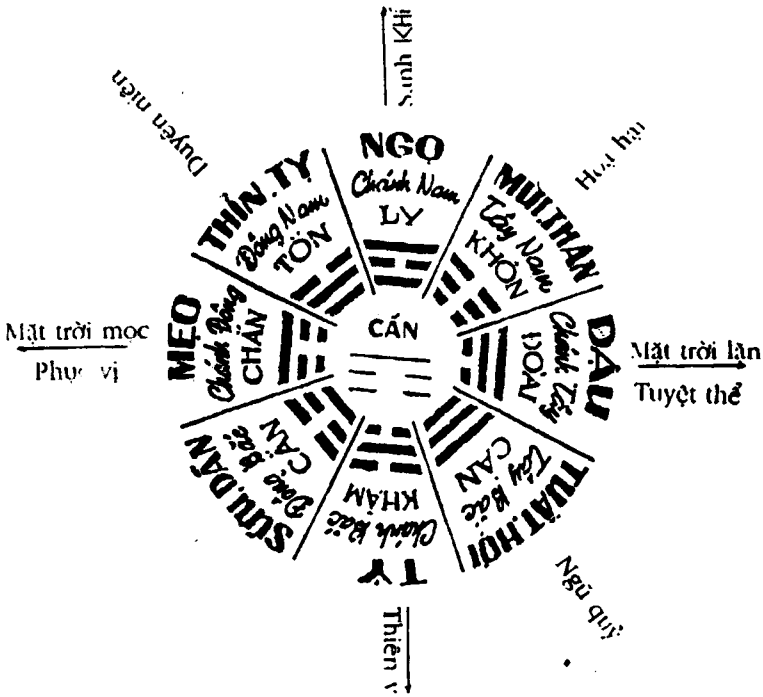

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1934 LÀ TUỔI GIÁP TUẤT

Nhỏ: 36 tuổi – Lớn: 96 tuổi

Cung Càn ☰ "Trung-ngươn"

Mạng Sơn-đầu-hỏa

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CHẤN

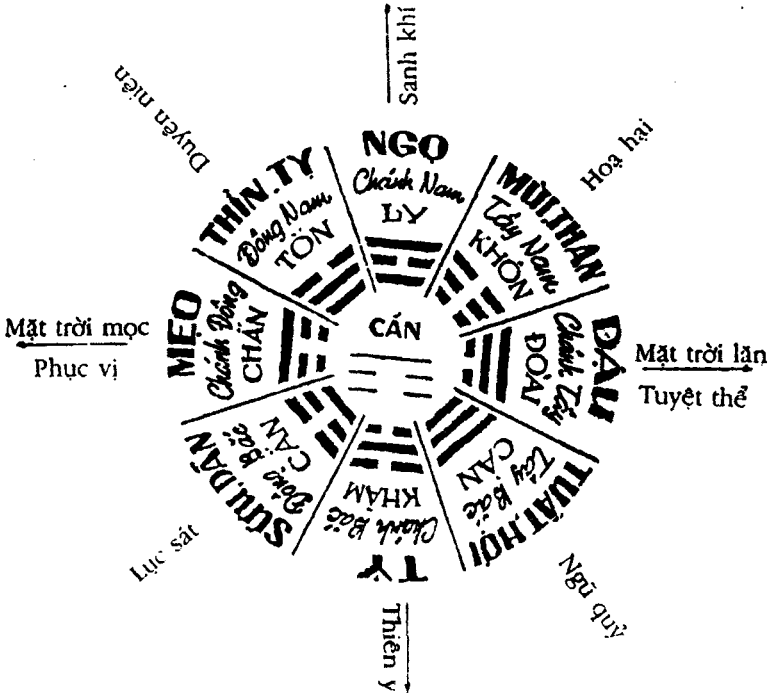

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1933 LÀ TUỔI QUÝ DẬU

Nhỏ: 37 tuổi – Lớn: 97 tuổi

Cung Chấn ☳ "Thượng ngươn"

Mạng Kiếm-phong-kim

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung KHẢM

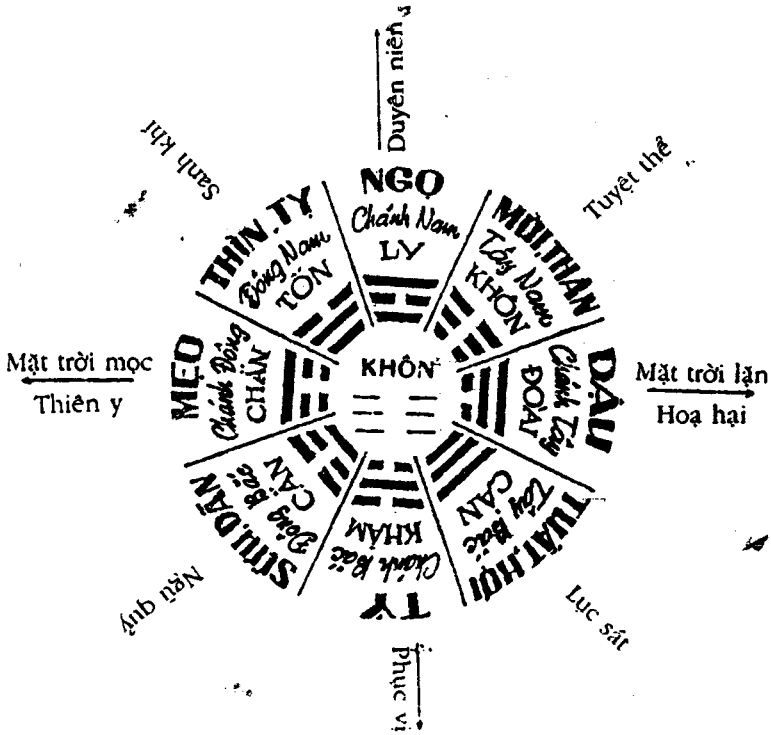

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1933 LÀ TUỔI QUÝ DẬU

Nhỏ: 37 tuổi – Lớn: 97 tuổi

Cung Chấn ☳ "Thượng ngươn"

Mạng Kiếm-phong-kim

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CẤN

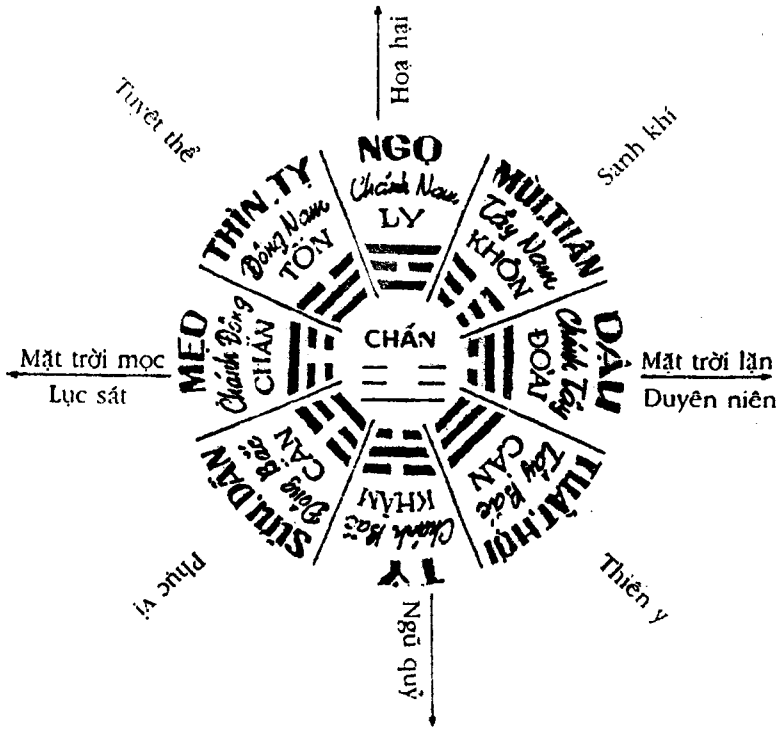

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1932 LÀ TUỔI NHÂM THÂN

Nhỏ: 38 tuổi – Lớn: 98 tuổi

Cung Khôn ☷ "Thượng ngươn"

Mạng Kiếm-phong-kim

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung KHÔN

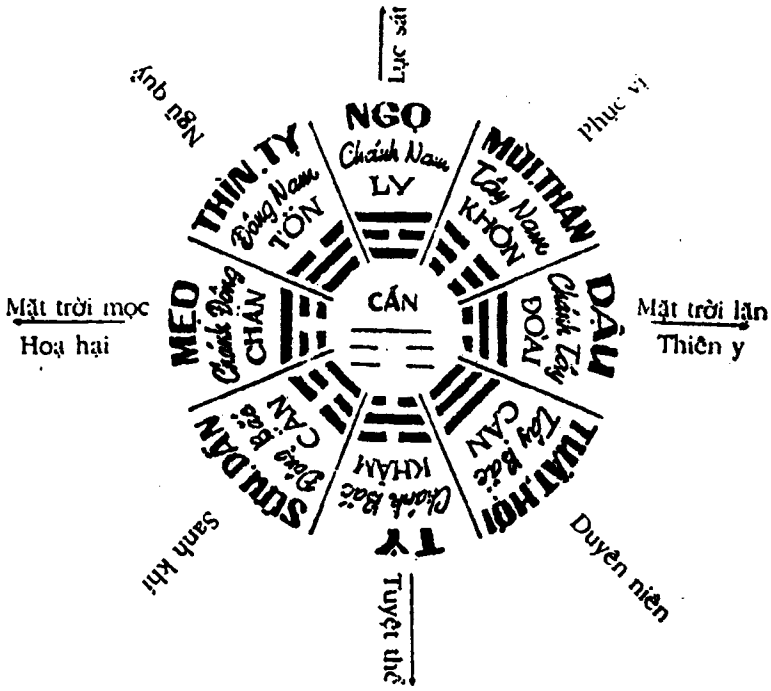

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1932 LÀ TUỔI NHÂM THÂN

Nhỏ: 38 tuổi – Lớn: 98 tuổi

Cung Khôn ☷ "Thượng ngươn"

Mạng Kiếm-phong-kim

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung TỐN

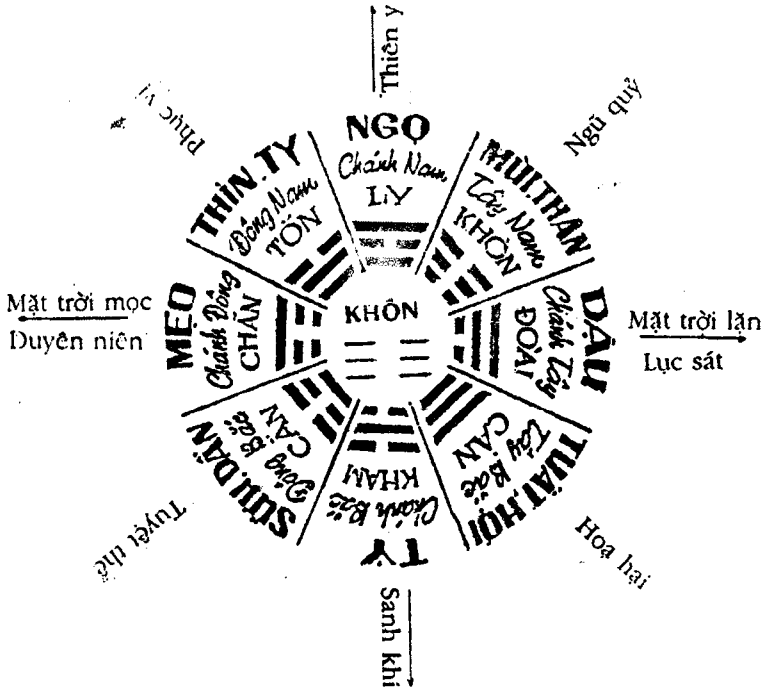

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1931 LÀ TUỔI TÂN MÙI

Nhỏ: 39 tuổi – Lớn: 99 tuổi

Cung Khảm ☵ "Thượng ngươn"

Mạng Lộ-bàn-thổ

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung CHẤN

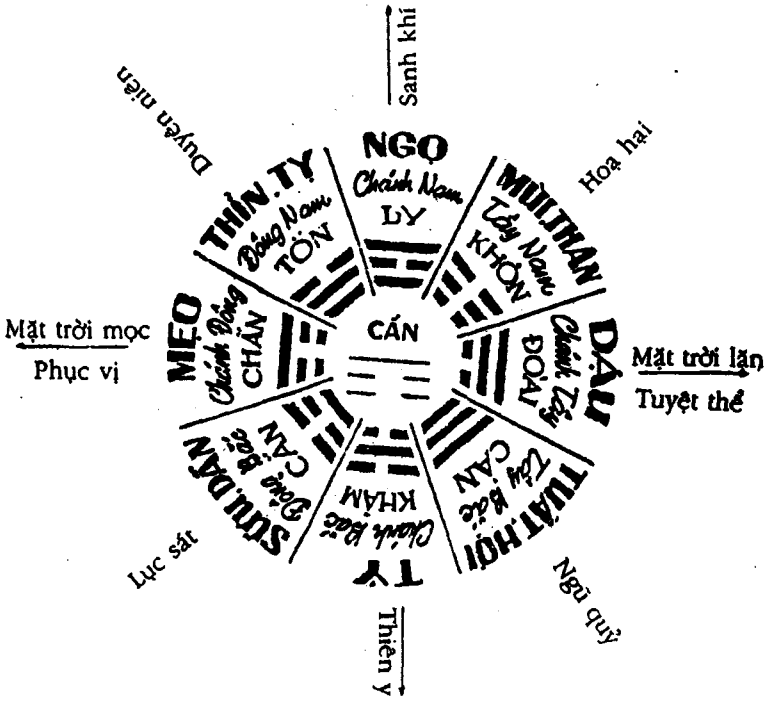

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1931 LÀ TUỔI TÂN MÙI

Nhỏ: 39 tuổi – Lớn: 99 tuổi

Cung Khảm ☵ "Thượng ngươn"

Mạng Lộ-bàn-thổ

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CHẤN

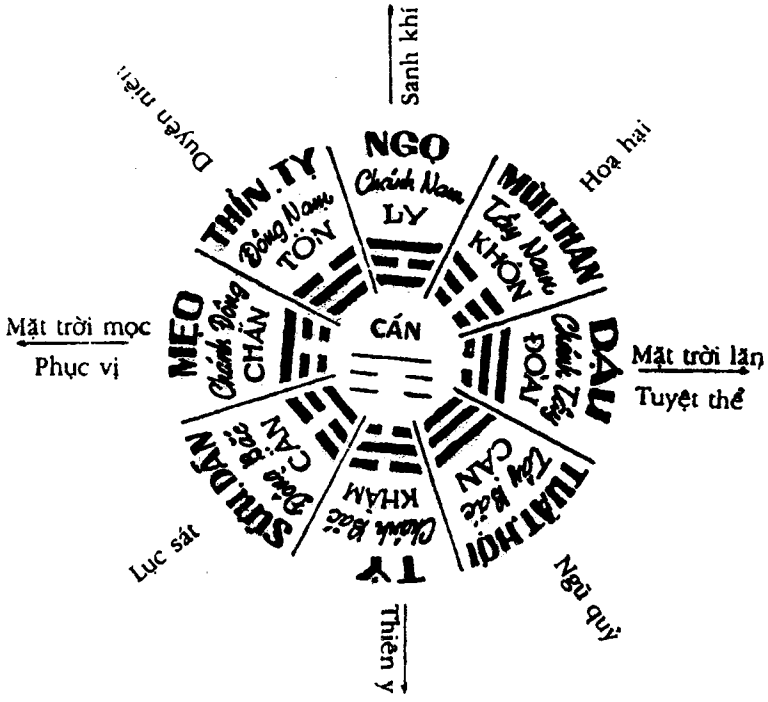

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1930 LÀ TUỔI CANH NGỌ

Nhỏ: 40 tuổi – Lớn: 100 tuổi

Cung Ly ☲ "Hạ-ngươn"

Mạng Lộ-bàn-thổ

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung KHẢM

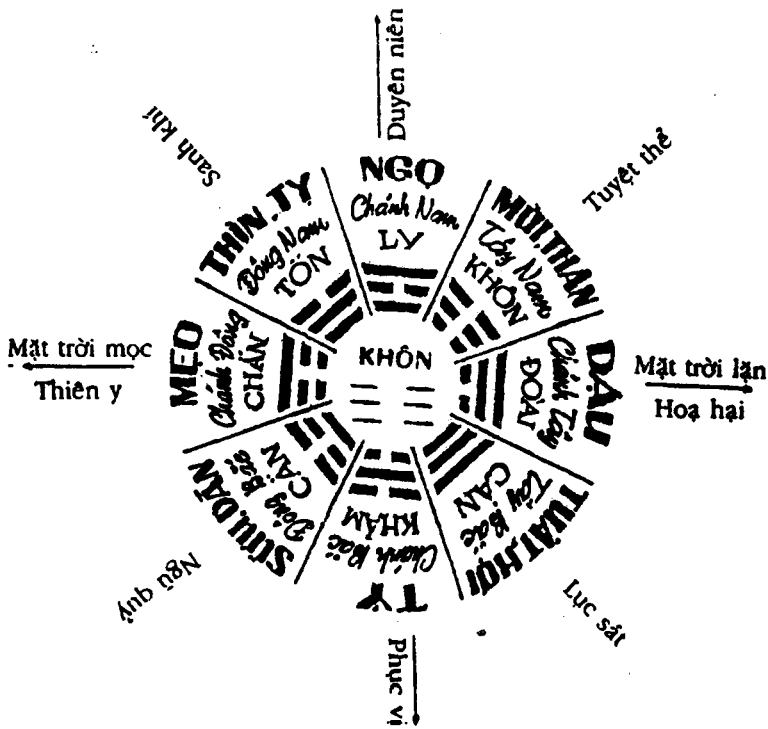

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1930 LÀ TUỔI CANH NGỌ

Nhỏ: 40 tuổi – Lớn: 100 tuổi

Cung Ly ☲ "Hạ-ngươn"

Mạng Lộ-bàn-thổ

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CẤN

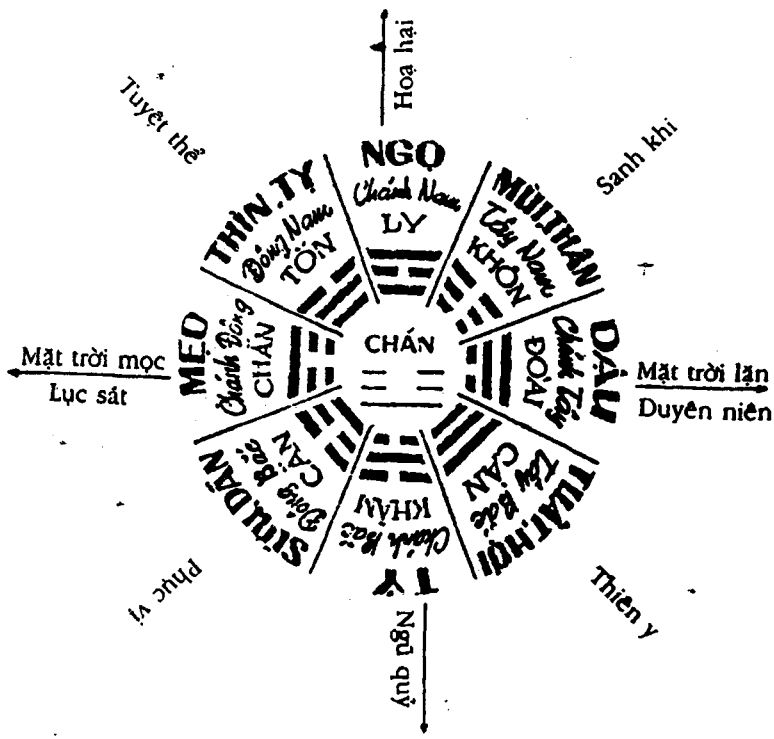

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1929 LÀ TUỔI KỶ TỴ

Nhỏ: 41 tuổi – Lớn: 101 tuổi

Cung Cấn ☶ "Hạ-ngươn"

Mạng Đại-lâm-mộc

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung KHÔN

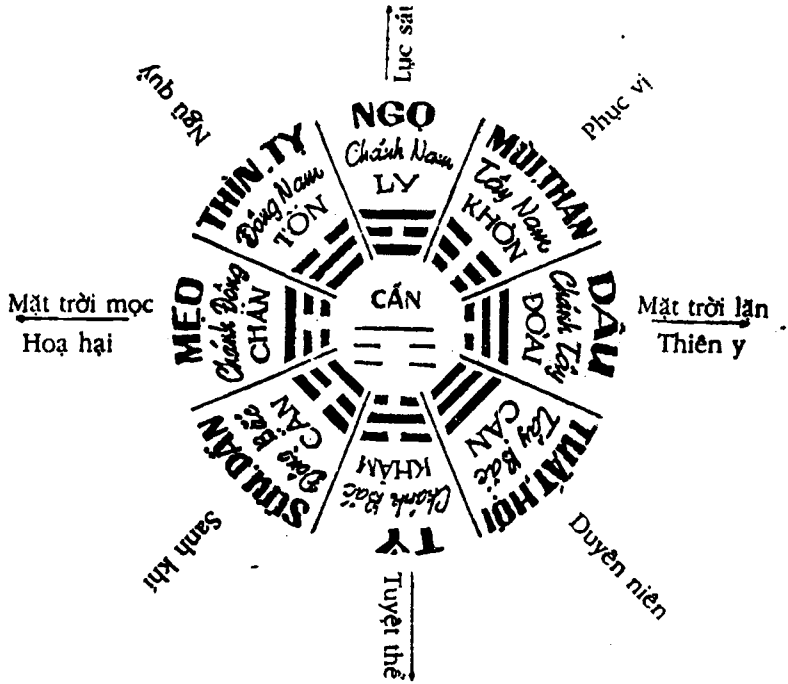

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 19
Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tí
hêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi
phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm n
năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1929 LÀ TUỔI KỶ TỴ

Nhỏ: 41 tuổi – Lớn: 101 tuổi

Cung Cấn ☶ "Hạ-ngươn"

Mạng Đại-lâm-mộc

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung TỐN

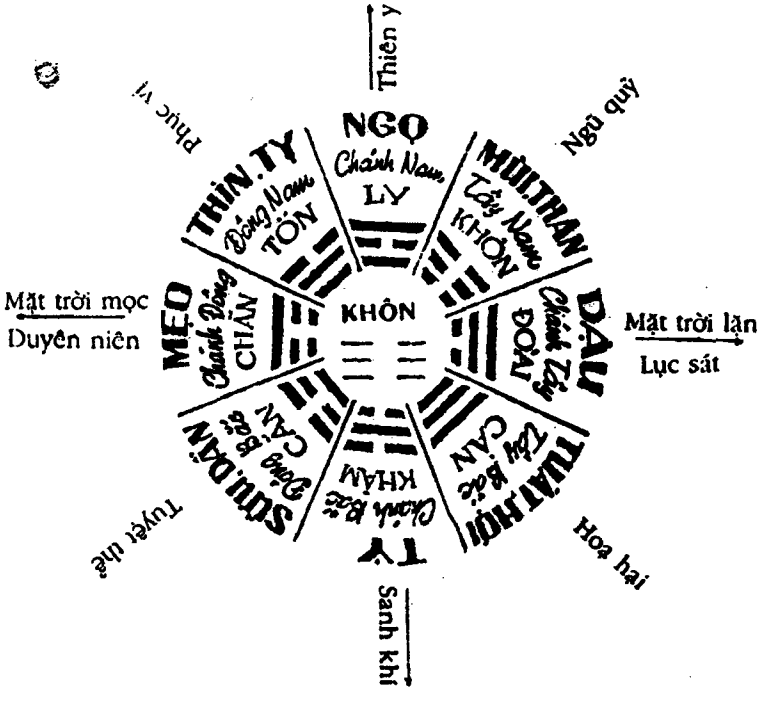

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1928 LÀ TUỔI MẬU THÌN

Nhỏ: 42 tuổi – Lớn: 102 tuổi

Cung Đoài ☱ "Hạ-ngươn"

Mạng Đại-lâm-mộc

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung CHẤN

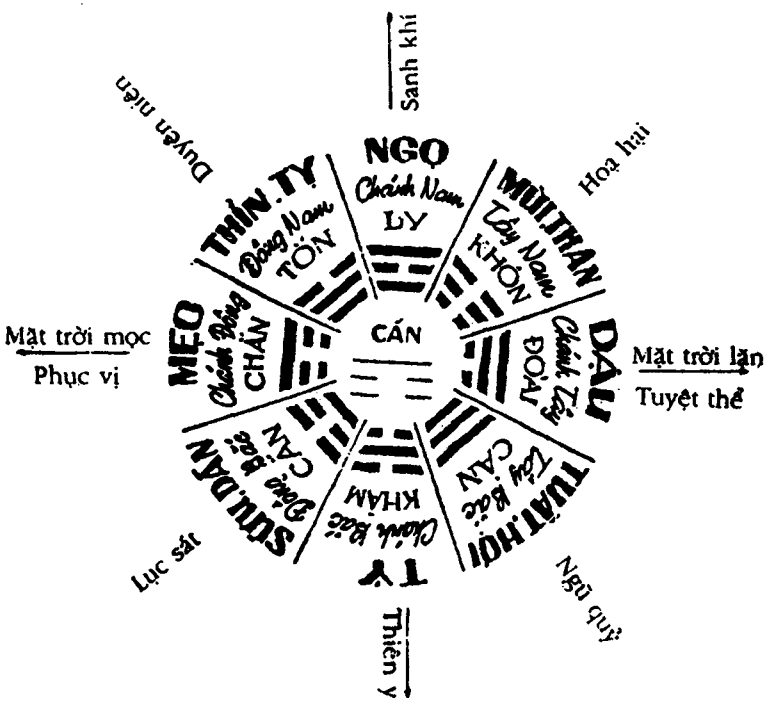

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 19(Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tí thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm n năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1928 LÀ TUỔI MẬU THÌN

Nhỏ: 42 tuổi – Lớn: 102 tuổi

Cung Đoài ☱ "Hạ-ngươn"

Mạng Đại-lâm-mộc

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CHẤN

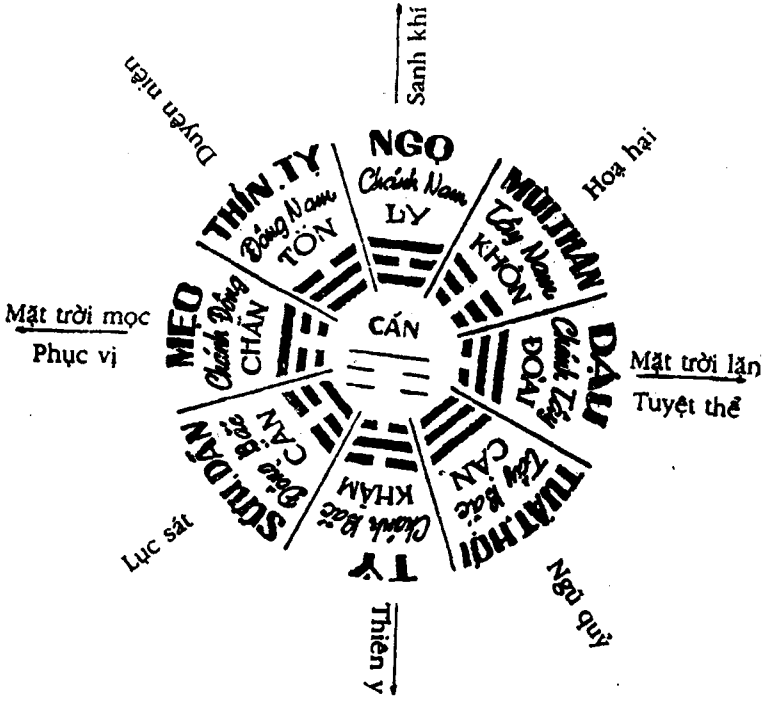

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1927 LÀ TUỔI ĐINH MẸO

Nhỏ: 43 tuổi – Lớn: 103 tuổi

Cung Càn ☰ "Trung-ngươn"

Mạng Lư-trung-hỏa

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung KHẢM

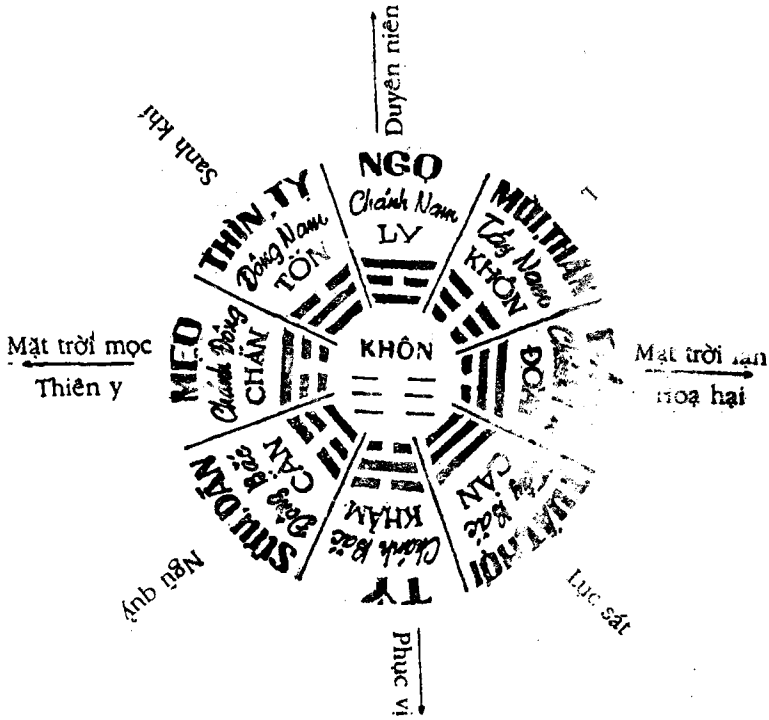

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1927 LÀ TUỔI ĐINH MẸO

Nhỏ: 43 tuổi – Lớn: 103 tuổi

Cung Càn ☰ "Trung-ngươn"

Mạng Lư-trung-hỏa

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CẤN

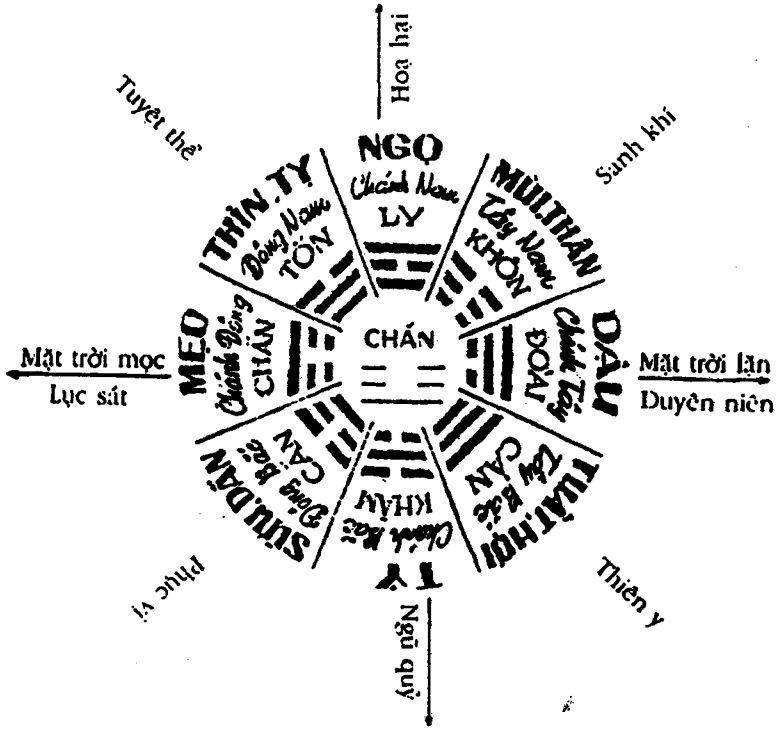

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1926 LÀ TUỔI BÍNH DẦN

Nhỏ: 44 tuổi – Lớn: 104 tuổi

Cung Khảm ☵ "Thượng ngươn"

Mạng Lư-trung-hỏa

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung CẤN

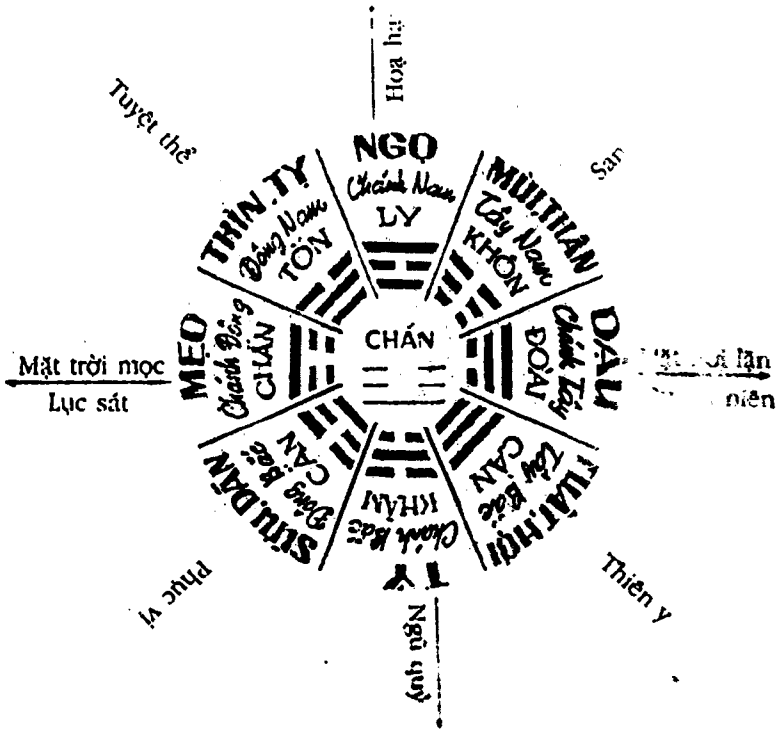

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch trở là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1926 LÀ TUỔI BÍNH DẦN

Nhỏ: 44 tuổi – Lớn: 104 tuổi

Cung Khảm ☵ "Thượng ngươn"

Mạng Lư-trung-hỏa

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung ĐOÀI

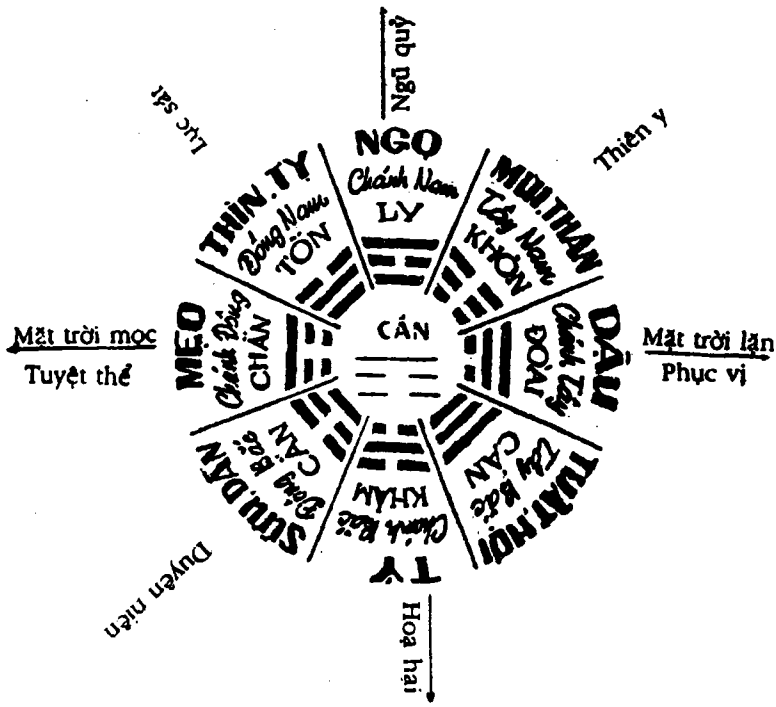

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1925 LÀ TUỔI ẤT SỬU

Nhỏ: 45 tuổi – Lớn: 105 tuổi

Cung Tốn ☴ "Trung-ngươn"

Mạng Hải-trung-kim

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung CHẤN

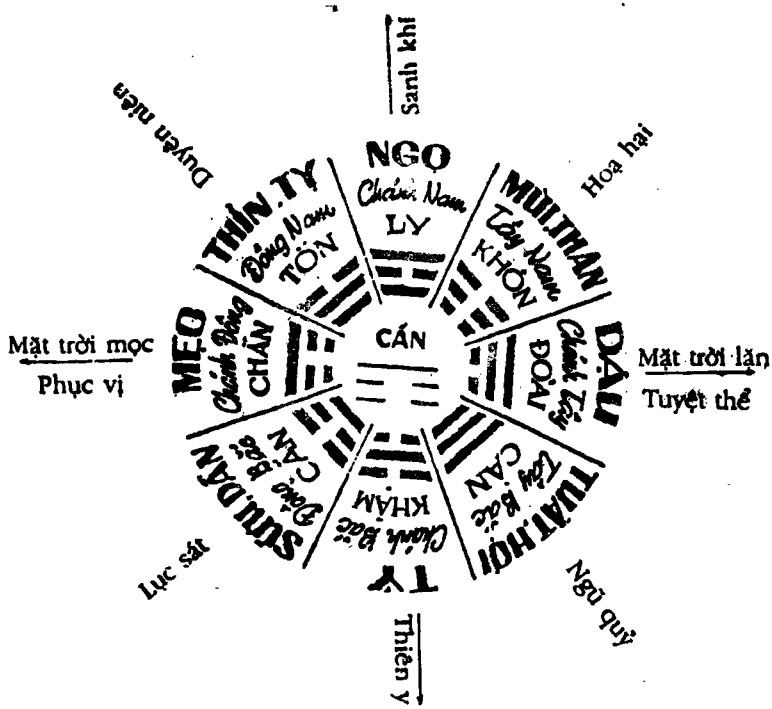

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1925 LÀ TUỔI ẤT SỬU

Nhỏ: 45 tuổi – Lớn: 105 tuổi

Cung Tốn ☴ "Trung-ngươn"

Mạng Hải-trung-kim

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CHẤN

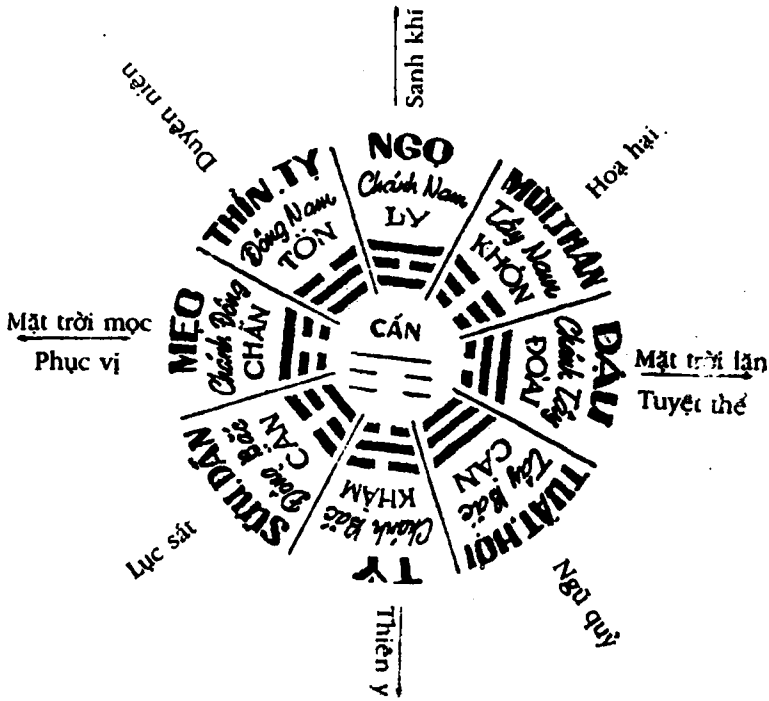

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1924 LÀ TUỔI GIÁP TÝ

Nhỏ: 46 tuổi – Lớn: 106 tuổi

Cung Chấn ☳ "Thượng ngươn"

Mạng Hải-trung-kim

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung KHẢM

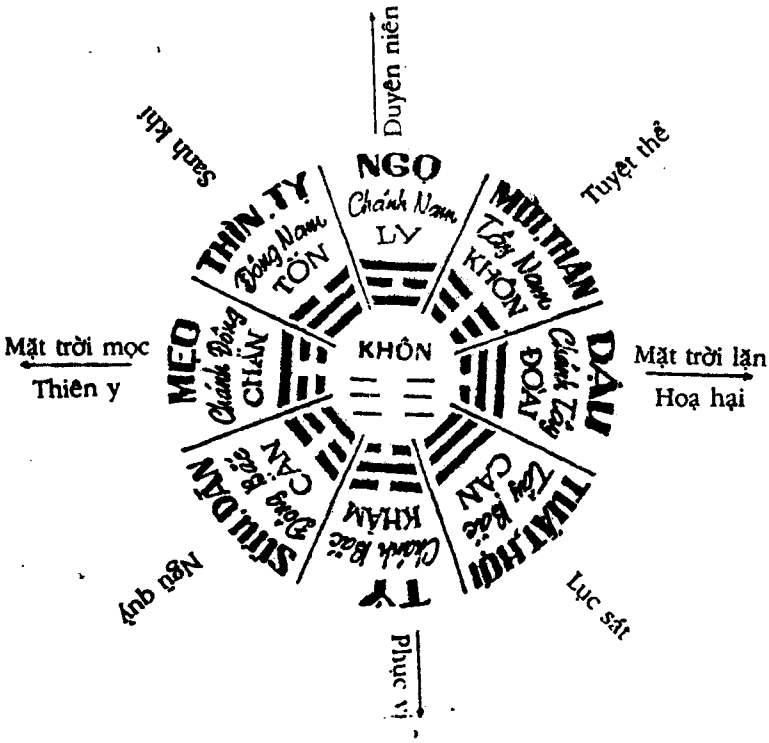

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1924 LÀ TUỔI GIÁP TÝ

Nhỏ: 46 tuổi – Lớn: 106 tuổi

Cung Chấn ☳ "Thượng ngươn"

Mạng Hải-trung-kim

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CẤN

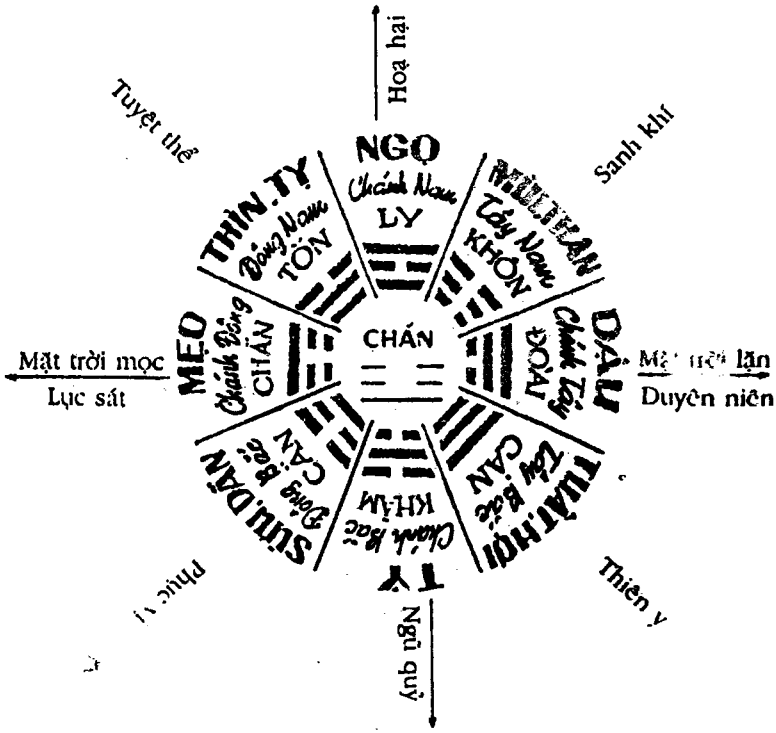

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1923 LÀ TUỔI QUÝ HỢI

Nhỏ: 47 tuổi – Lớn: 107 tuổi

Cung Cấn ☶ "Hạ-ngươn"

Mạng Đại-hải-thủy

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung KHÔN

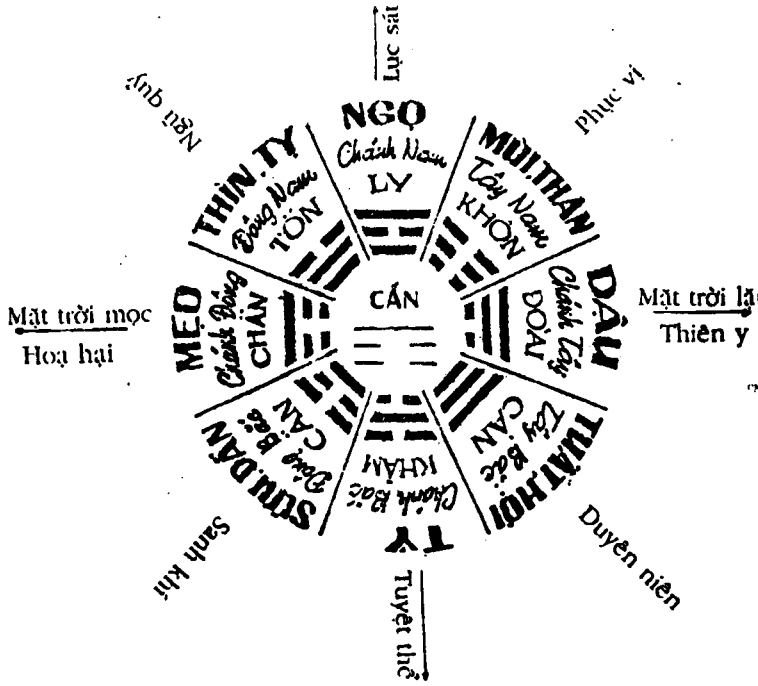

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1923 LÀ TUỔI QUÝ HỢI

Nhỏ: 47 tuổi – Lớn: 107 tuổi

Cung Cấn ☶ "Hạ-ngươn"

Mạng Đại-hải-thủy

NỮ: Cụng biến về hướng nhà là cung TỐN

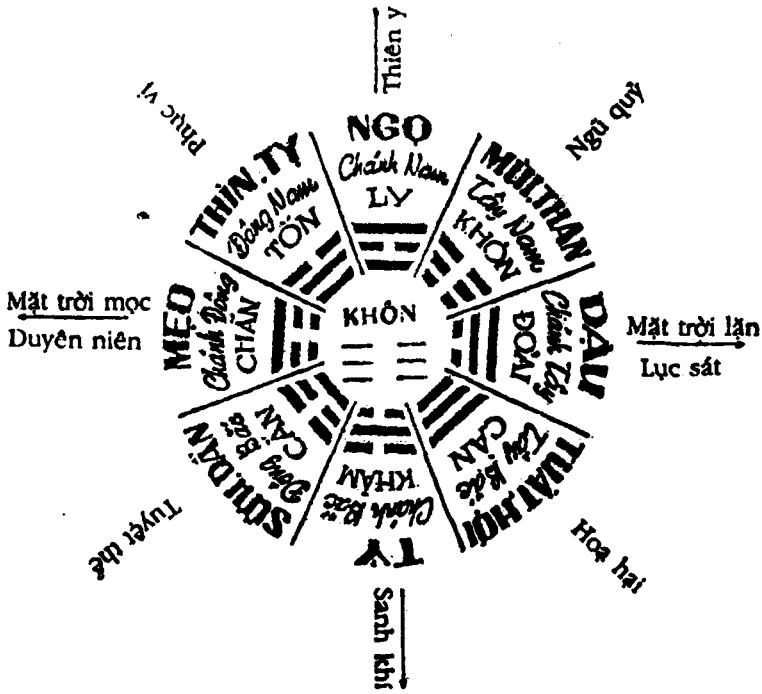

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1922 LÀ TUỔI NHÂM TUẤT

Nhỏ: 48 tuổi – Lớn: 108 tuổi

Cung Đoài ☱ "Hạ-ngươn"

Mạng Đại-hải-thủy

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung CHẤN

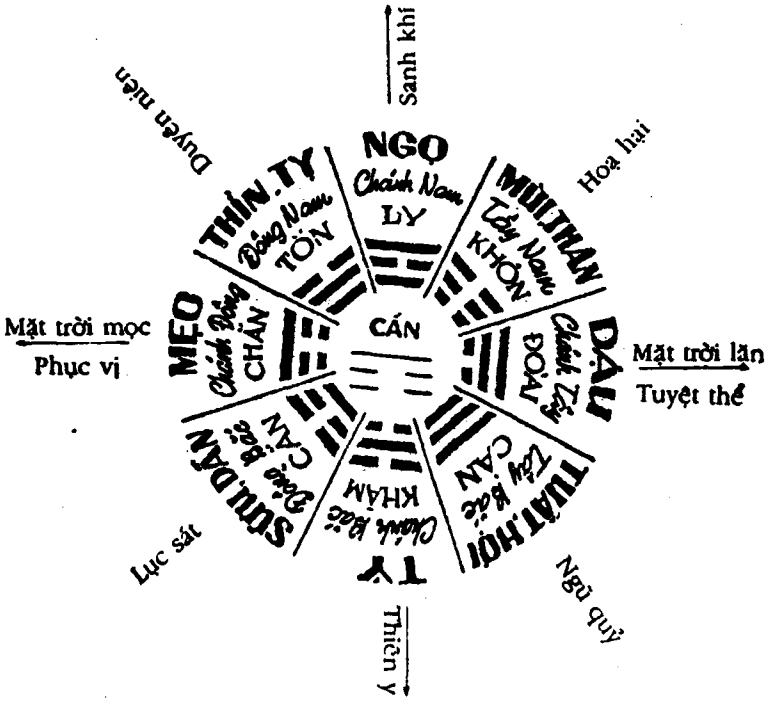

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1922 LÀ TUỔI NHÂM TUẤT

Nhỏ: 48 tuổi – Lớn: 108 tuổi

Cung Đoài ☱ "Hạ-ngươn"

Mạng Đại-hải-thủy

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CHẤN

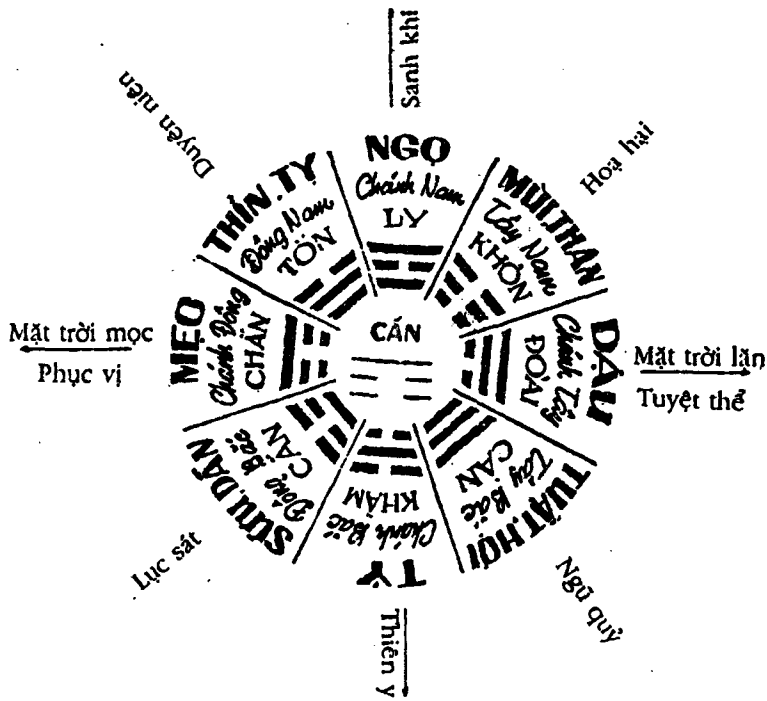

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1921 LÀ TUỔI TÂN DẬU

Nhỏ: 49 tuổi – Lớn: 109 tuổi

Cung Càn ☰ "Trung-ngươn"

Mạng Thạch-lưu-mộc

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung KHẢM

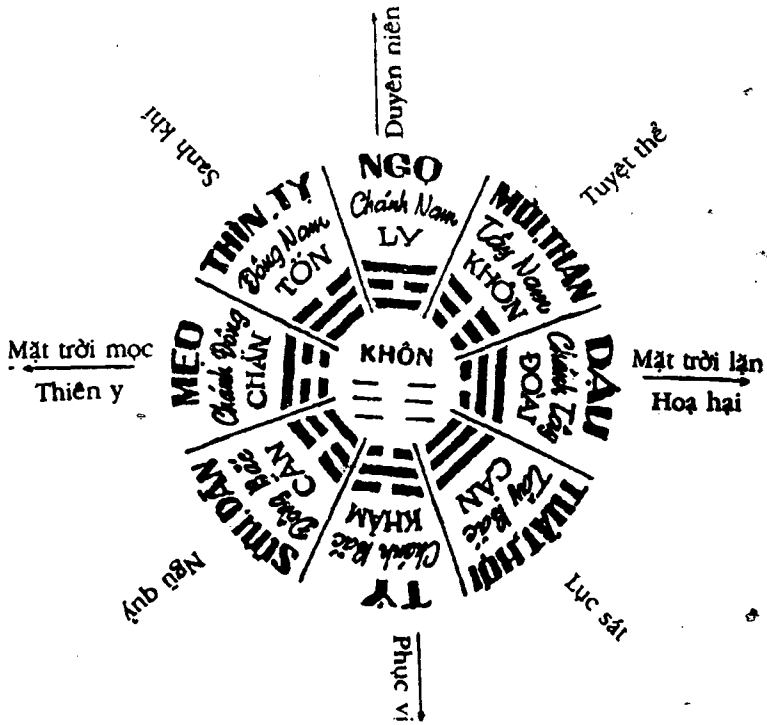

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1921 LÀ TUỔI TÂN DẬU

Nhỏ: 49 tuổi – Lớn: 109 tuổi

Cung Càn ☰ "Trung-ngươn"

Mạng Thạch-lưu-mộc

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CẤN

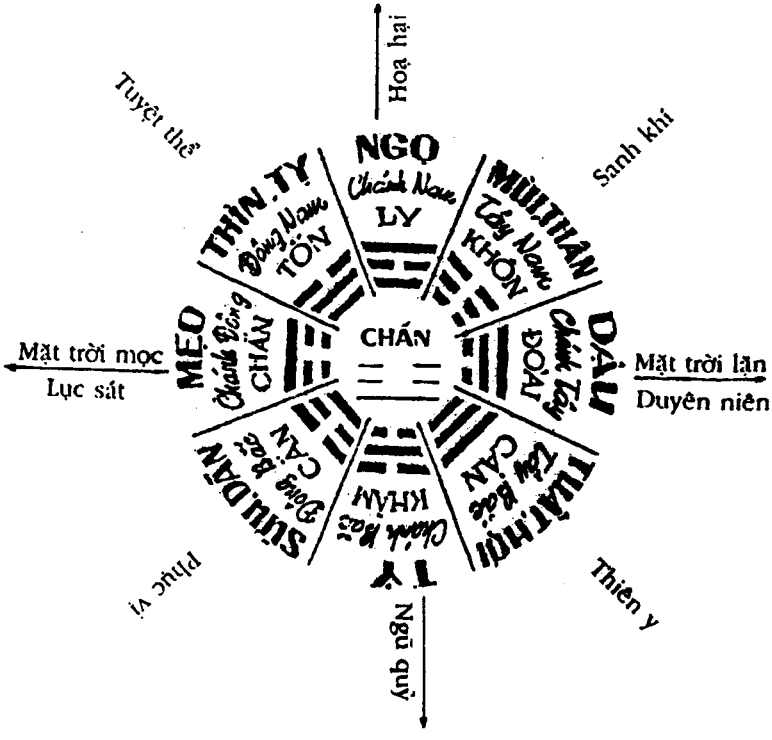

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1920 LÀ TUỔI CANH THÂN

Nhỏ: 50 tuổi – Lớn: 110 tuổi

Cung Khôn ☷ "Thượng ngươn"

Mạng Thạch-lưu-mộc

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung CẤN

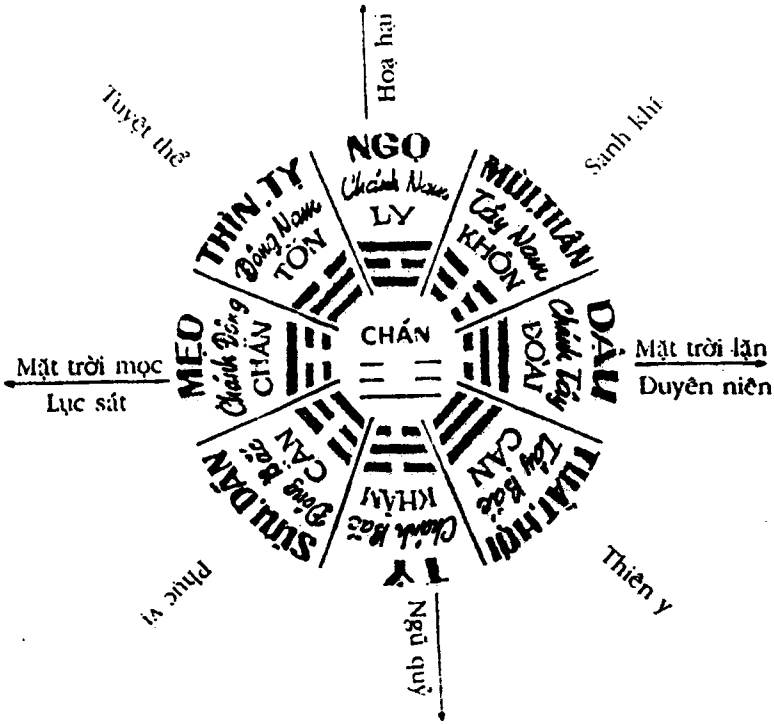

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1920 LÀ TUỔI CANH THÂN

Nhỏ: 50 tuổi – Lớn: 110 tuổi

Cung Khôn ☷ "Thượng ngươn"

Mạng Thạch-lưu-mộc

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung ĐOÀI

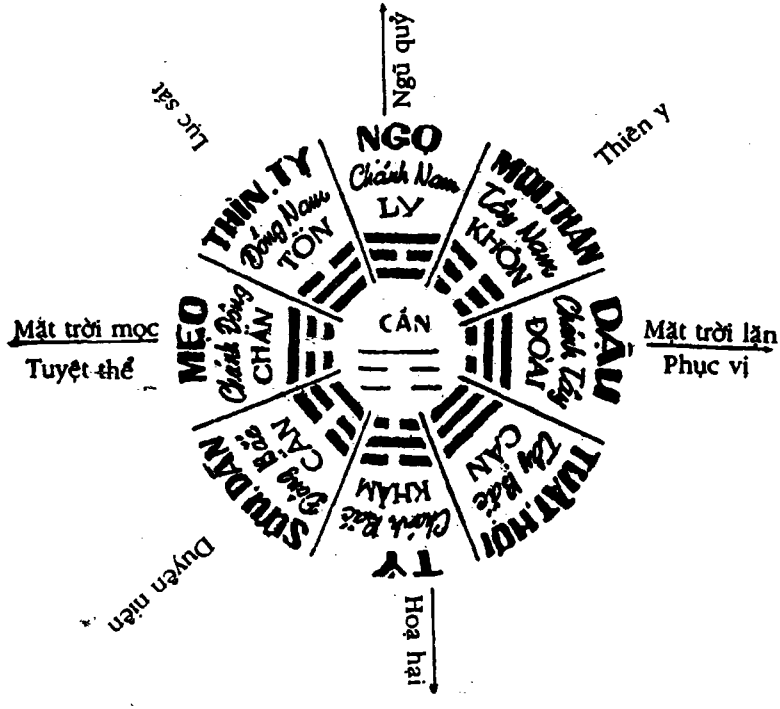

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1919 LÀ TUỔI KỶ MÙI

Nhỏ: 51 tuổi – Lớn: 111 tuổi

Cung Tốn ☴ "Trung-ngươn"

Mạng Thiên-thượng-hỏa

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung CHẤN

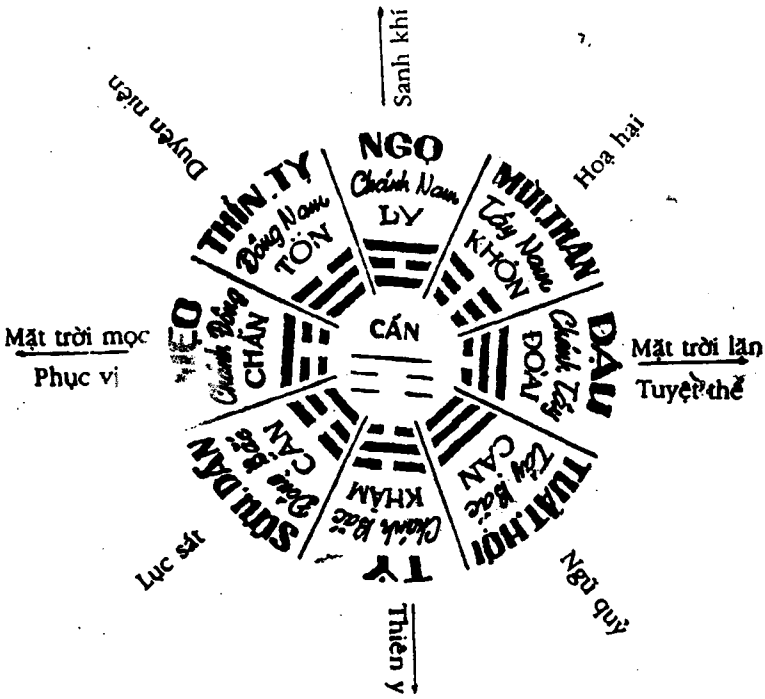

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1919 LÀ TUỔI KỶ MÙI

Nhỏ: 51 tuổi – Lớn: 111 tuổi

Cung Tốn ☴ "Trung-ngươn"

Mạng Thiên-thượng-hỏa

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CHẤN

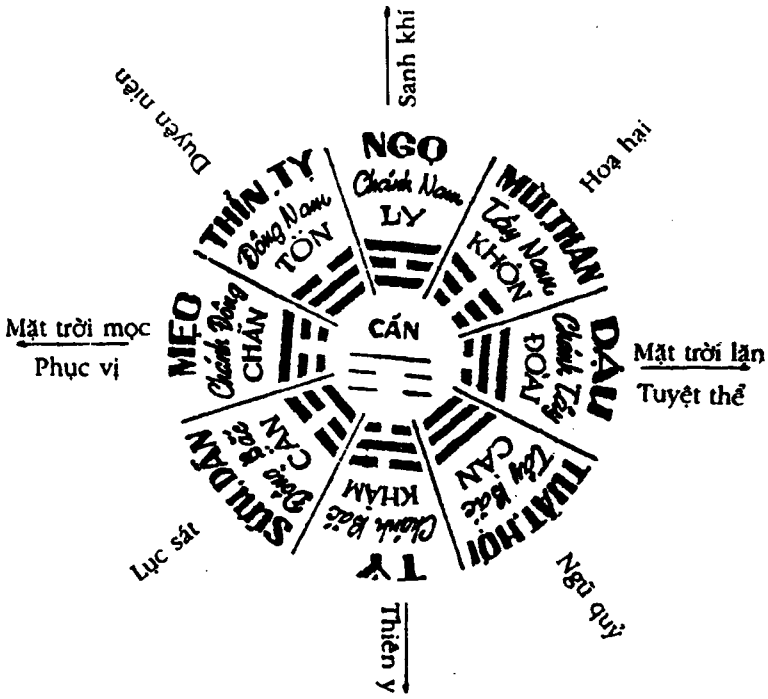

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1918 LÀ TUỔI MẬU NGỌ

Nhỏ: 52 tuổi – Lớn: 112 tuổi

Cung Chấn ☳ "Thượng ngươn"

Mạng Thiên-thượng-hỏa

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung KHẢM

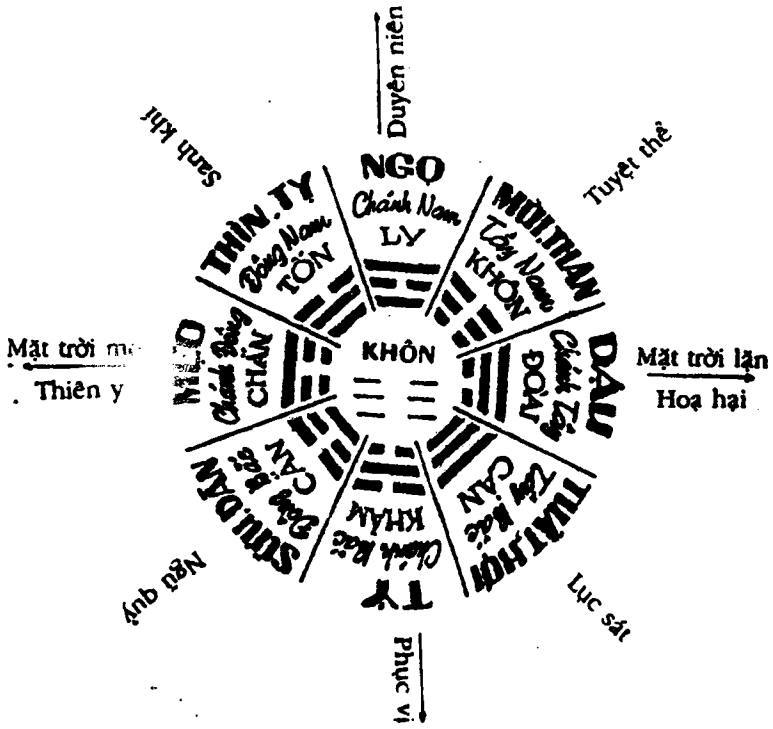

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1918 LÀ TUỔI MẬU NGỌ

Nhỏ: 52 tuổi – Lớn: 112 tuổi

Cung Chấn ☳ "Thượng ngươn"

Mạng Thiên-thượng-hỏa

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CẤN

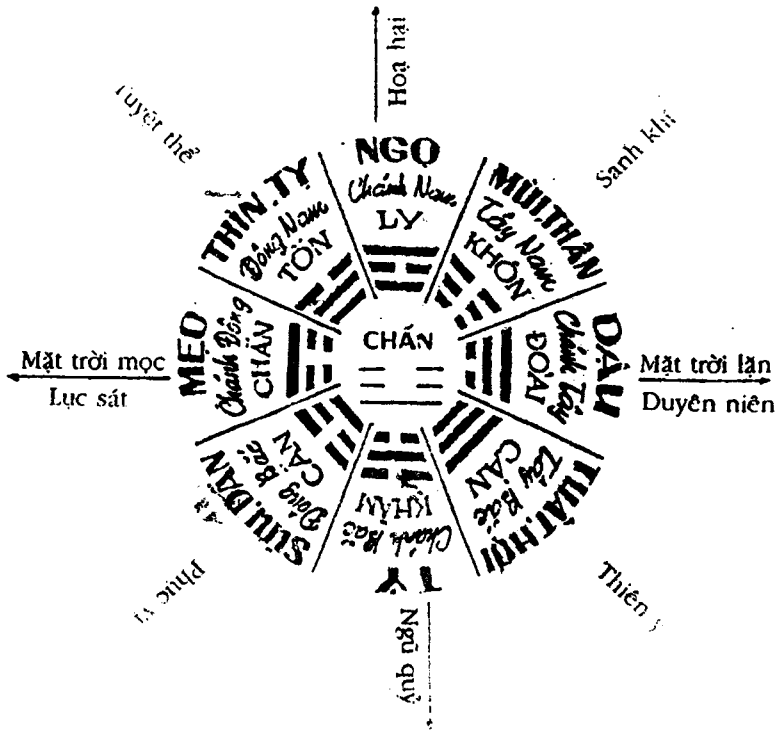

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1917 LÀ TUỔI ĐINH TỴ

Nhỏ: 53 tuổi – Lớn: 113 tuổi

Cung Khôn ☷ "Trung-ngươn"

Mạng Sa-trung-thổ

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung KHÔN

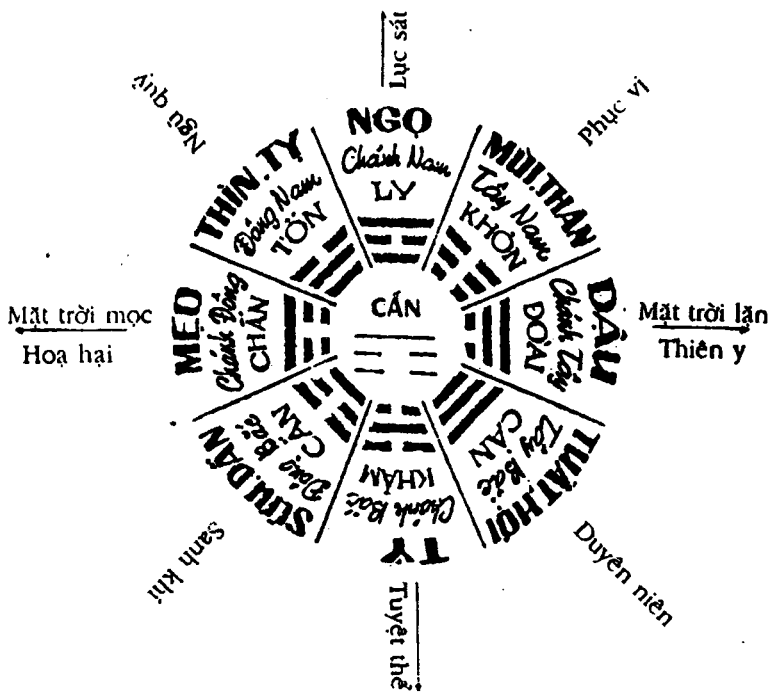

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1917 LÀ TUỔI ĐINH TỴ

Nhỏ: 53 tuổi – Lớn: 113 tuổi

Cung Khôn ☷ "Trung-ngươn"

Mạng Sa-trung-thổ

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung TỐN

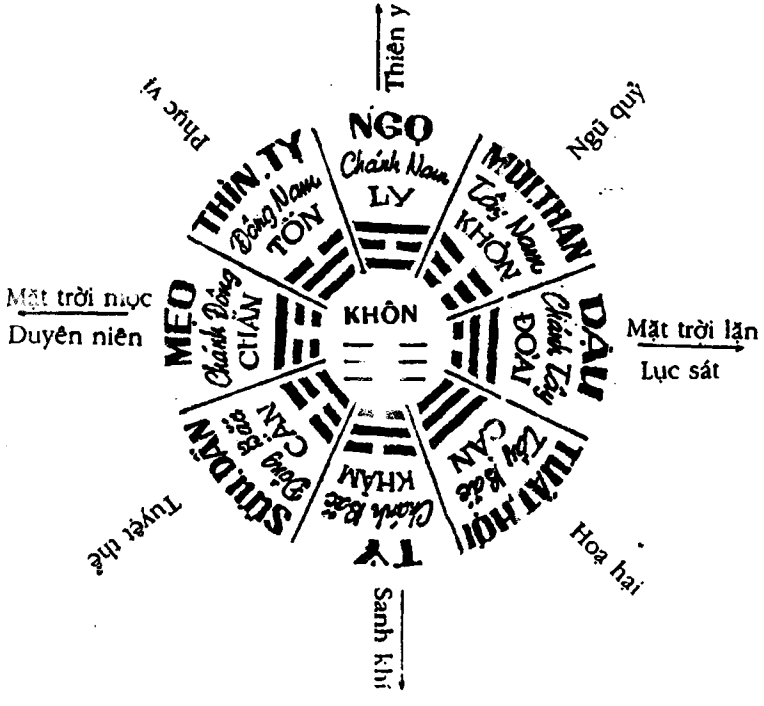

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tu Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phụ vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1916 LÀ TUỔI BÍNH THÌN

Nhỏ: 54 tuổi – Lớn: 114 tuổi

Cung Khảm ☵ "Thượng ngươn"

Mạng Sa-trung-thổ

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung CHẤN

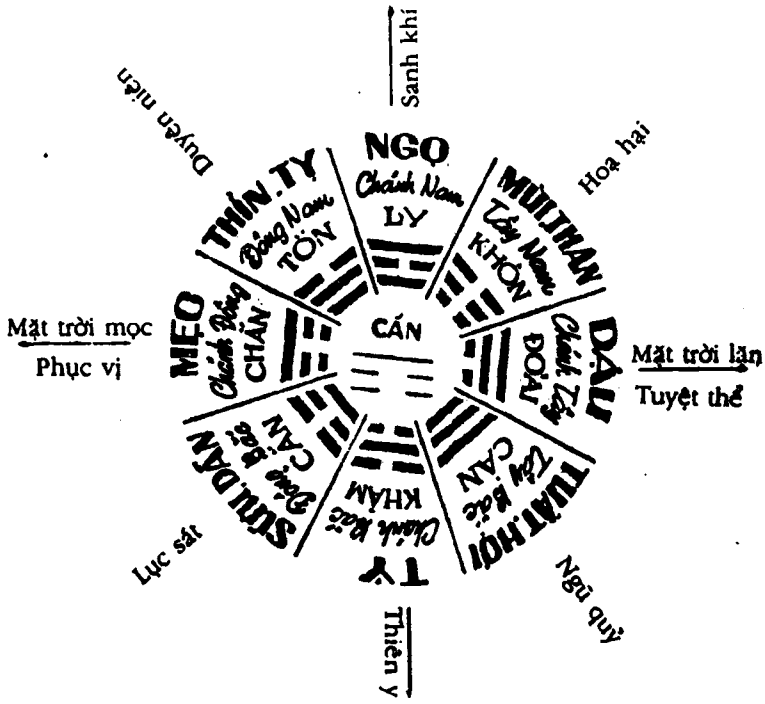

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 ương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính ềm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về ương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi n 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1916 LÀ TUỔI BÍNH THÌN

Nhỏ: 54 tuổi – Lớn: 114 tuổi

Cung Khảm ☵ "Thượng ngươn"

Mạng Sa-trung-thổ

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CHẤN

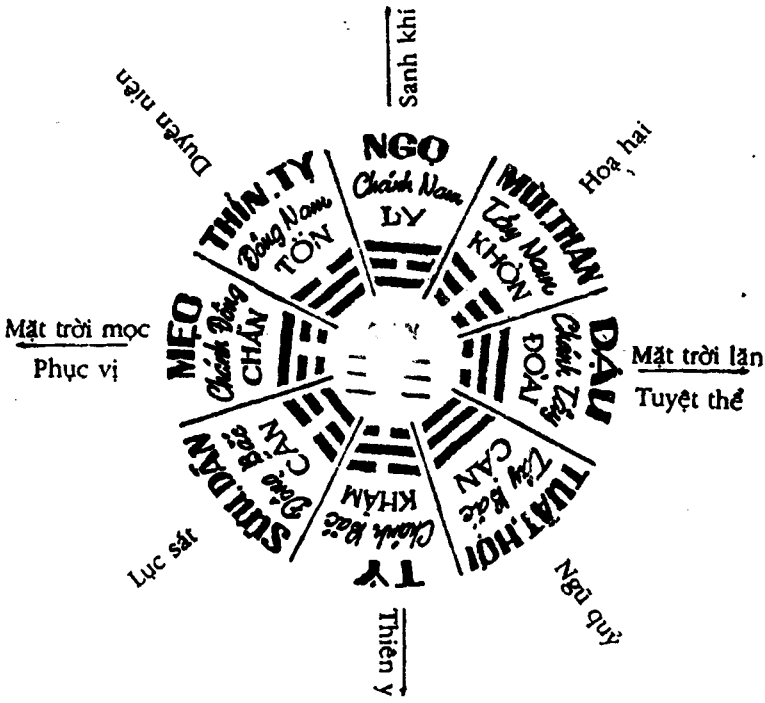

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1915 LÀ TUỔI ẤT MẸO

Nhỏ: 55 tuổi – Lớn: 115 tuổi

Cung Ly ☲ "Hạ-ngươn"

Mạng Đại-khê-thủy

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung KHẢM

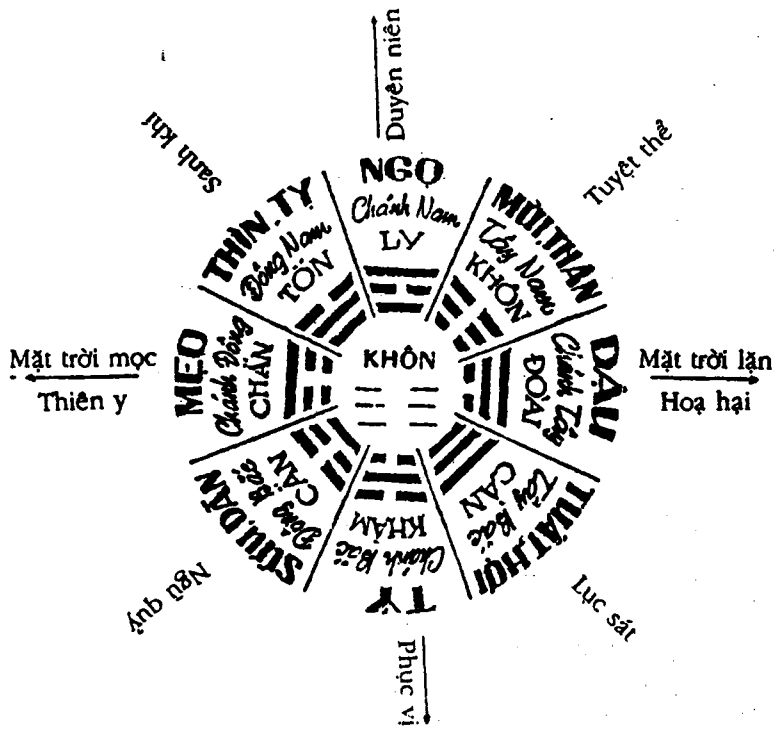

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1915 LÀ TUỔI ẤT MẸO

Nhỏ: 55 tuổi – Lớn: 115 tuổi

Cung Ly ☲ "Hạ-ngươn"

Mạng Đại-khê-thủy

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CẤN

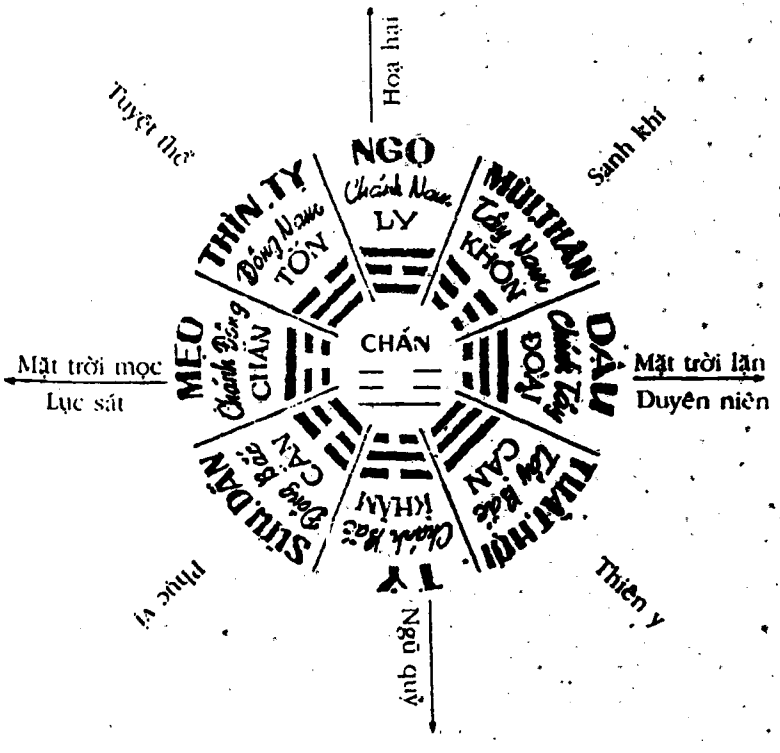

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1914 LÀ TUỔI GIÁP DẦN

Nhỏ: 56 tuổi – Lớn: 116 tuổi

Cung Cấn ☶ "Hạ-ngươn"

Mạng Đại-khê-thủy

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung KHÔN

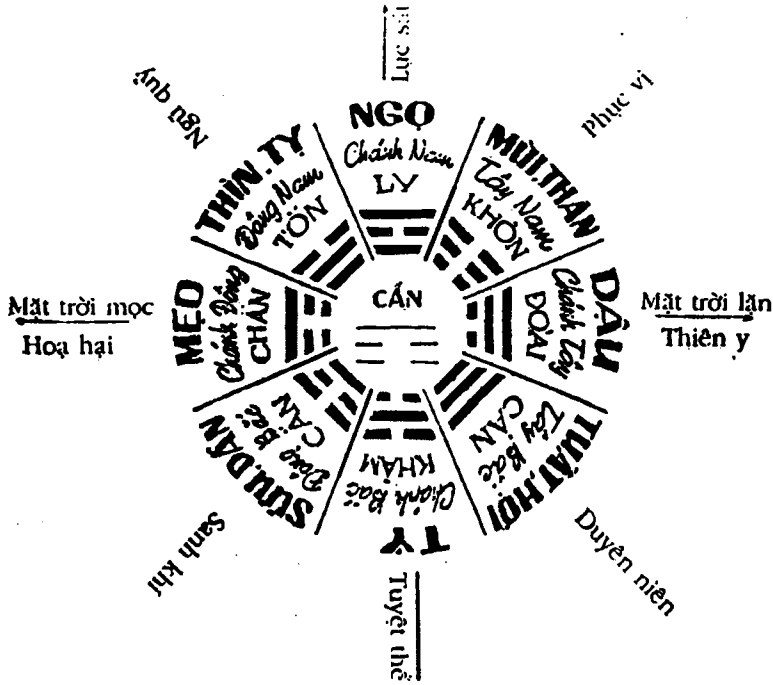

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1914 LÀ TUỔI GIÁP DẦN

Nhỏ: 56 tuổi – Lớn: 116 tuổi

Cung Cấn ☶ "Hạ-ngươn"

Mạng Đại-khê-thủy

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung TỐN

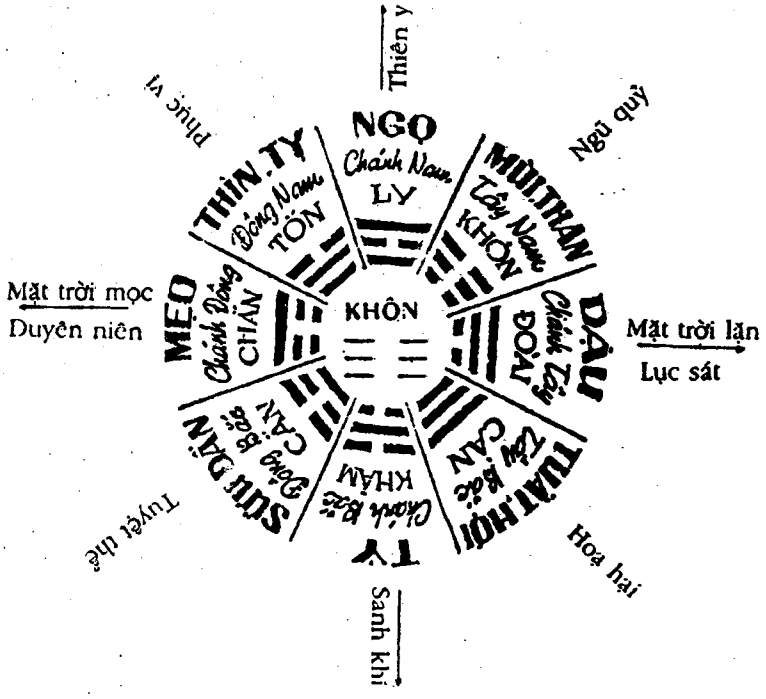

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1913 LÀ TUỔI QUÝ SỬU

Nhỏ: 57 tuổi – Lớn: 117 tuổi

Cung Tốn ☴ "Trung-ngươn"

Mạng Tang-đố-mộc

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung LY

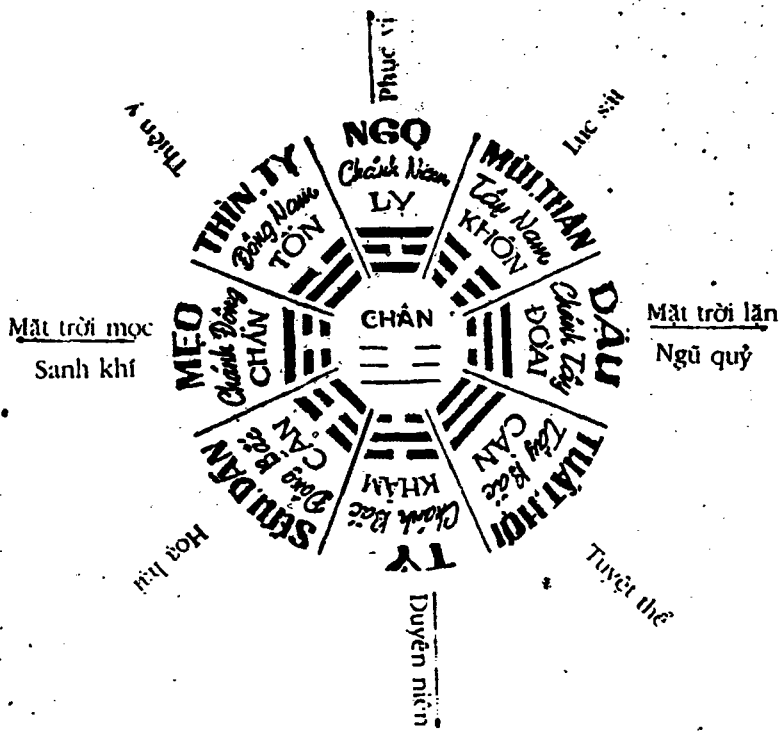

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về hương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1913 LÀ TUỔI QUÝ SỬU

Nhỏ: 57 tuổi – Lớn: 117 tuổi

Cung Tốn ☴ "Trung-ngươn"

Mạng Tang-đố-mộc

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CÀN

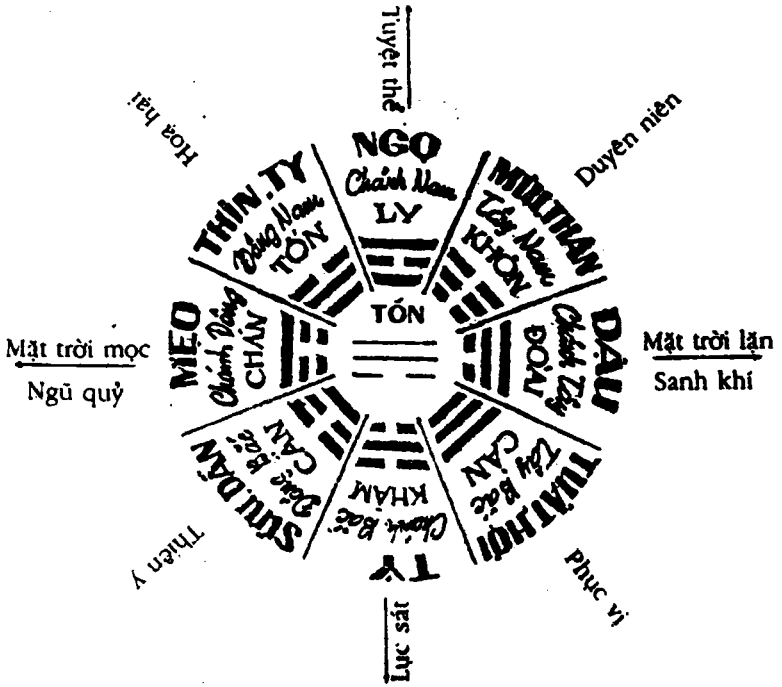

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1912 LÀ TUỔI NHÂM TÝ

Nhỏ: 58 tuổi – Lớn: 118 tuổi

Cung Chấn ☳ "Thượng ngươn"

Mạng Tang-đố-mộc

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung ĐOÀI

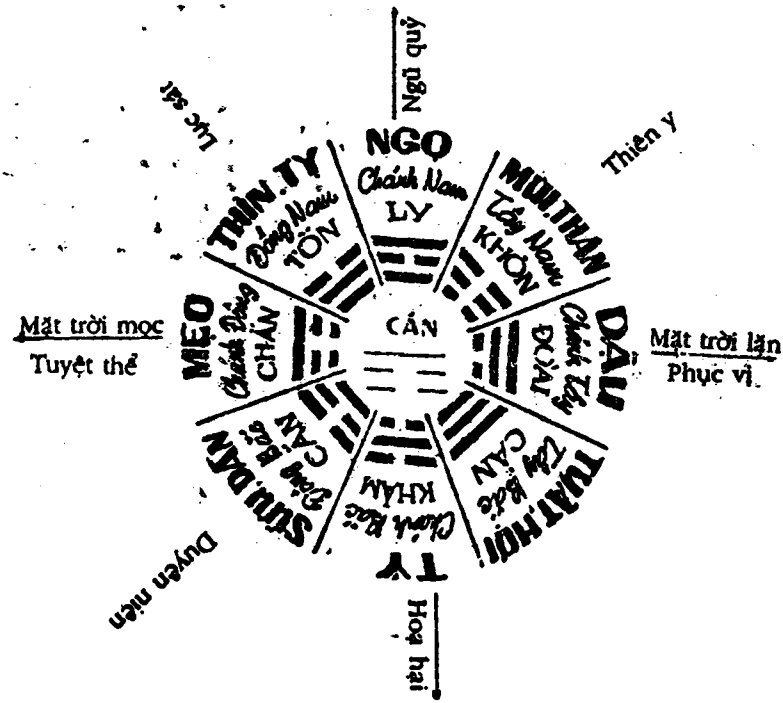

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 196 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tín thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi v phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm m năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1912 LÀ TUỔI NHÂM TÝ

Nhỏ: 58 tuổi – Lớn: 118 tuổi

Cung Chấn ☳ "Thượng ngươn"

Mạng Tang-đố-mộc

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CẤN

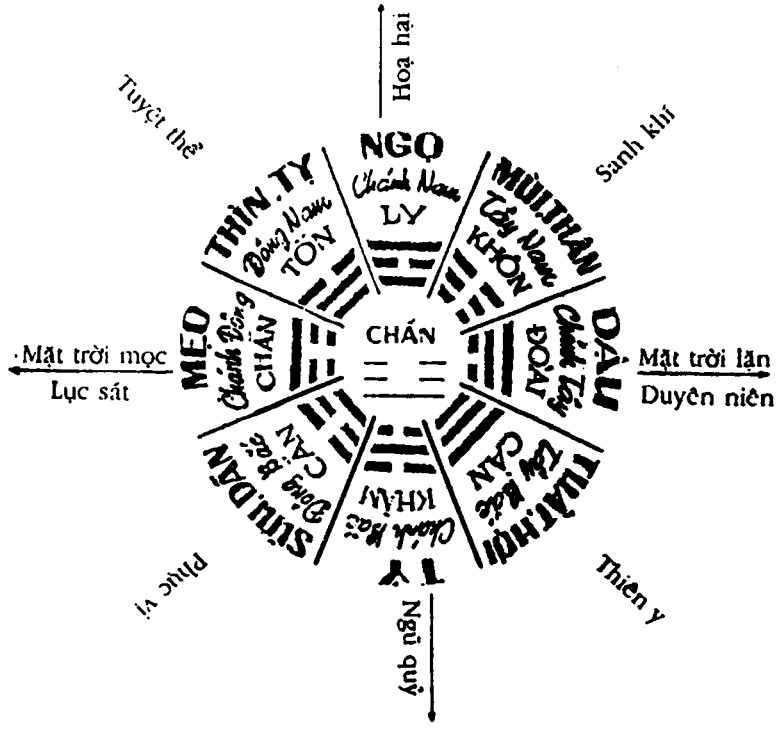

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1911 LÀ TUỔI TÂN HỢI

Nhỏ: 59 tuổi – Lớn: 119 tuổi

Cung Khôn ☷ "Thượng ngươn"

Mạng Thoa-xuyến-kim

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung CẤN

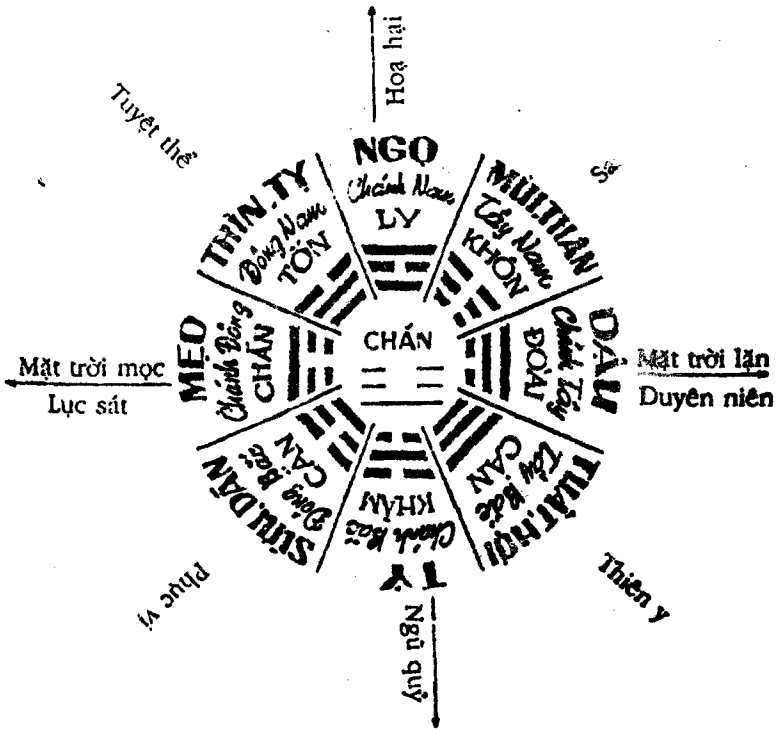

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1911 LÀ TUỔI TÂN HỢI

Nhỏ: 59 tuổi – Lớn: 119 tuổi

Cung Khôn ☷ "Thượng ngươn"

Mạng Thoa-xuyến-kim

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung ĐOÀI

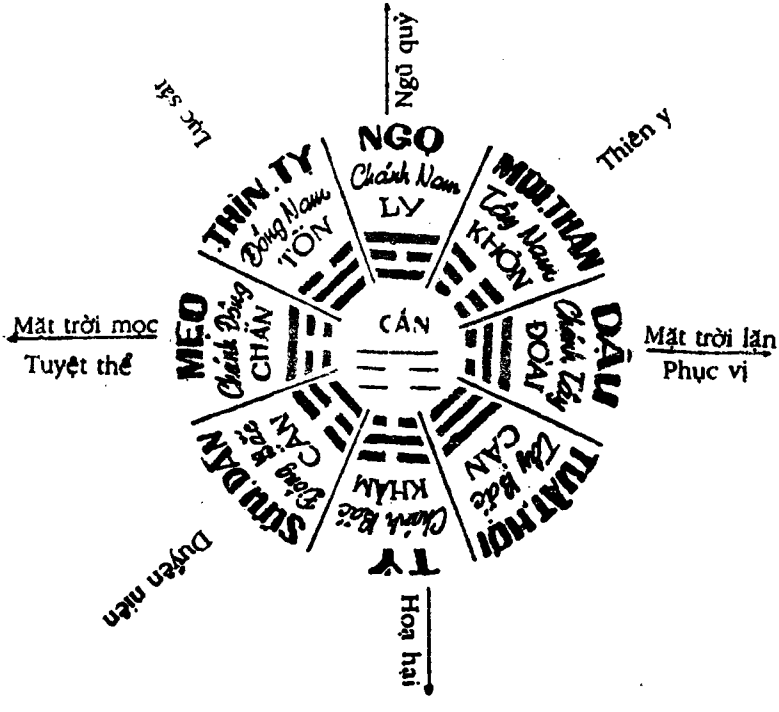

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như [illegible]ộc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1910 LÀ TUỔI CANH TUẤT

Nhỏ: 60 tuổi – Lớn: 120 tuổi

Cung Khảm ☵ "Thượng ngươn"

Mạng Thoa-xuyến-kim

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung LY

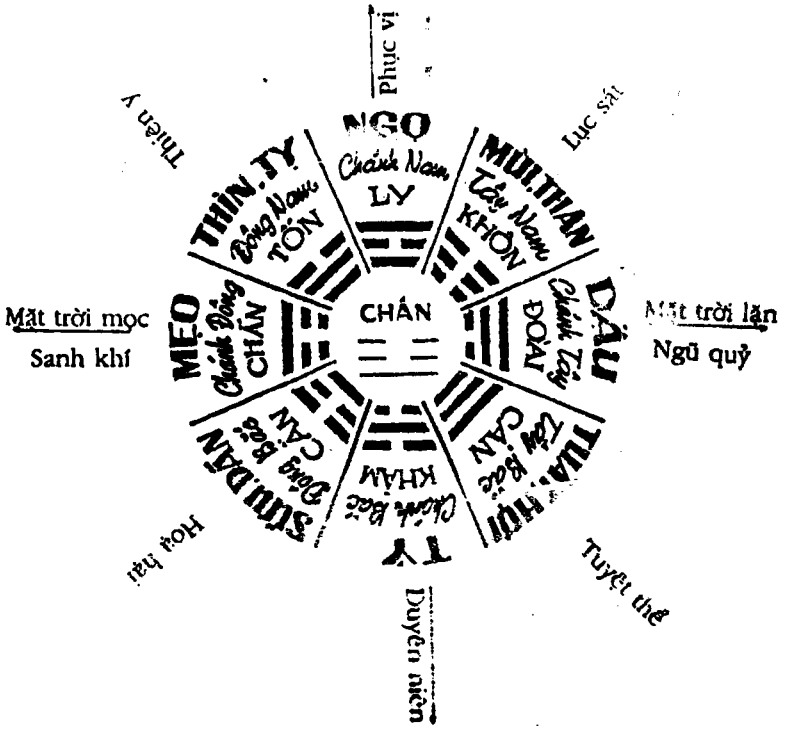

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 ương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính êm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về hương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi ăm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1910 LÀ TUỔI CANH TUẤT

Nhỏ: 60 tuổi – Lớn: 120 tuổi

Cung Khảm ☵ "Thượng ngươn"

Mạng Thoa-xuyến-kim

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CÀN

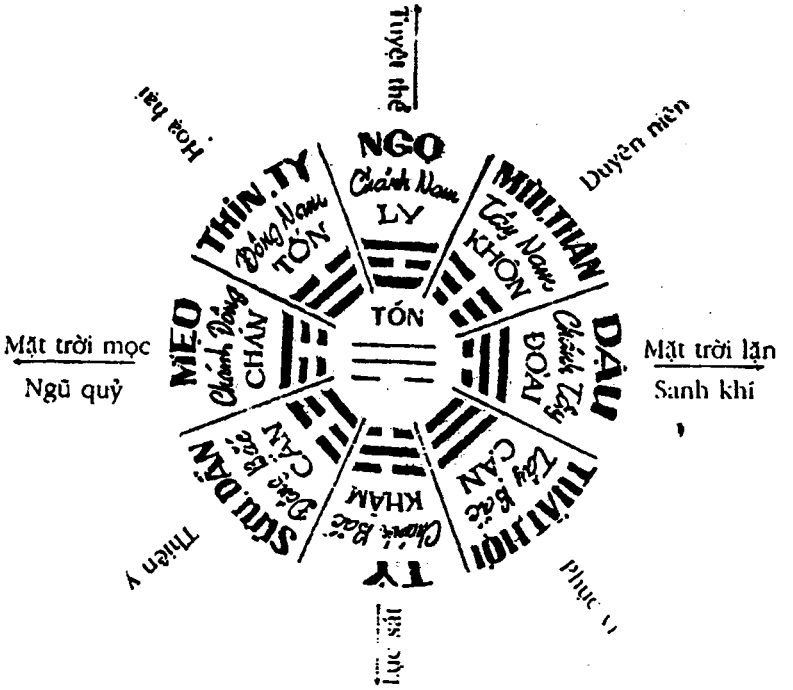

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vi, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1909 LÀ TUỔI KỶ DẬU

Nhỏ: 61 tuổi – Lớn: 121 tuổi

Cung Ly ☲ "Hạ-ngươn"

Mạng Đại-trạch-thổ

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung ĐOÀI

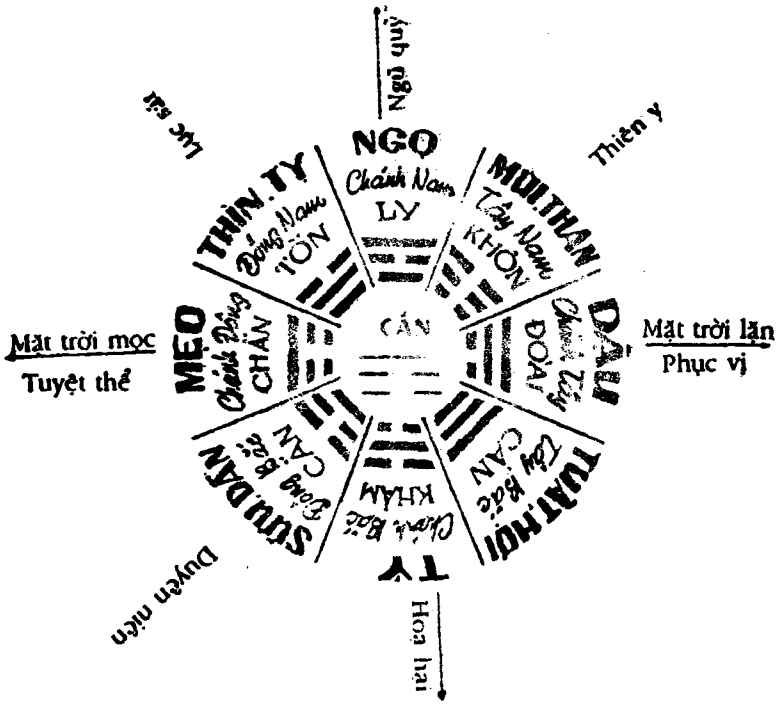

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1909 LÀ TUỔI KỶ DẬU

Nhỏ: 61 tuổi – Lớn: 121 tuổi

Cung Ly ☲ "Hạ-ngươn"

Mạng Đại-trạch-thổ

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung ĐOÀI.

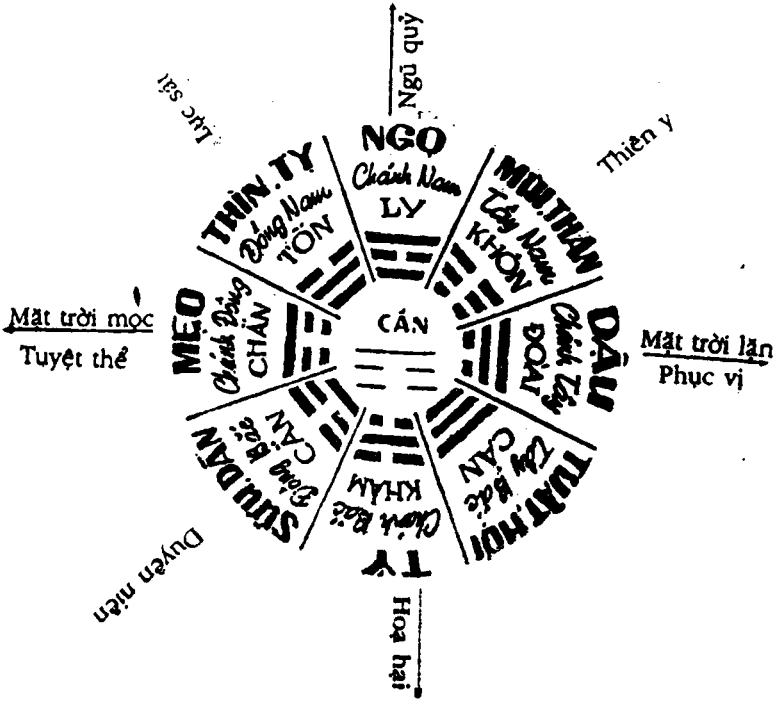

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1908 LÀ TUỔI MẬU THÂN

Nhỏ: 62 tuổi – Lớn: 122 tuổi

Cung Cấn ☶ "Hạ-ngươn"

Mạng Đại-trạch-thổ

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung CẤN

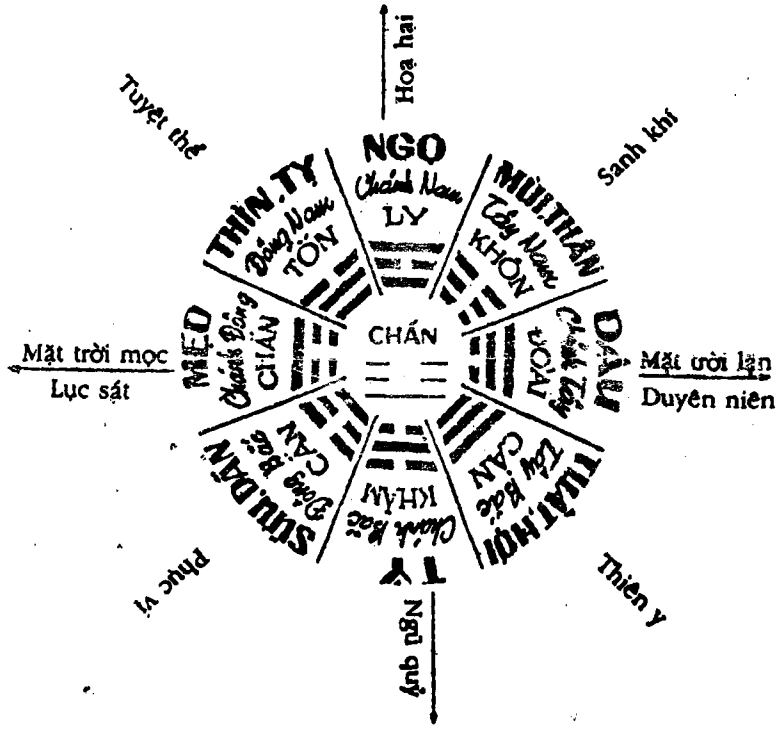

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về **phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.**

SANH NĂM 1908 LÀ TUỔI MẬU THÂN

Nhỏ: 62 tuổi – Lớn: 122 tuổi

Cung Cấn ☶ "Hạ-ngươn"

Mạng Đại-trạch-thổ

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung ĐOÀI

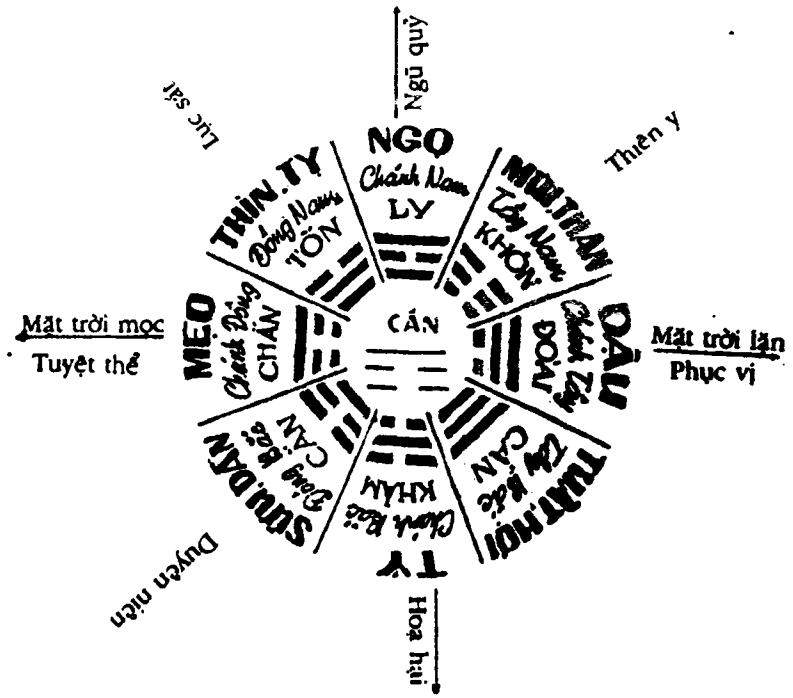

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1907 LÀ TUỔI ĐINH MÙI

Nhỏ: 63 tuổi – Lớn: 123 tuổi

Cung Đoài ☱ "Hạ-ngươn"

Mạng Thiên-hà-thủy

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung LY

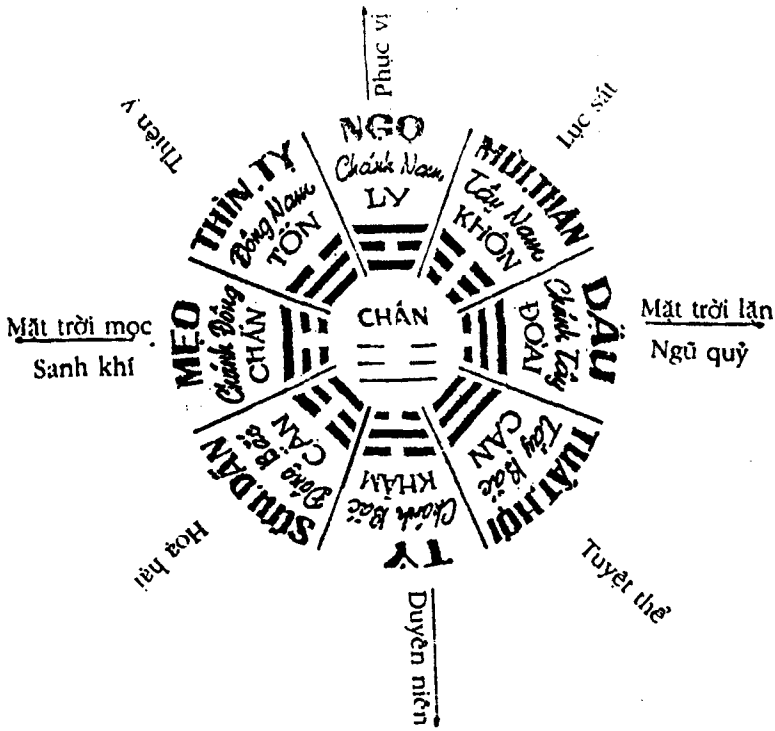

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1907 LÀ TUỔI ĐINH MÙI

Nhỏ: 63 tuổi – Lớn: 123 tuổi

Cung Đoài ☱ "Hạ-ngươn"

Mạng Thiên-hà-thủy.

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CÀN

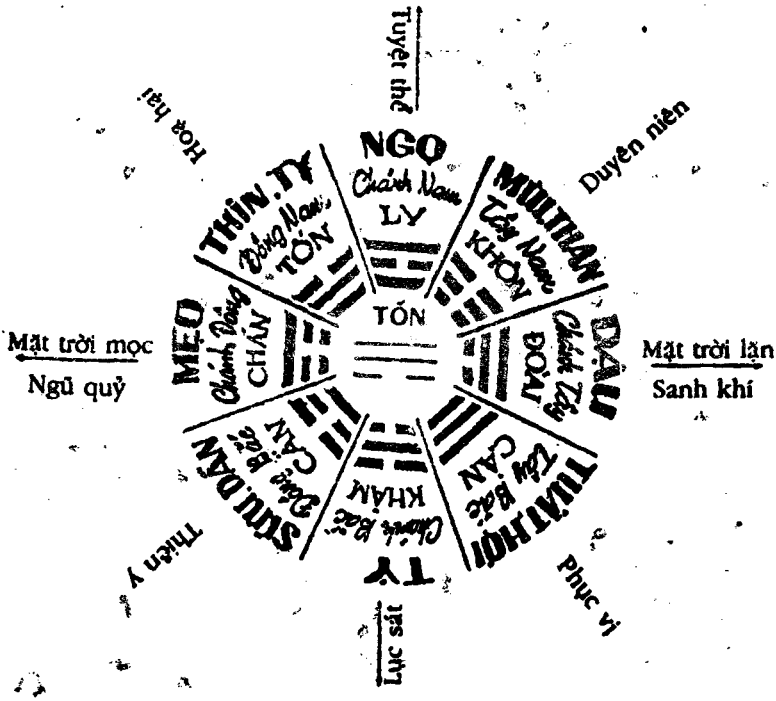

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1906 LÀ TUỔI BÍNH NGỌ

Nhỏ: 64 tuổi – Lớn: 124 tuổi

Cung Càn ☰ "Trung-ngươn"

Mạng Thiên-hà-thủy

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung ĐOÀI

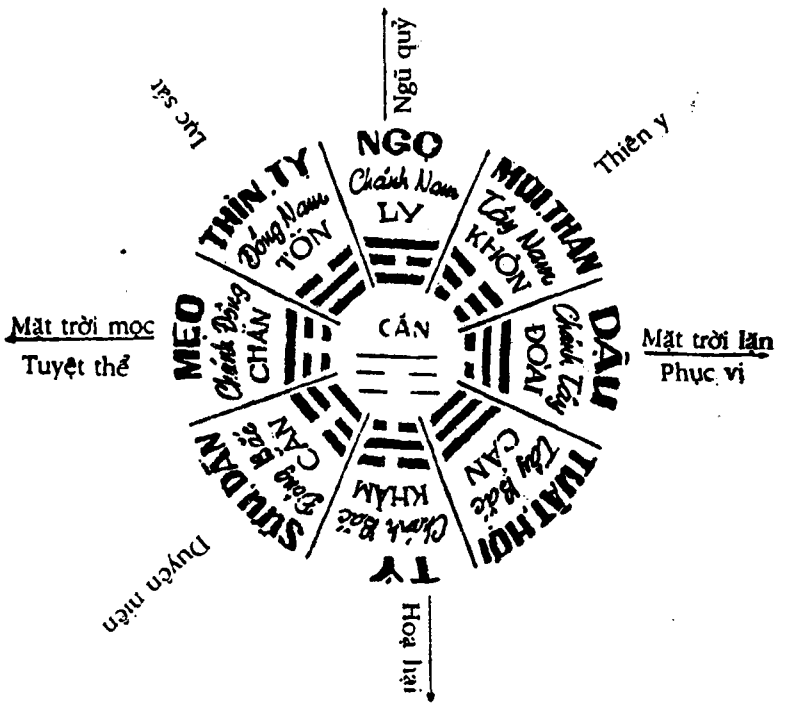

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 ương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính iêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về hương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi ăm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1906 LÀ TUỔI BÍNH NGỌ

Nhỏ: 64 tuổi – Lớn: 124 tuổi

Cung Càn ☰ "Trung-ngươn"

Mạng Thiên-hà-thủy

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CẤN

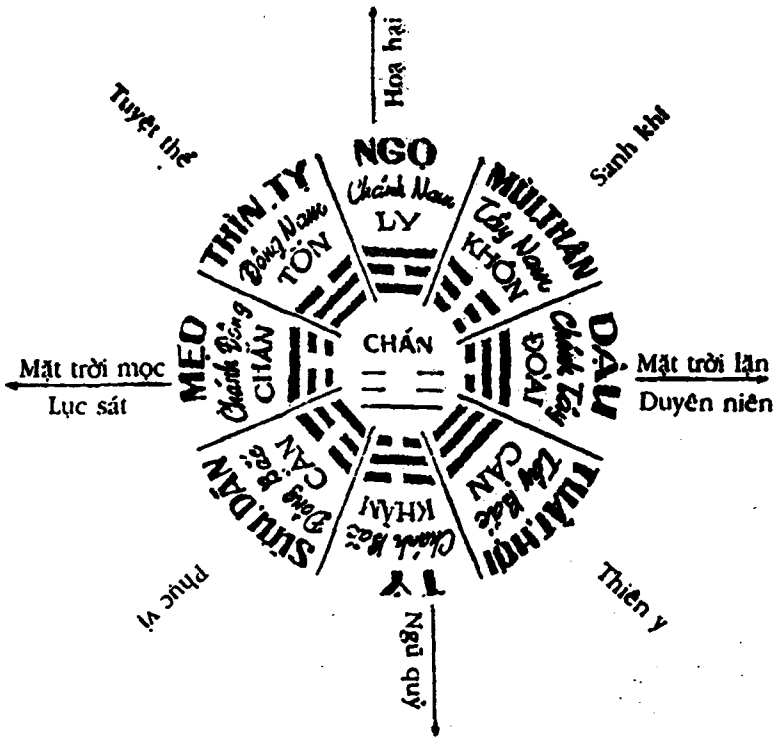

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1905 LÀ TUỔI ẤT TỴ

Nhỏ: 65 tuổi – Lớn: 125 tuổi

Cung Đoài ☱ "Hạ-ngươn"

Mạng Phúc- đăng-hỏa

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung KHÔN

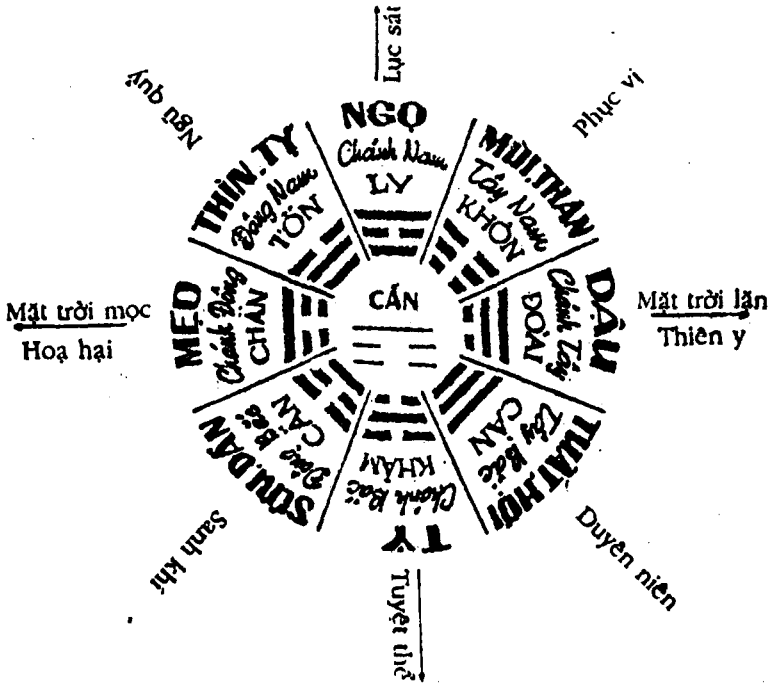

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1905 LÀ TUỔI ẤT TỴ

Nhỏ: 65 tuổi – Lớn: 125 tuổi

Cung Đoài ☱ "Hạ-ngươn"

Mạng Phúc- đăng-hỏa

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung TỐN

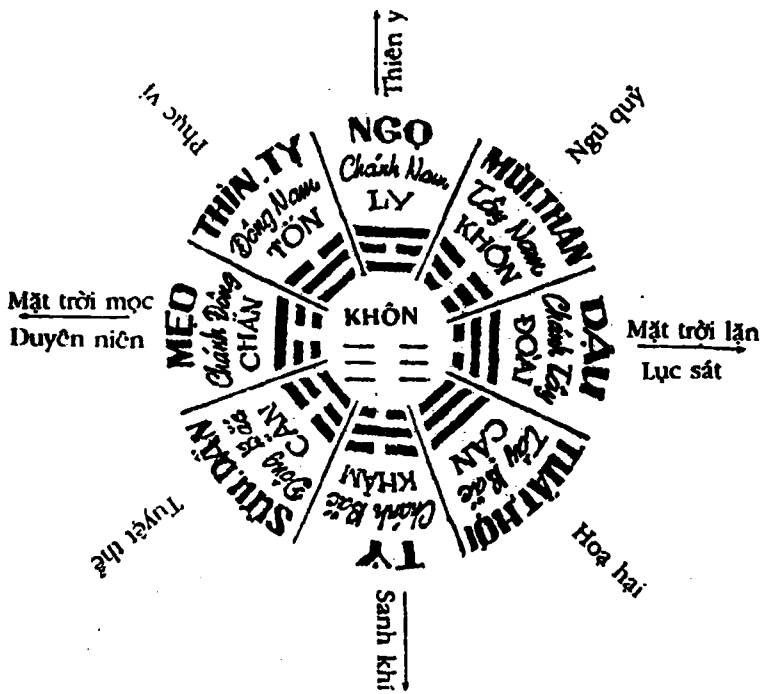

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổ Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1904 LÀ TUỔI GIÁP THÌN

Nhỏ: 66 tuổi – Lớn: 126 tuổi

Cung Tốn ☴ "Trung-ngươn"

Mạng Phúc- đăng-hỏa

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung LY

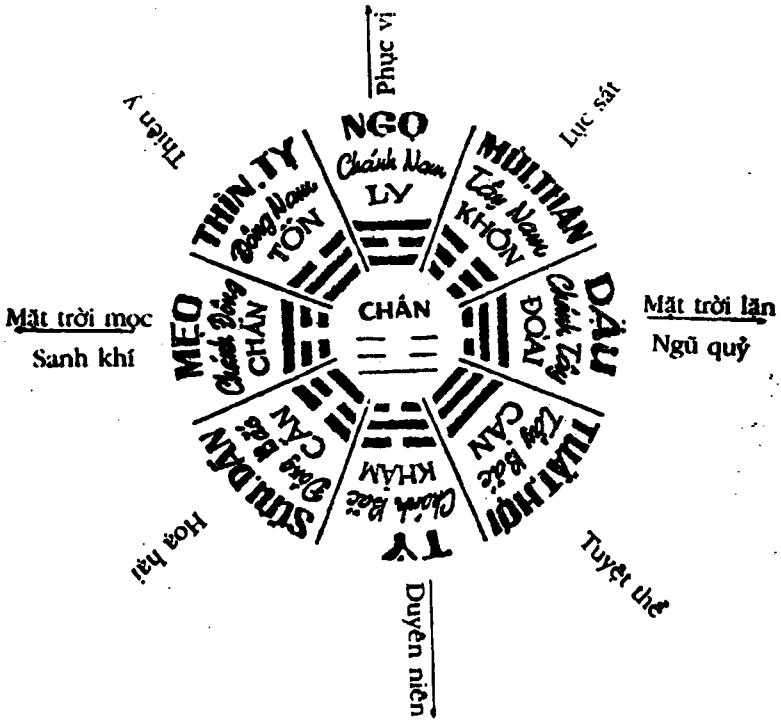

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 ượng Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính êm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về ượng hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi ìm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1904 LÀ TUỔI GIÁP THÌN

Nhỏ: 66 tuổi – Lớn: 126 tuổi

Cung Tốn ☴ "Trung-ngươn"

Mạng Phúc- đăng-hỏa

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung CÀN

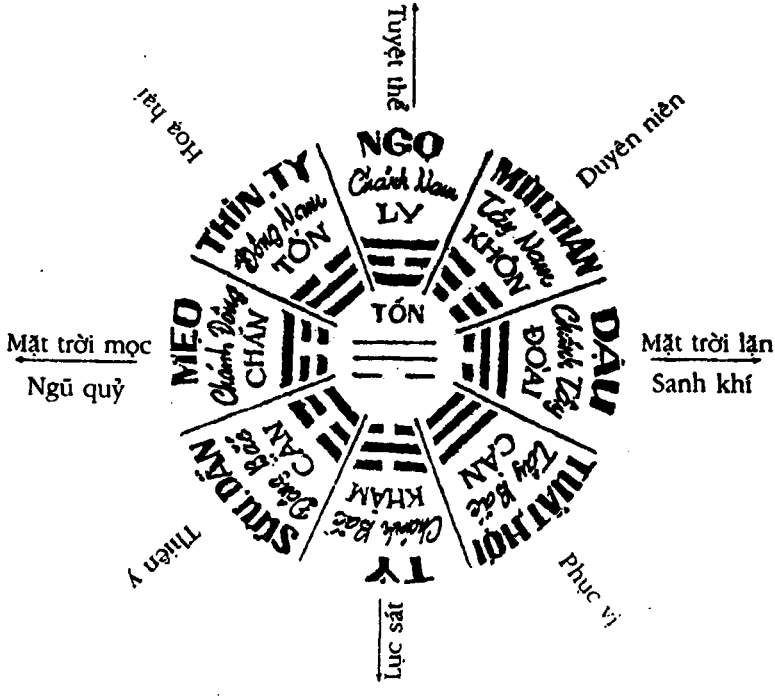

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1903 LÀ TUỔI QUÝ MẸO

Nhỏ: 67 tuổi – Lớn: 127 tuổi

Cung Ly ☲ "Hạ-ngươn"

Mạng Kim-bạch-kim

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung TỐN

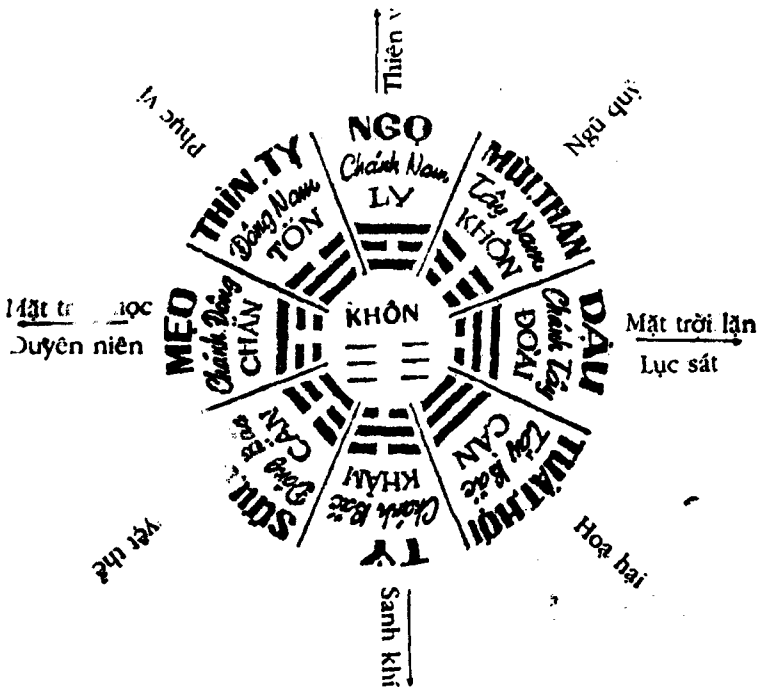

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tịnh thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1903 LÀ TUỔI QUÝ MẸO

Nhỏ: 67 tuổi – Lớn: 127 tuổi

Cung Ly ☲ "Hạ-ngươn"

Mạng Kim-bạch-kim

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung KHÔN

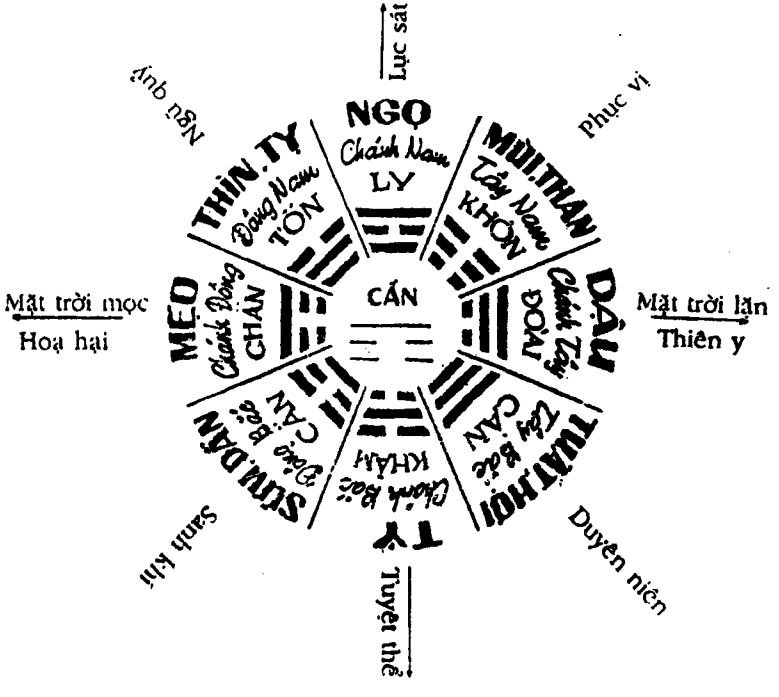

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1902 LÀ TUỔI NHÂM DẦN

Nhỏ: 68 tuổi – Lớn: 128 tuổi

Cung Cấn ☶ "Hạ-ngươn"

Mạng Kim-bạch-kim

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung KHÔN

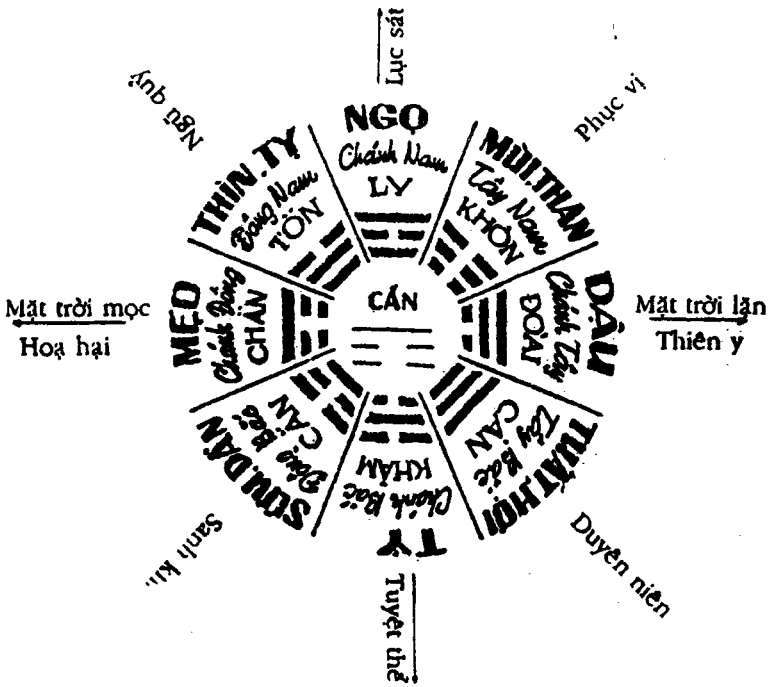

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1902 LÀ TUỔI NHÂM DẦN

Nhỏ: 68 tuổi – Lớn: 128 tuổi

Cung Cấn ☶ "Hạ-ngươn"

Mạng Kim-bạch-kim

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung KHẢM

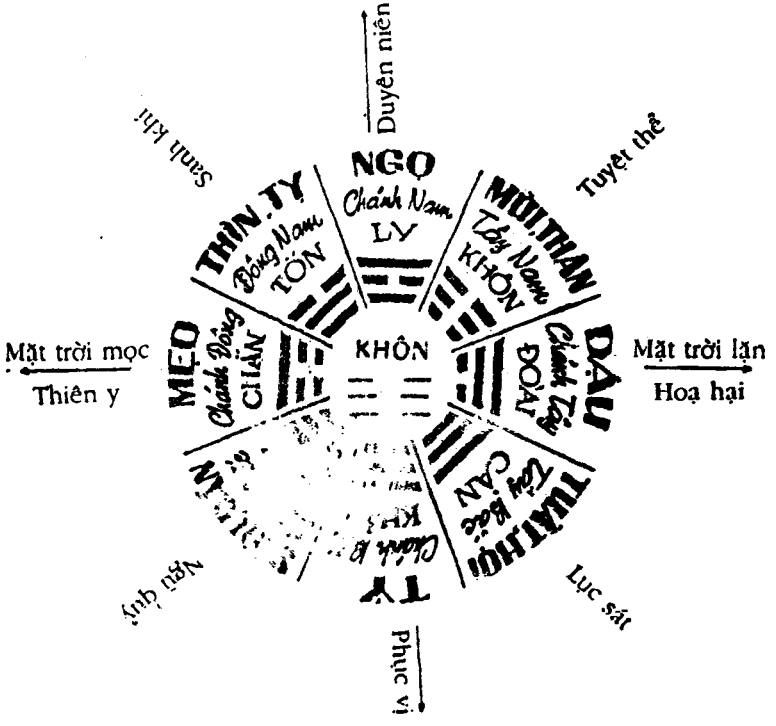

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1901 LÀ TUỔI TÂN SỬU

Nhỏ: 69 tuổi – Lớn: 129 tuổi

Cung Đoài ☱ "Hạ-ngươn"

Mạng Bích-thượng-thổ

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung CÀN

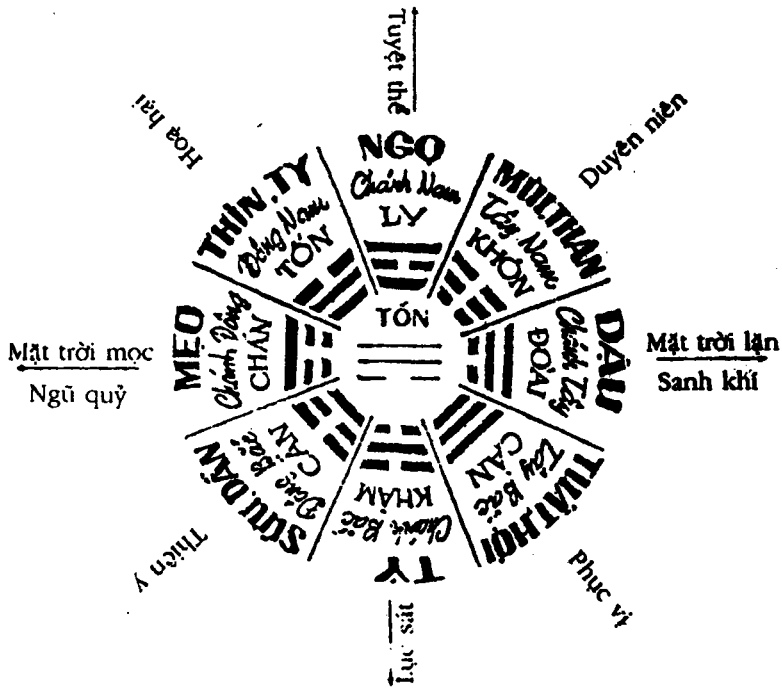

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1901 LÀ TUỔI TÂN SỬU

Nhỏ: 69 tuổi – Lớn: 129 tuổi

Cung Đoài ☱ "Hạ-ngươn"

Mạng Bích-thượng-thổ

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung LY

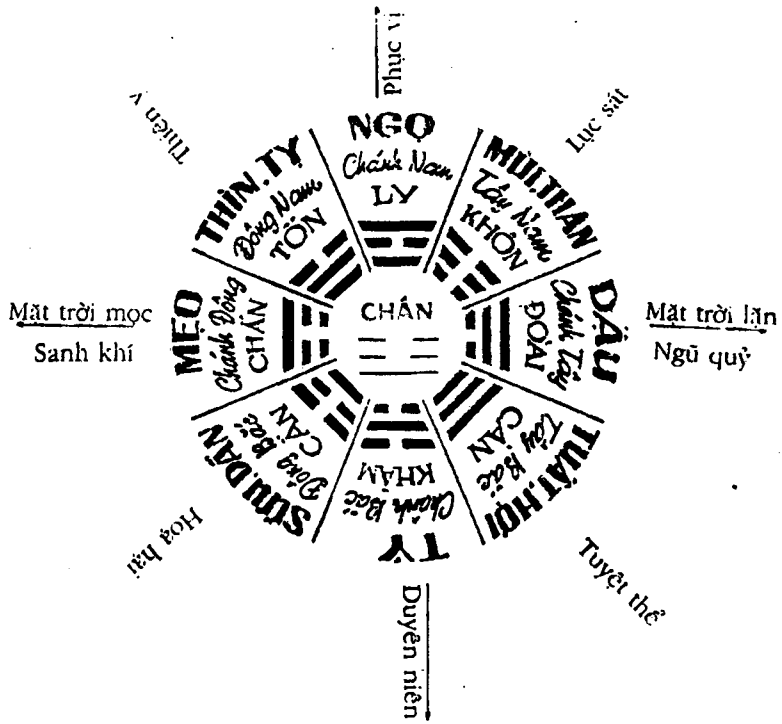

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1900 LÀ TUỔI CANH TÝ

Nhỏ: 70 tuổi – Lớn: 130 tuổi

Cung Càn ☰ "Trung-ngươn"

Mạng Bích-thượng-thổ

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung TỐN

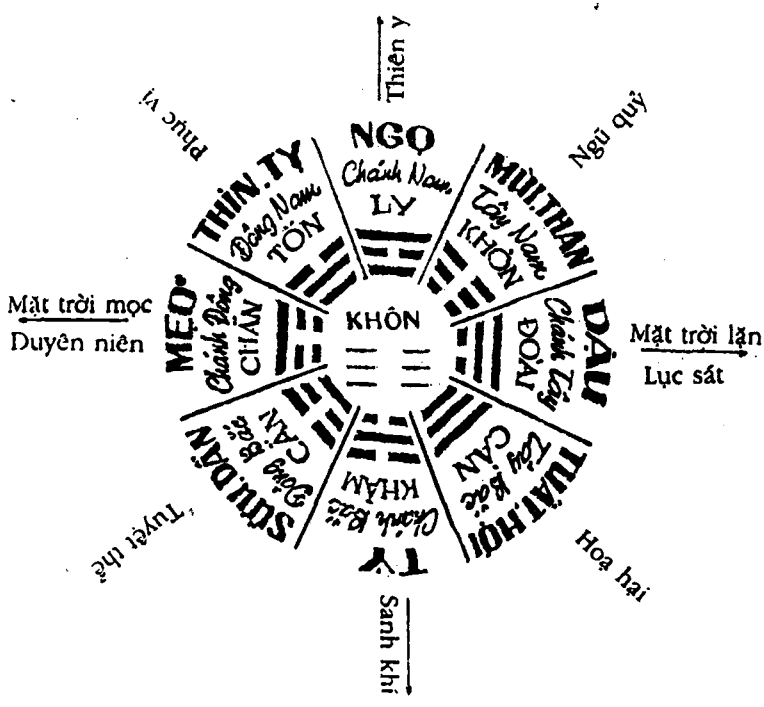

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1900 LÀ TUỔI CANH TÝ

Nhỏ: 70 tuổi – Lớn: 130 tuổi

Cung Càn ☰ "Trung-ngươn"

Mạng Bích-thượng-thổ

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung KHÔN

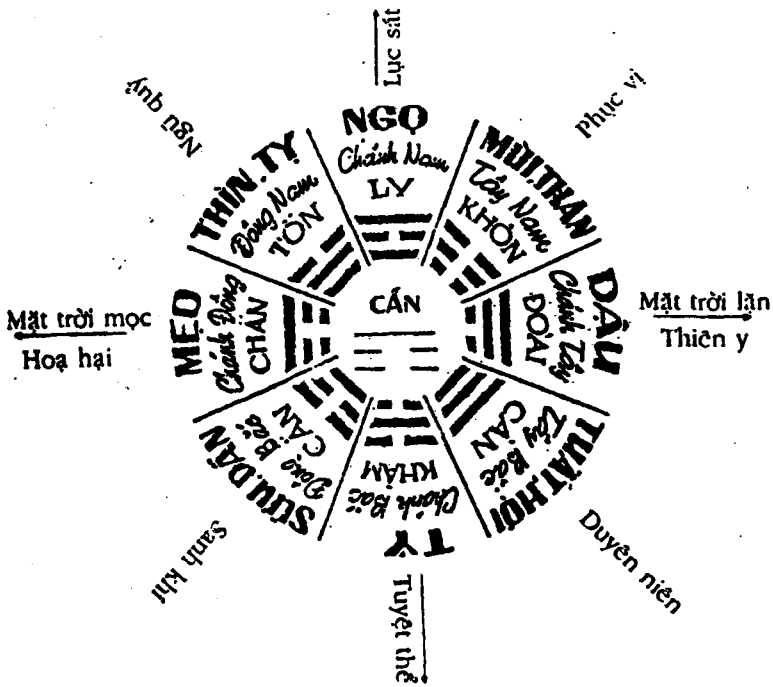

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1899 LÀ TUỔI KỶ HỢI

Nhỏ: 71 tuổi – Lớn: 131 tuổi

Cung Cấn ☶ "Thượng ngươn"

Mạng Bình-địa-mộc

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung KHÔN

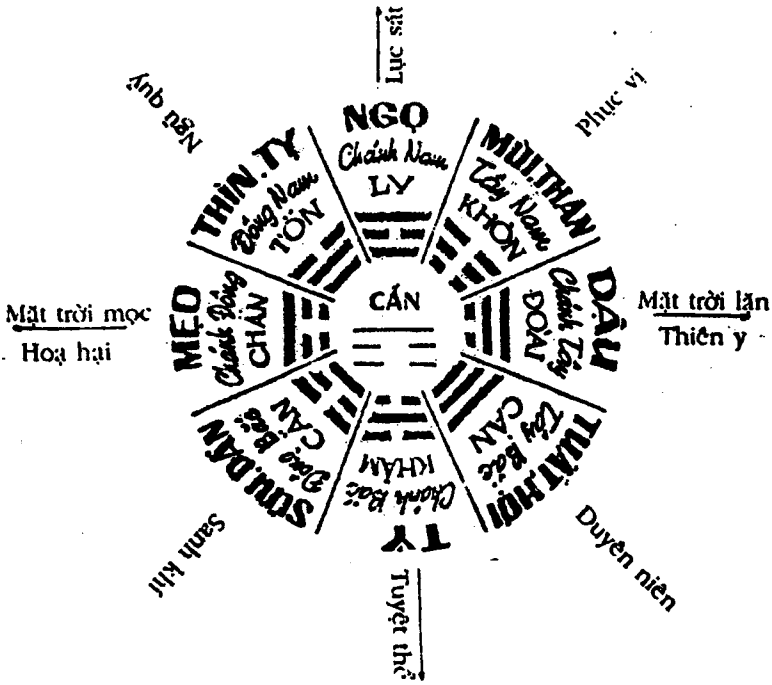

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1899 LÀ TUỔI KỶ HỢI

Nhỏ: 71 tuổi – Lớn: 131 tuổi

Cung Cấn ☶ "Thượng ngươn"

Mạng Bình-địa-mộc

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung ĐOÀI

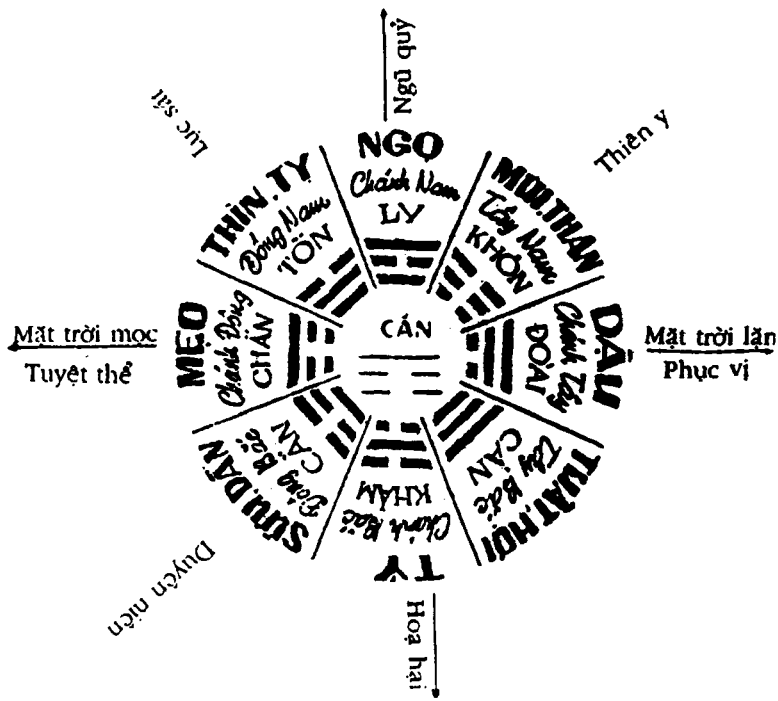

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở độc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

SANH NĂM 1898 LÀ TUỔI MẬU TUẤT

Nhỏ: 72 tuổi – Lớn: 132 tuổi

Cung Tốn ☴ "Trung-ngươn"

Mạng Bình-địa-mộc

NAM: Cung biến về hướng nhà là cung CÀN

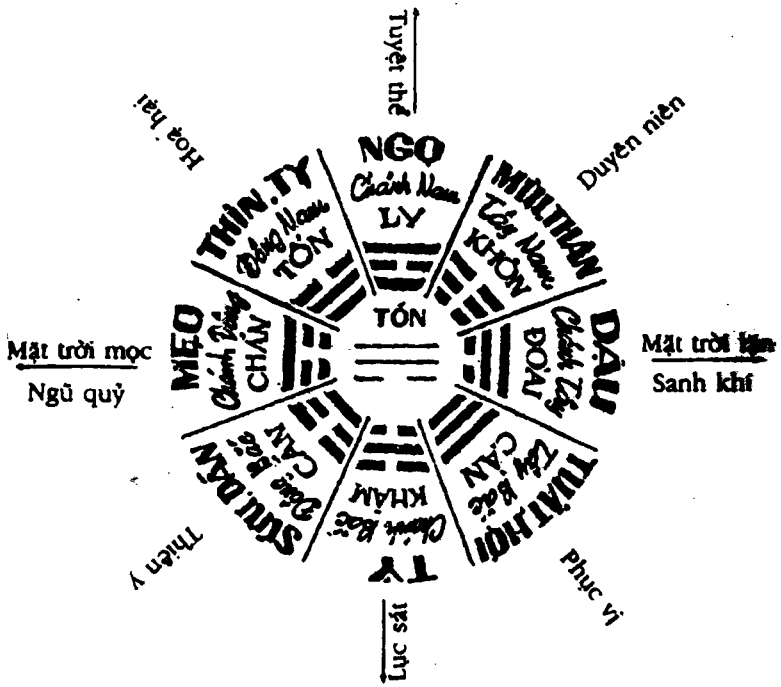

Bảng kê này tính sẵn kể từ năm Kỷ Dậu âm lịch tức là năm 1969 Dương Lịch. Căn cứ năm xuất bản sách này, mỗi năm qua quý vị tính thêm lên một tuổi là đúng.

Bổn sách này dùng suốt đời này qua đời khác, không thay đổi về phương hướng của nam và nữ, chỉ có tuổi thì phải tính lên thêm mỗi năm 1 tuổi mà thôi.

SANH NĂM 1898 LÀ TUỔI MẬU TUẤT

Nhỏ: 72 tuổi – Lớn: 132 tuổi

Cung Tốn ☴ "Trung-ngươn"

Mạng Bình-địa-mộc

NỮ: Cung biến về hướng nhà là cung LY

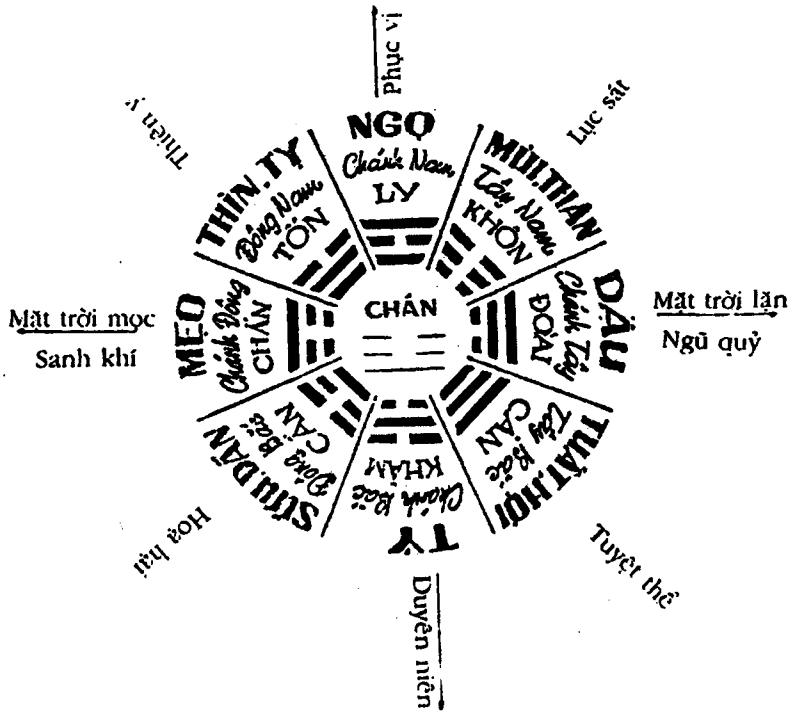

Trong sách này, tôi có lập thành sẵn từ tuổi Giáp Tý cho đến tuổi Quý Hợi y như bên nam, các bà các cô lựa những hướng có chữ Phục-vị, Sanh-khí, Duyên-niên, và Thiên-y mà làm phòng ngủ, còn như ở mộc thân thì lựa hướng Phục-vị mà làm đường đi vào nhà.

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1	**Trang**	
Hình Thể của quả Địa cầu	–	11-13
Thiên Can – Địa Chi	–	14-15
Hai mươi bốn tiết khí	–	16
Đông Tây gặp nhau về thuyết Dịch lý học	–	18-22
Thái cực Lưỡng nghi Tứ tượng	–	23-24
Vũ trụ là gì?	–	25-28
CHƯƠNG 2		
Trước khi muốn lựa phương hướng...	–	29-30
Đòn tay và đòn đông (khi dựng nhà)	–	31-32
Phá Ngũ trung Thân theo số Hà Đồ	–	32-33
Bàn tay Hoàng Ốc (kỵ cất nhà)	–	34
Bàn tay Kim Lâu (kỵ cất nhà)	–	35-36
Kính thưa cùng quý vị độc giả	–	37
Hạn Tam tai (Nam Nữ coi chung)	–	38
Nói về phương hướng mả mồ	–	39-40
Nói về chết nhằm cung nào tốt hay xấu	–	41
Bài thơ nói về tám cung chết	–	42
Bàn tay tính cung chết	–	43-44

Bảng kê tính tuổi từ 1 tuổi đến 120 tuổi – 45-46

Tuổi	Đinh Dậu	sanh năm	1957	Nam	–	47
–	–	–		Nữ	–	48
–	Bính Thân	–	1956	Nam	–	49
–	–	–		Nữ	–	50
–	Ất Mùi	–	1955	Nam	–	51
–	–	–		Nữ	–	52
–	Giáp Ngọ	–	1954	Nam	–	53
–	–	–		Nữ	–	54
–	Quý Tỵ	–	1953	Nam	–	55
–	–	–		Nữ	–	56
–	Nhâm Thìn	–	1952	Nam	–	57
–	–	–		Nữ	–	58
–	Tân Mẹo	–	1951	Nam	–	59
–	–	–		Nữ	–	60
–	Canh Dần	–	1950	Nam	–	61
–	–	–		Nữ	–	62
–	Kỷ Sửu	–	1949	Nam	–	63
–	–	–		Nữ	–	64
–	Mậu Tý	–	1948	Nam	–	65
–	–	–		Nữ	–	66
–	Đinh Hợi	–	1947	Nam	–	67
–	–	–		Nữ	–	68
–	Bính Tuất	–	1946	Nam	–	69

–	–	–		Nữ	–	70
–	Ất Dậu	–	1945	Nam	–	71
–	–	–		Nữ	–	72
–	Giáp Thân	–	1944	Nam	–	73
–	–	–		Nữ	–	74
–	Quý Mùi	–	1943	Nam	–	75
–	–	–		Nữ	–	76
–	Nhâm Ngọ	–	1942	Nam	–	77
–	–	–		Nữ	–	78
–	Tân Tỵ	–	1941	Nam	–	79
–	–	–		Nữ	–	80
–	Cảnh Thìn	–	1940	Nam	–	81
–	–	–		Nữ	–	82
–	Kỷ Mẹo	–	1939	Nam	–	83
–	–	–		Nữ	–	84
–	Mậu Dần	–	1938	Nam	–	85
–	–	–		Nữ	–	86
–	Đinh Sửu	–	1937	Nam	–	87
–	–	–		Nữ	–	88
–	Bính Tý	–	1936	Nam	–	89
–	–	–		Nữ	–	90
–	Ất Hợi	–	1935	Nam	–	91
–	–	–		Nữ	–	92
–	Giáp Tuất	–	1934	Nam	–	93
–	–	–		Nữ	–	94

–	Quý Dậu	–	1933	Nam	–	95
–	–	–	Nữ	–		96
–	Nhâm Thân	–	1932	Nam	–	97
–	–	–	Nữ	–		98
–	Tân Mùi	–	1931	Nam	–	99
–	–	–	Nữ	–		100
–	Canh Ngọ	–	1930	Nam	–	101
–	–	–	Nữ	–		102
–	Kỷ Tỵ	–	1929	Nam	–	103
–	–	–	Nữ	–		104
–	Mậu Thìn	–	1928	Nam	–	105
–	–	–	Nữ	–		106
–	Đinh Mẹo	-	1927	Nam	–	107
–	–	–	Nữ	–		108
–	Bính Dần	–	1926	Nam	–	109
–	–	–	Nữ	–		110
–	Ất Sửu	–	1925	Nam	–	111
–	–	–		Nữ	–	112
–	Giáp Tý	–	1924	Nam	–	113
–	–	–		Nữ	–	114
–	Quý Hợi	–	1923	Nam	–	115
–	–	–		Nữ	–	116
–	Nhâm Tuất	–	1922	Nam	–	117
–	–	–		Nữ	–	118
–	Tân Dậu	–	1921	Nam	–	119

–	–	–		Nữ	–	120
–	Canh Thân	–	1920	Nam	–	121
–	–	–		Nữ	–	122
–	Kỷ Mùi	–	1919	Nam	–	123
–	–	–		Nữ	–	124
–	Mậu Ngọ	–	1918	Nam	–	125
–	–	–		Nữ	–	126
–	Đinh Tỵ	–	1917	Nam	–	127
–	–	–		Nữ	–	128
–	Bính Thìn	–	1916	Nam	–	129
–	–	–		Nữ	–	130
–	Ất Mẹo	–	1915	Nam	–	131
–	–	–		Nữ	–	132
–	Giáp Dần	–	1914	Nam	–	133
–	–	–		Nữ	–	134
–	Quý Sửu	–	1913	Nam	–	135
–	–	–		Nữ	–	136
–	Nhâm Tý	–	1912	Nam	–	137
–	–	–		Nữ	–	138
–	Tân Hợi	–	1911	Nam	–	139
–	–	–		Nữ	–	140
–	Canh Tuất	–	1910	Nam	–	141
–	–	–		Nữ	–	142
–	Kỷ Dậu	–	1909	Nam	–	143
–	–	–		Nữ	–	144

–	Mậu Thân	–	1908	Nam	–	145
–	–	–		Nữ	–	146
–	Đinh Mùi	–	1907	Nam	–	147
–	–	–		Nữ	–	148
–	Bính Ngọ	–	1906	Nam	–	149
–	–	–		Nữ	–	150
–	Ất Tỵ	–	1905	Nam	–	151
–	–	–		Nữ	–	152
–	Giáp Thìn	–	1904	Nam	–	153
–	–	–		Nữ	–	154
–	Quý Mẹo	–	1903	Nam	–	155
–	–	–		Nữ	–	156
–	Nhâm Dần	–	1902	Nam	–	157
–	–	–		Nữ	–	158
–	Tân Sửu	–	1901	Nam	–	159
–	–	–		Nữ	–	160
–	Canh Tý	–	1900	Nam	–	161
–	–	–		Nữ	–	162
–	Kỷ Hợi	–	1899	Nam	–	163
–	–	–		Nữ	–	164
–	Mậu Tuất	–	1898	Nam	–	165
–	–	–		Nữ	–	166

CHỮ BÁT TRONG KINH DỊCH

BÁT TRẠCH CHÁNH TÔNG

Tác giả: Viên Tài - Hà Tấn Phát

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
175 Giảng Võ - Hà Nội
Tel: (04) 8.515.380; 7.367087 - Fax: (04) 8.515381
Email: nxblaodong@vnn.vn
CHI NHÁNH PHÍA NAM
85 Cách mạng tháng Tám, Q.1 - TP Hồ Chí Minh
Tel: (08) 8.390970 - Fax: (08) 9.257205
Email: cn-nxbld@vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản :
HAN ĐÀO NGUYÊN

Chịu trách nhiệm bản thảo:
LÊ HUY HÒA

Biên tập: **Hồ Phương Lan - Phạm Hoàng Quân**
Bìa và trình bày: **Cường Phát**
Sửa bản in: **Nhóm biên tập**

In 1.000 bản, khổ 13x19 cm, tại Xí nghiệp In Đường Sắt.
Số đăng ký KHXB : 883-2006/CXB/07-148/LĐ ngày 27/11/2006.
Quyết định xuất bản số: 19/QĐ-LĐ, Nhà Xuất bản Lao Động cấp ngày 11 tháng 12 năm 2006.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 năm 2007.

Bát Trạch Chánh Tông

Giá : 22.000đ